



FDVN LAW FIRM



**TỔNG HỢP 06 BẢN ÁN KHIẾU KIỆN QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH,
HÀNH VI HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ
SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**



TỔNG HỢP BỞI LUẬT SƯ FDEVN

fdvn.vn / fdvnlawfirm.vn / diendanngheluat.vn

**TỔNG HỢP 06 BẢN ÁN KHIẾU KIẾN QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH,
HÀNH VI HÀNH CHÍNH TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỞ HỮU TRÍ TUỆ
VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**

FDVN LAW FIRM

Tài liệu nghiên vụ

STT	NỘI DUNG	SỐ TRANG
1	<p>Bản án số 2601/2023/HC-ST ngày 20/12/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh <i>Về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa”</i> Tóm tắt nội dung vụ án: Ngày 06/01/2016, Bà Lý Thị Kim L có nộp đơn đăng ký nhãn hiệu số 4- 2016-00250 đến Cục SHTT và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325 theo Quyết định số 86842/QĐ-SHTT ngày 07/12/2017 của Cục SHTT, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn. Ngày 09/01/2020, bà L có nhận được một văn bản số 25/LC của Công ty LC do bà Nguyễn Bạch Đ làm đại diện gửi đến địa chỉ Nhà thuốc LC của hộ gia đình bà với nội dung yêu cầu chấm dứt ngay việc sử dụng nhãn hiệu NHÀ THUỐC LC và tháo dỡ phần chữ “Nhà thuốc LC” trên biển hiệu. Qua điều tra, bà L được biết là vào ngày 31/7/2019, ông Đinh Hữu P - Cục trưởng Cục SHTT đã ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SHTT về việc giải quyết hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325 với nội dung ghi tại Điều 1 là “<i>hủy bỏ hiệu lực GCN ĐKNH số 292325 bảo hộ nhãn hiệu LC cấp ngày 07/12/2017 cho Bà Lý Thị Kim L theo đề nghị của ông/bà Nguyễn Bạch Đ</i>”. Chính vì quyết định này được ban hành mà bà Nguyễn Bạch Đ mới được cấp GCN ĐKNH số 341341 để bảo hộ cho nhãn hiệu “Nhà thuốc LC” của bà Đ. Tóm lại, ngay cả khi có tồn tại từ trước tên thương mại Nhà thuốc LC của ông Nguyễn Quang C (sau nhượng quyền cho bà Đ) thì cũng không có căn cứ pháp lý nào để xác định “danh tiếng” của tên thương mại này, đồng thời không có căn cứ pháp lý xác định phạm vi mà tên thương mại này được bảo hộ (phạm vi bảo hộ) để có thể thực thi quyền được bảo hộ là hủy bỏ GCN ĐKNH 292325 của bà L là không có căn cứ. Yêu cầu: - Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 về việc giải quyết hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số</p>	01 - 13

292325, do đã ban hành trái với qui định pháp luật cả về hình thức lẫn nội dung.

- Khôi phục hiệu lực GCN ĐKNH 292325 của Bà Lý Thị Kim L, do trên cơ sở hủy bỏ toàn bộ quyết định số 3675/QĐ-SHTT.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

Xét ngày 06/ 01/2016 bà L nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và bà L được cấp nhãn hiệu “LC” theo GCNĐKNH số 292325 trong khi đó nhãn hiệu “LC” của bốn Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC Hai, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 3, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 4, đã tồn tại từ năm 2011, 2014 theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đang hoạt động kinh doanh các mặt hàng Thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, thuốc chữa bệnh;

Xét ông Nguyễn Quang C có hợp đồng hợp tác với các cá nhân đứng tên các Hộ kinh doanh nêu trên. Do đó không cần thiết thu thập chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc của ông Cường.

Ngày 17/12/2016, ông Cường hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác chuỗi Nhà thuốc LC, cho bà Nguyễn Bạch Đ.

Nhận thấy chuỗi Nhà thuốc LC của ông Cường, bà Đ sáng lập, hoạt động có danh tiếng và phủ rộng mạng lưới hoạt động về địa giới hành chính trong cả nước.

Xét như phân tích trên, nhãn hiệu “LC” theo GCNĐKNH số 292325 còn bị coi là không có khả năng phân biệt do tương tự với tên thương mại “LC” của ông Cường; kể cả danh mục sản phẩm dịch vụ mang nhãn hiệu theo GCNĐKNH 292325 cũng trùng với mặt hàng kinh doanh của ông Cường, bà Đ.

Nhận thấy Cục SHTT đã thông báo cho bà L lần đầu bằng Công văn số 11947/SHTT-TTKN ngày 26/10/2018 và nhắc lại bằng Công văn số 3399/SHTT-TTKN ngày 22/02/2019 trước khi ra Quyết định số 3675/QĐ- SHTT ngày 31/07/2019). Như phân tích mục [1], tuy có vi phạm về thời gian xử lý và ban hành quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH, nhưng không làm thay đổi nội dung của Quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT.

- Xét bà L nại rằng quy trình cấp GCNĐKNH 292325 đã được Cục sở hữu Trí tra cứu các nguồn thông tin tham khảo theo quy định tại điểm 39.7a Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, Thông tin đối với các đơn đăng ký nhãn hiệu, ngày nộp đơn, ngày ưu tiên sớm hơn ngày nộp đơn, các nhãn hiệu đã được bảo hộ, nhãn hiệu bảo hộ đã chấm dứt hiệu lực,

	<p>chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc địa lý; Nhận thấy như phân tích mục [1] và [2.1.], nhãn hiệu LC của ông Cường, bà Đ có danh tiếng, phủ rộng mạng lưới kinh doanh theo địa giới hành chính và mặt khác do cơ sở dữ liệu không lưu trữ các thông tin đối với nhãn hiệu chưa được cấp GCNĐKNH. Do đó Luật SHTT qui định vẫn có trường hợp sau khi cá nhân, Tổ chức được cấp GCNĐKNH vẫn có thể bị phản đối, bị yêu cầu hủy bỏ bởi người thứ ba.</p> <p>Từ những phân tích trên, không chấp nhận khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L yêu cầu hủy bỏ Quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT và khôi phục lại GCNĐKNH 292325</p> <p>Tòa án cấp sơ thẩm quyết định: Không chấp nhận khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L yêu cầu hủy Quyết định 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 của Cục SHTT và buộc Cục SHTT thực hiện nhiệm vụ công vụ khôi phục lại giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325 của Cục SHTT.</p>	
<p>2</p>	<p>Bản án số 587/2022/HC-PT ngày 03/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh <i>Về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực công nhận văn bằng”</i></p> <p>Tóm tắt nội dung vụ án: Ông Trần Quang N tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ hệ chính quy tập trung tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh vào tháng 10 năm 1999.</p> <p>Năm 1999, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện Chương trình liên kết đào tạo sau đại học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh giữa Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học chuyên ngành Nam California của Hoa Kỳ theo sự cho phép đào tạo liên kết của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Chương trình tuyển sinh được 03 khoá vào các năm 1999, 2000, 2001. Ông Trần Quang N là học viên cao học quản trị kinh doanh khoá 2 của Chương trình liên kết này tại TP. Hồ Chí Minh. Tháng 06 năm 2002, ông Trần Quang N được SCUPS cấp bằng Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA). Do đó, bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của ông N do SCUPS cấp hoàn toàn hợp lệ, hợp pháp, được công nhận tại Việt Nam, cũng như đáp ứng đầy đủ điều kiện tuyển sinh đầu vào của các chương trình nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài.</p>	<p>14 - 44</p>

Ngày 20/9/2002, ông N đạt được học bổng toàn phần chương trình Tiến sĩ Châu Âu về Khởi nghiệp và Quản lý Doanh nghiệp nhỏ của Trường Đại học Autònoma de Barcelona - Tây Ban Nha.

Ngày 05/01/2003, ông N lên đường sang Tây Ban Nha làm nghiên cứu sinh Chương trình Tiến sĩ Châu Âu tại Trường Đại học Autònoma de Barcelona - Tây Ban Nha. Ngày 14/02/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ký Quyết định 661/QĐ-UB phê duyệt danh sách các ứng viên tham gia Chương trình 300 thạc sĩ, tiến sĩ giai đoạn 2002-2005 của Thành ủy - Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh trong đó có ông Trần Quang N.

Chương trình đào tạo tiến sĩ của ông N được kiểm định chất lượng và công nhận bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục tư thục của Hiệp hội các trường tư thục của Thụy Sĩ.

Ngày 16/8/2018, ông N gửi hồ sơ đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N do BSL cấp ngày 19/9/2007. Sau đó, Cục trưởng Cục quản lý chất lượng có ban hành Công văn số 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018, trong đó có nêu 03 lý do chưa đủ cơ sở để không công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N theo quy định hiện hành. Ba lý do là: Bằng thạc sĩ Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) của ông N chưa được kiểm định; BSL chưa được kiểm định chất lượng giáo dục của nước Thụy Sĩ; Không có cơ sở xác định ông N học tiến sĩ theo hình thức du học toàn phần hay học từ xa. Cả 03 lý do này là nhận định chủ quan của Cục trưởng Cục QLCL, không có căn cứ pháp luật, không căn cứ kết quả xác minh với cơ quan có thẩm quyền của Liên bang Thụy Sĩ. Ngày 12/12/2018, ông N có đơn khiếu nại gửi Cục trưởng Cục QLCL trong đó nêu rõ những căn cứ để phản bác lập luận của Cục trưởng Cục QLCL và yêu cầu Cục trưởng Cục QLCL xem xét lại việc công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N.

Sau đó, Hiệu trưởng BSL đã có thư gửi thứ 1 ngày 12/9/2019 xác nhận về việc ông N học chương trình tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh tại BSL từ tháng 01/2004 đến tháng 09/2007, ông N nhận học bổng toàn phần của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chương trình đào tạo của ông N tại BSL không phải là chương trình đào tạo từ xa. Ông N phải đi lại giữa Việt Nam và Thụy Sĩ để lấy tài liệu và dữ liệu, cũng như thực hiện khảo sát cho luận án của mình, ông N đã làm việc toàn thời gian cho luận án của mình trong suốt thời gian học, ông N

nộp luận án tiến sĩ vào tháng 5 năm 2007 và bảo vệ thành công luận án vào ngày 19/9/2007. Hiệu trưởng BSL cũng xác nhận trong thư gửi thứ 2 ngày 12/9/2019 như sau: Thụy Sĩ thực thi nền kinh tế tự do. Giáo dục mở rộng cả khu vực tư nhân cũng như khu vực liên bang. Trách nhiệm quản lý về giáo dục chủ yếu ở các bang, trong khi các cơ quan liên bang chỉ có thẩm quyền giới hạn ở một mức độ nhất định. Đặc biệt, về giáo dục đại học, mỗi bang có quyền tự trị giáo dục và thẩm quyền nhất định đối với các trường đại học công lập và các cơ sở giáo dục tư thục trên lãnh thổ bang.

Ngày 22/02/2019, ông N đã chuyển hai văn bản nói trên cho Cục trưởng Cục QLCL. Tuy nhiên, Cục QLCL không có bất cứ phản hồi nào về việc nhận hai văn bản trên từ BSL. Quá thời hạn giải quyết khiếu nại, đến ngày 03/4/2019, ông N có đơn yêu cầu Cục trưởng Cục QLCL giải quyết khiếu nại.

Vì vậy, ông Trần Quang N khởi kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính sau đây của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời yêu cầu công nhận văn bằng của ông Trần Quang N.
2. Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10/4/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang N.
3. Hành vi hành chính buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng công nhận văn bằng tiến sĩ quản trị kinh doanh do Trường Kinh doanh Lausanne của Thụy Sĩ cấp cho ông Trần Quang N năm 2007.

Vào ngày 04/02/2020, ông N có nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là: Hủy văn bản số 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 của Cục quản lý chất lượng - Thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo vì căn cứ theo Điều 6 Luật tổ tụng hành chính, Văn bản số 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 là quyết định hành chính có liên quan.

Ngày 07/5/2020, ông N tiếp tục gửi văn bản yêu cầu Tòa án có văn bản thể hiện ý kiến có thụ lý hay không thụ lý yêu cầu bổ sung.

Ngày 13/5/2020, Thẩm phán ban hành Thông báo số 4423/2020/TB-THC ngày 13/5/2020 về việc không thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu của ông N. Lý do: Công văn số 2971/QLCL-CNVB

ngày 10/12/2018 không phải là quyết định hành chính căn cứ theo khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 21/5/2020, ông N làm đơn khiếu nại đối với Thông báo nêu trên.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N Hủy Công văn số 2265/QLCL-CNVB ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận văn bằng tiến sĩ do Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ (tên trường bằng tiếng Anh là Business School Lausanne) cấp ông Trần Quang N năm 2007 theo quy định pháp luật.

2/ Bác yêu cầu của ông Trần Quang N về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng về hành vi vi phạm tại Điều 11 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3/ Bác yêu cầu của luật sư Vũ Ngọc T về việc yêu cầu Toà án kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền khi xác nhận thủ tục lưu học sinh tại Thụy Sĩ, giấy xác nhận đăng ký công dân tại Thụy Sĩ, chuyển sinh hoạt Đảng sang Chi bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ cho ông Trần Quang N.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định:

Theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam, văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục Thụy Sĩ không thuộc phạm vi áp dụng của Hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc Điều ước quốc tế có liên quan

đến văn bằng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc là thành viên.

Vì vậy, trường hợp của ông Trần Quang N thuộc trường hợp phải làm thủ tục công nhận văn bằng khi có yêu cầu.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ- BGDDT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam thì bằng tiến sĩ của ông N muốn được công nhận tại Việt Nam phải thỏa mãn 01 trong 02 điều kiện sau đây: Văn bằng được cấp phải được Cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục Thụy Sĩ công nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ cho phép thành lập và cấp bằng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ- BGDDT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì khi nộp hồ sơ công nhận văn bằng Tiến sĩ của ông N thì phải nộp kèm theo văn bằng thạc sĩ để thẩm định. Sau khi thẩm định mức độ đáp ứng quy định về tuyển sinh chương trình đào tạo đầu vào tiến sĩ, Cục trưởng cục quản lý chất lượng thẩm định chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) ông theo học là chương trình hợp tác đào tạo từ xa giữa trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Southern California University for Professional Studies (Hoa Kỳ). Tại thời điểm cấp bằng thạc sĩ cho ông, thì trường Southern California University for Professional Studies chưa được kiểm định. Vì vậy, việc Cục quản lý chất lượng nêu ý kiến trả lời cho ông N tại Công văn số 2265/QLCT-CNVB ngày 02/10/2018 chứ không phải không công nhận văn bằng thạc sĩ của ông N, nên không trái pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và đào tạo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

	<p>1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N về việc yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hủy Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời yêu cầu công nhận văn bằng của ông Trần Quang N. - Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang N. - Buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận văn bằng tiến sĩ do Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ (tên trường bằng tiếng Anh là Business School Lausanne) cấp ông Trần Quang N năm 2007 theo quy định pháp luật. <p>2. Bác yêu cầu của ông Trần Quang N về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng về hành vi vi phạm tại Điều 11 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.</p>	
<p>3</p>	<p>Bản án số 201/2022/HC-PT ngày 22/3/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh <i>Về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”</i></p> <p>Tóm tắt nội dung vụ án: Ngày 12/11/2013, Công ty T (Công ty V) nộp đơn đăng ký nhãn hiệu sau đây tại Cục Sở hữu trí tuệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu nhãn hiệu: IRONMAN - Ngày nộp đơn: 12/11/2013 - Số đơn: 4-2013-26781 - Sản phẩm đăng ký: Nhóm 3: Mỹ phẩm; Dầu gội đầu; Sữa tắm; Nước hoa; à phòng; Chất tẩy rửa. <p>Ngày 07/12/2015, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo số 41390/SHTT-NH2 với nội dung nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V không được cấp Giấy chứng nhận vì không có khả năng phân biệt do tương tự gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu khác đã đăng ký theo Thỏa ước Madrid và đang được bảo hộ tại Việt Nam cho cùng ngành hàng.</p> <p>Do phát hiện Nhãn hiệu “IRONMAN” số đăng ký 964446 nêu trên không được sử dụng thực tế tại thị trường Việt Nam từ ngày 16/05/2008 đến ngày 07/12/2015 (5 năm liên tục), nên Công ty V đã</p>	<p>45 - 54</p>

làm đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ chấm dứt hiệu lực giấy đăng ký nhãn hiệu này.

Ngày 18/01/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định số 61/QĐ-SHTT về việc chấm dứt hiệu lực đăng ký quốc tế nhãn hiệu đối với Nhãn hiệu “IRONMAN” số đăng ký 964446.

Sau đó ngày 18/03/2016, bên thứ ba là Công ty Marvel nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ hồ sơ đơn phản đối việc cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu “IRONMAN” cho Công ty V. Vì Công ty Marvel cho rằng: Nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V là tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu nổi tiếng, tên nhân vật thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả “IRON MAN” của Công ty Marvel.

Đến ngày 29/06/2018, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 22898/SHTT-NH2. Trong đó nêu: Đơn nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V không được bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với tên nhân vật “IRON MAN” trong truyện phim thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả của Công ty Marvel được biết đến rộng rãi theo qui định tại Điều 39.3 (1) Thông tư số 01/2007/TT- BKHCN ngày 14/02/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ngày 28/06/2019, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 53013/QĐ- STTT về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Từ những chứng cứ lập luận nêu trên, đủ cơ sở chứng minh Quyết định số 53013/QĐ-STTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (đối với đơn đăng ký nhãn hiệu “IRONMAN”, nộp ngày 12/11/2013, số đơn: 4-2013-26781, của Công ty V) vì lý do tên gọi nhân vật “IRON MAN” trong bộ phim cùng tên “IRON MAN” đã được biết đến rộng rãi tại Việt Nam vào thời điểm ngày 12/11/2013 trở về trước, là không có căn cứ. Vì vậy, Công ty V khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 53013/QĐ-STTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T yêu cầu hủy Quyết định số 53013/QĐ- SHTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định:

Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2013, quy định các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, gồm:

1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm:

.....

e) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh);

Đối chiếu quy định trên thì Phim truyện và phim hoạt hình IRON MAN thuộc sở hữu của Công ty Marvel là tác phẩm điện ảnh được bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam. Nhãn hiệu “IRONMAN” mà Công ty V đăng ký cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa vừa là tên phim (tác phẩm điện ảnh) vừa là tên gọi, thể hiện hình tượng của nhân vật chính trong tác phẩm điện ảnh này.

Ba phần của Phim truyện và phim hoạt hình IRON MAN được khởi chiếu tại các rạp trên lãnh thổ Việt Nam lần lượt vào ngày 16/5/2008, ngày 07/5/2010, ngày 26/4/2013. Thông tin về nhân vật “IRON MAN” và các tác phẩm “IRON MAN” được thể hiện trên báo chí và các trang Web chính thức ở Việt Nam, như báo Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tiền Phong, Vnexpress: “IRON MAN 3” lập kỷ lục ở Việt Nam với 20 tỷ đồng (đăng ngày 01/5/2013, ngày 06/5/2013); “Iro man 3” lập nhiều kỷ lục quốc tế (đăng ngày 03/5/2013)... Điều này thể hiện sự biết đến rộng rãi của công chúng đối với bộ phim cũng như tên nhân vật “IRON MAN”. Phim truyện và phim hoạt hình IRON MAN được công chiếu khắp thế giới như: Ironman Amoured Adventures (2009), Marvel Anime Iroman (2011)... các sản phẩm mang nhãn hiệu IRON MAN trên các trang Web chính thức của Marvel tại địa chỉ: [http://shop.marvel.com/...](http://shop.marvel.com/),

Như vậy, theo quy định tại điểm 39.3.1. Thông tư 01/2007/TT- BKHCN ngày 14/02/2007, có căn cứ xác định bộ phim cũng như tên nhân vật “IRON MAN” được sự biết đến rộng rãi của công chúng Việt Nam.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 53013/QĐ-SHTT của Cục Sở hữu trí tuệ đúng pháp luật, đồng thời bác đơn khởi kiện của Công ty V là có căn cứ. Công ty V kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của Công ty V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Công ty V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

	<p>Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 460/2021/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T yêu cầu hủy Quyết định số 53013/QĐ-SHTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.</p>	
<p>4</p>	<p>Bản án số 149/2021/HC-PT ngày 06/5/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng <i>Về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính”</i> Tóm tắt nội dung vụ án: Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã vi phạm cụ thể như sau: Về hình thức: Quyết định không thể hiện đầy đủ tên đơn vị bị xử phạt, không thể hiện tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vì đây là một trong những nội dung bắt buộc phải có của quyết định. Về nội dung: Chủ thể xử phạt trong Quyết định xử phạt phải là Công ty H chứ không phải Chi nhánh Công ty H tại Đà Nẵng, không đúng chủ thể bị xử phạt, không có cơ sở pháp lý vì tổ chức chịu trách nhiệm trước pháp luật là Công ty H. Chi nhánh Công ty chỉ thực hiện theo ủy quyền của Công ty. Việc xác định giá trị hàng hóa vi phạm là tang vật vi phạm bao gồm thành phẩm là mì chính đã được đóng gói tại nơi bán hàng và nơi đóng gói, bao bì, nguyên liệu dùng để thực hiện hành vi đóng gói mì chính mang dấu hiệu xâm phạm quyền nhãn hiệu để xác định mức xử phạt là không đúng. Chúng tôi không hề xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Công ty A Việt Nam, không có đủ căn cứ để khẳng định Công ty chúng tôi xâm phạm bản quyền. Kết luận giám định NH453 của Công ty H kết luận dấu hiệu trên gói bột ngọt A-T không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu trên gói bột ngọt của A-N. Ý kiến chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ tại Văn bản số 8556/SHTT-TTKN ngày 10/9/2015 cho rằng có dấu hiệu tương tự là khập khiễng, bất nhất, không thỏa đáng. Cả Kết luận của Viện khoa học SHTT và ý kiến chuyên môn của Cục SHTT đều không làm rõ dấu hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn và</p>	<p>55 - 65</p>

việc sử dụng dấu hiệu có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ.

Vì vậy Công ty H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; hủy một phần Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Phần nội dung yêu cầu hủy: Lý do hủy bỏ.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất thương mại H đối với yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất thương mại H hủy một phần Quyết định 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần lý do hủy bỏ.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định:

Tại Quyết định số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc xử phạt vi phạm hành chính Chi nhánh Công ty H đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính là đóng gói hàng hóa (mỹ chính) mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, với hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 500.000.000 đồng; hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ vi phạm 03 tháng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm. Ngày 11/5/2017, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đối với Chi nhánh Công ty H tại Đà Nẵng về hành vi đóng gói hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Người khởi kiện cũng đồng ý với việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt

	<p>vi phạm hành chính nói trên nên tại Quyết định số 2555/QĐ-UBND người khởi kiện chỉ yêu cầu hủy phần lý do hủy bỏ.</p> <p>Như vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC đã bị Quyết định số 2555/QĐ- UBND hủy toàn bộ nên không còn tồn tại. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bác yêu cầu của người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên là có cơ sở.</p> <p>Đối với Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt hành chính. Tại phần lý do hủy bỏ có nêu: Theo quy định tại Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 và Điều 27 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Người khởi kiện cho rằng, phần lý do hủy bỏ không đúng nên yêu cầu Tòa án hủy bỏ phần này đã được thể hiện tại nội dung vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy phần lý do hủy bỏ của Quyết định số 2555/QĐ-UBND không đúng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy phần lý do hủy bỏ là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên bác kháng cáo của người khởi kiện Công ty H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.</p> <p>Tòa án cấp phúc thẩm quyết định: Bác kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.</p>	
<p>5</p>	<p>Bản án số 210/2018/HC-PT ngày 01/6/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội <i>Về việc “Khởi kiện trong lĩnh vực quản lý nhà nước về nhãn hiệu hàng hóa”</i></p> <p>Tóm tắt nội dung vụ án: Ngày 20-7-2005, Công ty TB nộp Đơn số 4-2005-08985 đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 “Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ quầy rượu, dịch vụ quán cà phê tự phục vụ, dịch vụ chỗ ở tạm thời”.</p> <p>Ngày 16-12-2008, Cục sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 26716/QĐ- SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa (GCNĐKNH) số 116243 bảo hộ nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43.</p>	<p>66 - 76</p>

Ngày 09-9-2011, Công ty DN nộp đơn số ĐN1-2011- 00138 đề nghị Cục sở hữu trí tuệ hủy bỏ hiệu lực của GCNĐKNH số 116243, với lý do: Nhãn hiệu DeSyloia có nguồn gốc và quá trình sử dụng của Công ty DN. Công ty kỹ thuật TB không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với nhãn hiệu theo quy định.

Ngày 04-9-2013, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2179/QĐ-SHTT hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243, “Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quây rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời”.

Ngày 16-10-2013, Công ty kỹ thuật TB nộp Đơn KN4-2013-01063 khiếu nại đối với Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Ngày 23-7-2014, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2310/QĐ-SHTT giải quyết khiếu nại, với nội dung giữ nguyên Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013.

Ngày 15-8-2014, Công ty kỹ thuật TB gửi đơn khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ (Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ) đối với Quyết định số 2310/QĐ-SHTT.

Ngày 28-4-2016, Công ty BZ nộp Công văn số 09/2016/TB-BZ về việc thay đổi tên và người đại diện theo pháp luật của Công ty, theo đó, đổi tên “Công ty TNHH Kỹ thuật TB” thành tên “Công ty TNHH Kỹ thuật BZ” và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hà A thay cho bà Lê Hoài My.

Ngày 15-7-2016, Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN giải quyết khiếu nại.

Ngày 27-7-2016, Công ty BZ nộp đơn yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ vì Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23-7-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ và Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9- 2014 của Cục trưởng Sở hữu trí tuệ chưa phù hợp.

Tòa án cấp sơ thẩm quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH BZ đề nghị hủy Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ về giải quyết khiếu nại.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định:

Công ty BZ cho rằng nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” được chủ quán cà phê sử dụng trước khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Công ty BZ không có tài liệu chứng minh nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký đến thời điểm ngày 04-9-2013, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2179/QĐ-SHTT hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243 đã cấp cho Công ty kỹ thuật TB.

Công ty Kỹ thuật TB không chỉ ra được nguồn gốc của nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký là không phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996 của Chính phủ. Trong khi đó, Công ty DN đã chứng minh nguồn gốc và việc sử dụng nhãn hiệu “De Syloia” từ nhiều năm, trước ngày Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Công ty kỹ thuật TB không sử dụng nhưng lại nộp đơn đăng ký để được cấp GCNĐKNH số 116243 bảo hộ nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 đã dẫn đến kết quả là việc tiếp tục sử dụng dấu hiệu “HOTEL DE SYLOIA” của Công ty DN bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Do đó, Công ty DN cho rằng Công ty kỹ thuật TB đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, nhằm chiến đoạt nhãn hiệu “DE SYLOIA” đang được sử dụng hợp pháp của Công ty DN là có căn cứ, theo quy định tại Điều 5.1.b Nghị định số 12/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Công ty kỹ thuật TB không chỉ ra được nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký; đồng thời có ý nộp đơn đăng ký “De Syloia” đã được sử dụng nhiều năm của Công ty DN với động cơ không trung thực nhằm mục đích chiếm đoạt, lợi dụng uy tín, danh tiếng của chủ sở hữu đích thực nhãn hiệu/chỉ dẫn thương mại đó.

Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Công ty BZ.

Tòa án cấp phúc thẩm quyết định:

Bác kháng cáo của Công ty cổ phần kỹ thuật BZ.

Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2017/HCST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

6	<p>Bản án số 132/2017/HC-PT ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng</p> <p><i>Về việc “Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi Cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật”</i></p> <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 24/6/2015, Đội QLTT thành phố Đà Nẵng do ông Nguyễn Thanh T làm Đội trưởng đã ký quyết định kiểm tra số 0196707/QĐ-KT tại Chi nhánh Công ty HTH, nội dung kiểm tra theo quyết định bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, việc thực hiện theo nội dung đăng ký.+ Kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kinh doanh: Hóa đơn, chứng từ có liên quan đến hàng hóa.+ Kiểm tra việc đo lường chất lượng hàng hóa theo quy định. <p>Trong quá trình kiểm tra, Đội Quản lý thị trường số XX tự động kiểm tra nội dung không có trong quyết định kiểm tra số 0196707 nêu trên, đó là:</p> <ul style="list-style-type: none">- Xâm phạm quyền nhãn hiệu (ba chữ tượng hình) giữa Công ty AJ VN với người khởi kiện.- Theo quy định của pháp luật, quá trình kiểm tra nếu phát hiện có hành vi mới phải có quyết định kiểm tra bổ sung nhưng Đội Quản lý thị trường không có quyết định kiểm tra bổ sung là vượt quá nội dung kiểm tra. Quá trình kiểm tra đã thu giữ và niêm phong toàn bộ hàng hóa là không đúng.- Tự động cho người lạ mặt, không mặc đồng phục của Đội quản lý thị trường vào kiểm tra công ty mà những người này là người của Công ty AJ VN.- Đội Quản lý thị trường số XX lập biên bản tạm giữ hàng hóa là mì chính theo biên bản số 0088000/BB-TGTV ngày 24/6/2015 đến ngày trả lại hàng hóa cho chúng tôi theo Quyết định số 0029505/QĐ-TLTV nhưng thực tế hàng hóa và các thiết bị phục vụ cho sản xuất vẫn bị niêm phong, yêu cầu công ty chúng tôi bảo quản tang vật nguyên trạng chờ ý kiến chuyên môn để có kết luận xử lý, Đội Quản lý thị trường đã lấy mất 04 bao mì chính mỗi bao 25 kg mà không có lý do chính đáng và cũng không đưa vào quyết định trả lại tang vật. <p>Tòa án cấp sơ thẩm quyết định:</p> <p>I/ Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH về việc yêu cầu tuyên bố một số hành vi hành chính</p>	77 - 87
----------	---	----------------

trái pháp luật của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng.

II/ Tuyên bố hành vi giữ hàng hóa (theo quyết định tạm giữ số 0073856 ngày 24/6/2015) của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH niêm phong tại kho Chi nhánh của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH (số XXX, đường NCT) từ ngày 23/8/2015 đến ngày 21/12/2015 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định:

Đối với hành vi kiểm tra vượt quá nội dung thông báo tại quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Chi nhánh Công ty HTH. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc kiểm tra yếu tố xâm phạm quyền về nhãn hiệu hàng hóa là có thật, cả người khởi kiện và bị kiện đều thừa nhận. Tuy nhiên trước đó, khi thụ lý đơn đề nghị phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm của Công ty AJ VN, Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX đã tiến hành trưng cầu Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ VN giám định đối với các dấu hiệu gắn trên bao bì sản phẩm đang bày bán tại chi nhánh Công ty HTH có hay không sự tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam của Công ty AJ VN. Trong quá trình kiểm tra, Đội QLTT phát hiện Chi Nhánh Công ty HTH đang có dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo nêu trên của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH.

Đối với yêu cầu xác định hành vi cho người lạ mặt là người của Công ty AJ VN đi cùng vào kiểm tra của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật: thấy rằng, không có chứng cứ để xác định có người lạ vào khu vực kiểm tra doanh nghiệp và được sự cho phép của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Đà Nẵng. Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo này của người khởi kiện.

Đối với kháng cáo về hành vi tính toán xác định giá trị hàng hóa được cho là xâm phạm quyền về nhãn hiệu không đúng pháp luật, không thấu tình đạt lý để từ đó ra quyết định xử phạt 500.000.000đ là gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Hội đồng xét xử thấy rằng việc Đội QLTT số 8 đã xác định nguyên liệu, bao bì, thành phẩm có gắn dấu hiệu vi phạm, phương tiện dùng để đóng gói hàng hóa theo Biên bản kiểm tra

số 169662 và các phụ lục kèm theo ngày 24/6/2015 là tang vật trực tiếp được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của Chi nhánh Công ty HTH là có căn cứ và xác định tổng giá trị tang vật là 705.554.800đ dựa trên tính toán số lượng nhân với giá niêm yết tại công ty, phù hợp với quy định “*Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt*” được quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Như vậy, Công ty HTH kháng cáo về hành vi tính toán xác định giá trị hàng hóa trái pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với hành vi làm thất thoát hàng hóa 04 bao bột ngọt mỗi bao cân nặng 25 kg, không có căn cứ để chứng minh người bị kiện làm thất thoát hàng hóa nên không có cơ sở để chấp nhận.

Tòa án cấp phúc thẩm quyết định:

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại HTH, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm 02/2016/HC-ST ngày 04/5/2015, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

FDVN LAW FIRM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2601/2023/HC-ST

Ngày: 20/12/2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý bảo hộ nhãn
hiệu hàng hóa.**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:****Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hiếu**Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Bà Phan Ngọc Huệ

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiên Nhật**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Trương Thị Hồng
Hoa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/HCST ngày 24 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5067/2023/QĐXXST-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023, giữa:

Người khởi kiện: Bà Lý Thị Kim L

Địa chỉ: 431 đường T, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Điền Thế N (Có mặt)**Người bị kiện:** Cục SHTT

Địa chỉ: 384-386 đường T, quận X, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Lê H – Phó Cục trưởng Cục SHTT (Giấy ủy quyền số 4550/GUQ-SHTT ngày 21/11/2023 (Có mặt)**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông Phan Thanh T – chuyên viên phòng thực thi và giải quyết khiếu nại. (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Bạch Đ Địa chỉ: 23D đường T, Phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền: Bà Dương Hoàng L và/hoặc bà Trần Thị H; ông Nguyễn Vũ Q (Có mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn kiện ngày 03/ 3/ 2020 Bà Lý Thị Kim L và trình bày tại Tòa (Ông Điền Thế N là đại diện ủy quyền của người khởi kiện):

Yêu cầu:

- Hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 về việc giải quyết hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325, do đã ban hành trái với qui định pháp luật cả về hình thức lẫn nội dung.

- Khôi phục hiệu lực GCN ĐKNH 292325 của Bà Lý Thị Kim L, do trên cơ sở hủy bỏ toàn bộ quyết định số 3675/QĐ-SHTT.

Với những lý do sau:

Ngày 06/01/2016, Bà Lý Thị Kim L có nộp đơn đăng ký nhãn hiệu số 4- 2016-00250 đến Cục SHTT và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325 theo Quyết định số 86842/QĐ-SHTT ngày 07/12/2017 của Cục SHTT, có hiệu lực từ ngày cấp đến hết 10 năm tính từ ngày nộp đơn.

Ngày 09/01/2020, bà L có nhận được một văn bản số 25/LC của Công ty Cổ phần dược phẩm LC do bà Nguyễn Bạch Đ làm đại diện gửi đến địa chỉ Nhà thuốc LC của hộ gia đình tôi tại 223 đường N, Phường XM, quận G với nội dung yêu cầu chấm dứt ngay việc sử dụng nhãn hiệu NHÀ THUỐC LC và tháo dỡ phần chữ “Nhà thuốc LC” trên biển hiệu.

Qua điều tra, bà L được biết là vào ngày 31/7/2019, ông Đinh Hữu P - Cục trưởng Cục SHTT đã ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SHTT về việc giải quyết hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325 với nội dung ghi tại Điều 1 là *“hủy bỏ hiệu lực GCN ĐKNH số 292325 bảo hộ nhãn hiệu LC cấp ngày 07/12/2017 cho Bà Lý Thị Kim L theo đề nghị của ông/bà Nguyễn Bạch Đ”*. Chính vì quyết định này được ban hành mà bà Nguyễn Bạch Đ mới được cấp GCN ĐKNH số 341341 để bảo hộ cho nhãn hiệu “Nhà thuốc LC” của bà Đ và trên cơ sở đó, bà Đ đã đưa ra các yêu cầu như nội dung văn bản số 25/LC nêu trên.

Trong nội dung Quyết định số 3675/QĐ-SHTT có các vấn đề cần lưu ý tại Mục căn cứ và Mục I - Quyết định 3675 do ông Đinh Hữu P ký, cụ thể ghi rõ là:

“Xét đơn ĐN1-2018-00159 ngày 23/7/2018 của ông/bà Nguyễn Bạch Đ (23D đường T, Phường V, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (GCN ĐKNH) số 292325 bảo hộ nhãn hiệu “LC” cho dịch vụ thuộc nhóm 35 và 44 cấp ngày 07/12/2017 cho Bà Lý Thị Kim L ...”;

“Cục SHTT đã 2 lần thông báo (Công văn 11947/SHTT-TTKN ngày 26/10/2018 và công văn số 3399/SHTT-TTKN ngày 22/02/2019) nhưng Bà Lý Thị Kim L không có ý kiến trả lời”.

Tại Mục II - Quyết định 3675 do ông Đinh Hữu P ký cũng có ghi rõ là: “Các chứng cứ của ông/bà Nguyễn Bạch Đ cho thấy nhãn hiệu “LC” theo GCN ĐKNH 292325 bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “LC” đồng thời là tên thương mại Nhà thuốc LC; chuỗi thương mại Nhà thuốc CL bao gồm các cửa hàng thuốc CL có tiếng tại TP. Hồ Chí Minh đã được sử dụng rộng rãi trước ngày Bà Lý Thị Kim L đăng ký và sử dụng nhãn hiệu nêu trên cho các dịch vụ cùng loại với các dịch vụ của ông/bà Nguyễn Bạch Đ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ và ảnh hưởng đến uy tín của ông/bà Nguyễn Bạch Đ”.

1. Về mặt hình thức:

Căn cứ Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BKHCN năm 2017 hướng dẫn Nghị định 103/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 29/12/2017, tại Mục 1 Điểm 21.3 Xử lý yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

a) Trường hợp người thứ ba yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ, trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu, Cục SHTT thông báo bằng văn bản về ý kiến của người thứ ba cho chủ văn bằng bảo hộ trong đó ấn định thời hạn là 02 tháng kể từ ngày ra thông báo để chủ văn bằng bảo hộ có ý kiến. Cục SHTT có thể tổ chức việc trao đổi ý kiến trực tiếp giữa người thứ ba và chủ văn bằng bảo hộ liên quan.

b) Trên cơ sở xem xét ý kiến của các bên, Cục SHTT ra quyết định chấm dứt/hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ hoặc thông báo từ chối chấm dứt/hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ hiệu lực văn bằng bảo hộ theo quy định tại khoản 4 Điều 95 và khoản 4 Điều 96 của Luật Sở hữu trí tuệ.

Thời hạn ra quyết định và thông báo nêu tại điểm này là 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn 02 tháng nêu tại điểm 21.3.a mà chủ văn bằng không có ý kiến hoặc kể từ ngày nhận được ý kiến của chủ văn bằng. Thời hạn này có thể kéo dài thêm tối đa 03 tháng nếu chủ văn bằng có ý kiến khác với chủ đơn yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ.

Có thể thấy rõ là:

- Ngày ra thông báo lần 1 theo công văn 11947/SHTT-TTKN là 26/10/2018 đã vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều 21.3a nêu trên vì ngày nhận được yêu cầu của người thứ ba là ngày 23/7/2018 và ngày 23/8/2018 là ngày cuối cùng Cục SHTT có trách nhiệm phải thông báo cho bà L. Bà L hoàn toàn có thể khẳng định được ngày 23/7/2018 là ngày Cục SHTT đã nhận được văn bản ý kiến của người thứ ba (bà Nguyễn Bạch Đ) về việc đề

ngộ hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ nhãn hiệu của bà L trên cơ sở xác nhận bằng văn bản ngày 14/8/2019 của chính bà Nguyễn Bạch Đ mà bà L có nộp kèm đơn khởi kiện này.

- Tiếp theo, nếu tính ngày thông báo theo công văn thứ 2 số 3399/SHTT- TTKN của Cục SHTT là 22/02/2019 thì quyền trả lời thông báo này của bà L sẽ được tính là đến hết ngày 22/4/2019 và ngày Cục trưởng Cục SHTT được quyền ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực văn bằng của bà L là đến hết ngày 22/7/2019 do bà L không có ý kiến trả lời. Quyết định số 3675/QĐ-SHTT được ban hành ngày 31/7/2019 là sai luật.

2. Về mặt nội dung

Bà L thực sự không tìm thấy bất cứ chứng cứ hay căn cứ pháp lý nào cho thấy bà Nguyễn Bạch Đ là chủ sở hữu nhãn hiệu và chủ sở hữu tên thương mại “LC” trước ngày nộp đơn đăng ký nhãn hiệu của bà L;

Cuối cùng, không thể có bất cứ chứng cứ nào cho thấy “chuỗi thương mại Nhà thuốc CL bao gồm các cửa hàng thuốc CL” có tiếng tại TP. Hồ Chí Minh đã được sử dụng rộng rãi trước ngày Bà Lý Thị Kim L đăng ký và sử dụng nhãn hiệu LC ...” lại có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc xuất xứ và ảnh hưởng đến uy tín của ông/bà Nguyễn Bạch Đ.

3. Mặt khác:

Trong trường hợp có tồn tại tên thương mại Nhà thuốc LC trước thời điểm nộp đơn đăng ký nhãn hiệu của tôi thì căn cứ Văn bản hợp nhất 07/VBHN-BKHCN năm 2017 hướng dẫn Nghị định 103/2006/NĐ-CP hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 29/12/2017, tại Mục 5 Điểm 39.7b đã quy định rõ “nguồn thông tin tham khảo” mà xét nghiệm viên Cục SHTT cần tra cứu khi đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu “ngoài nguồn thông tin tối thiểu nêu tại điểm 39.7.a trên đây, như các đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, tên thương mại...”. Vậy, tại thời điểm cấp GCN ĐKNH số 292325 cho bà L, Cục SHTT đã biết rõ nguồn thông tin về tên thương mại đã tồn tại từ trước, nói cách khác, Cục SHTT đã xem xét đến “nguồn thông tin tham khảo” là tên thương mại của bên thứ ba và Cục SHTT đã cấp GCN ĐKNH số 292325 cho bà L nghĩa là Cục SHTT đã khẳng định nhãn hiệu LC của bà L không xâm phạm quyền đối với tên thương mại đã có từ trước do không tương tự đến mức gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng. Vậy việc ban hành Quyết định số 3675/QĐ- SHTT ngày 31/7/2019 của ông Cục trưởng Cục SHTT là nhận thức tùy tiện chứ không hề áp dụng bất cứ quy định pháp luật liên quan nào!

Tiếp theo, theo quy định tại Điều 16.2 Văn bản hợp nhất 02/VBHN- BKHCN năm 2014 hợp nhất Nghị định quy định và hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành ngày 31/12/2014 thì: “Phạm vi quyền đối với tên thương mại được xác định theo phạm vi bảo hộ tên thương mại, gồm tên thương mại, lĩnh vực kinh doanh và lãnh thổ kinh doanh trong đó tên thương mại được chủ thể mang tên

thương mại sử dụng một cách hợp pháp. Việc đăng ký tên gọi của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong thủ tục kinh doanh không được coi là sử dụng tên gọi đó mà chỉ là một điều kiện để việc sử dụng tên gọi đó được coi là hợp pháp.”

Theo đó, văn bản hợp nhất 07/VBHN-BKHCN năm 2017, tại Mục 1 Điều 1.6 đã quy định rõ: “khi sử dụng quyền và giải quyết tranh chấp quyền đối với tên thương mại, chủ thể có tên thương mại phải chứng minh quyền của mình bằng các chứng cứ thể hiện thời gian, lãnh thổ, lĩnh vực trong đó tên thương mại đã được chủ thể đó sử dụng”. Tại Điều 4 Khoản 21 của Văn bản hợp nhất 07/VBHN-VPQH năm 2019 hợp nhất Luật Sở hữu trí tuệ do Văn phòng Quốc hội ban hành ngày 25/6/2019 chỉ quy định “Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể kinh doanh có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng”. Hiện nay, pháp luật chưa có quy định nào hướng dẫn khu vực địa lý được xác định như thế nào và khu vực địa lý có thể được hiểu là xác định theo đơn vị hành chính lãnh thổ (cấp tỉnh) hay không. Luật Sở hữu trí tuệ cũng không quy định rõ “danh tiếng” của tên thương mại được xác định như thế nào tại khu vực địa lý mà tên thương mại đó được sử dụng.

Tóm lại, ngay cả khi có tồn tại từ trước tên thương mại Nhà thuốc LC của ông Nguyễn Quang C (sau nhượng quyền cho bà Đ) thì cũng không có căn cứ pháp lý nào để xác định “danh tiếng” của tên thương mại này, đồng thời không có căn cứ pháp lý xác định phạm vi mà tên thương mại này được bảo hộ (phạm vi bảo hộ) để có thể thực thi quyền được bảo hộ là hủy bỏ GCN ĐKNH 292325 của bà L là không có căn cứ.

Người bị kiện - Cục SHTT có Văn bản số 11240/SHTT-TTKN ngày 03/12/2021 và Văn bản số 4452/SHTT-TTKN ngày 21/11/2023 trình bày:

1. Về tính hợp pháp của Quyết định số 3675/QĐ-SHTT

Theo Quyết định số 3675/QĐ-SHTT, GCN ĐKNH số 292325 bảo hộ nhãn hiệu “LC” cho các dịch vụ thuộc nhóm 35 và 44 bị huỷ bỏ hiệu lực theo các quy định tại điểm g, k khoản 2 Điều 74 và Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ) do không có khả năng phân biệt (tức là không đáp ứng điều kiện bảo hộ). Cụ thể là:

Theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là “dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên”. Trong trường hợp này, nhãn hiệu “LC” theo GCN ĐKNH số 292325 bị coi là không có khả năng phân biệt do tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “LC” của Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC Hai, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 3, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 4 đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi bởi Ông Nguyễn Quang C (đã được chuyển nhượng cho Bà Nguyễn

Bạch Đ theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác chuỗi Nhà thuốc LC ký ngày 17/12/2016) cho dịch vụ tương tự từ trước ngày nộp đơn (06/01/2016). Điều này được thể hiện ở các thông tin về mạng lưới các cơ sở kinh doanh (gồm 04 Nhà thuốc LC), sự thừa nhận của khách hàng và các đối tác kinh doanh (như được thể hiện trong các tài liệu đã gửi Quý Toà theo công văn số 11240/SHTT-TTKN ngày 03/12/2021).

Theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là “dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ”. Trong trường hợp này, nhãn hiệu “LC” theo GCNĐKNH số 292325 còn bị coi là không có khả năng phân biệt do tương tự với tên thương mại “LC” đang được Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 4, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC Hai sử dụng và việc sử dụng nhãn hiệu “LC” cho danh mục dịch vụ theo GCNĐKNH số 292325 có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của dịch vụ.

Các tài liệu đã được Cục SHTT xem xét để ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SHTT bao gồm (xem các tài liệu đã gửi Quý Toà theo công văn số 11240/SHTT-TTKN ngày 03/12/2021):

- Bản sao có xác nhận công chứng Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41C8013647 ngày 17/4/2012 của Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC tại địa chỉ 375 đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao có xác nhận công chứng Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41C8016458 ngày 06/2/2014 của Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 4 tại địa chỉ: 409 đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Bản sao có xác nhận công chứng Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 41C8017220 ngày 20/10/2014 của Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC Hai tại địa chỉ: 399 đường T, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác chuỗi Nhà thuốc LC ký ngày 17/12/2016 giữa Ông Nguyễn Quang C và Bà Nguyễn Bạch Đ; Chứng nhận Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC đạt chuẩn Hàng thật - thương hiệu chính hãng do Viện Sở hữu trí tuệ quốc tế cấp ngày 09/11/2015; Chứng nhận giải thưởng “Tâm nhìn Á Đông lần 1” do ban điều hành diễn đàn khoa học nhân lực quốc tế cấp ngày 27/8/2012; Chứng nhận thương hiệu Việt tiêu biểu vì quyền lợi người tiêu dùng 2014 ngày 25/4/2014; Chứng nhận nhà thuốc vàng LC đạt thành tích xuất sắc sản phẩm Sanofi - Aventis quý 4/2007; Bằng khen Nhà thuốc LC - Quận 3 đạt danh hiệu nhà thuốc VIP năm 2003; Giải nhất đại lý xuất sắc năm 2010-2012 của hệ thống Nhà thuốc LC ngày 15/10/2013; Chứng nhận Nhà thuốc LC 3, khách hàng kim cương năm 2016.

Vì các lý do nêu trên, Cục SHTT cho rằng việc ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SHTT là đúng theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Về các lý do khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L, nhận thấy:

Việc Cục SHTT chưa thông báo bằng văn bản về ý kiến của người thứ ba cho chủ văn bằng bảo hộ trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu hủy bỏ hiệu lực (23/7/2018) và chưa ban hành Quyết định hủy bỏ hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn 02 tháng nêu tại điểm 21.3a Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN là phù hợp do đây là khoảng thời gian theo Luật định để xử lý. Tuy nhiên vì các lý do khác nhau, việc xử lý này có thể bị kéo dài. Việc kéo dài hơn 01 tháng mới xử lý ý kiến của người thứ ba và thông báo cho chủ văn bằng bảo hộ không phải là căn cứ pháp lý để làm ảnh hưởng đến hiệu lực của quyết định của cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định này. Thực tế, Cục SHTT đã thông báo và chuyển thông tin về ý kiến của người thứ ba một cách đầy đủ cho chủ GCNĐKNH số 292325 bảo hộ nhãn hiệu “LC” là Bà Lý Thị Kim L để Bà L có đủ thời gian phản hồi về ý kiến của người thứ ba này (có đến 9 tháng để Bà L có thể phản hồi đối với ý kiến của người thứ ba, cụ thể thông báo lần đầu bằng công văn số 11947/SHTT-TTKN ngày 26/10/2018 và nhắc lại bằng công văn số 3399/SHTT-TTKN ngày 22/02/2019 trước khi ra Quyết định số 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019). Do đó, lý do khởi kiện thứ nhất và thứ hai của Bà Lý Thị Kim L là không có cơ sở.

Các chứng cứ nêu tại mục 1 của công văn này (xem các tài liệu đã gửi Quý Toà theo công văn số 11240/SHTT-TTKN ngày 03/12/2021) là đủ để chứng minh nhãn hiệu “LC” đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi trước ngày nộp đơn (06/01/2016). Trong khi đó, Bà Lý Thị Kim L không có ý kiến phản bác có cơ sở đối với những căn cứ mà bên yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH số 292325 đưa ra và được sử dụng làm căn cứ để ban hành Quyết định số 3675/QĐ-SHTT. Do đó, lý do khởi kiện thứ ba của Bà Lý Thị Kim L là không có cơ sở.

Việc Cục SHTT, mặc dù đã tra cứu các nguồn thông tin tham khảo ngoài nguồn thông tin tối thiểu nêu tại điểm 39.7a Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN (bao gồm tên thương mại), nhưng vẫn cấp GCNĐKNH số 292325 bảo hộ nhãn hiệu “LC” cho Bà Lý Thị Kim L không phải là căn cứ để không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH này của bên thứ ba theo các thông tin thực tế, kể cả thông tin về nhãn hiệu hay tên thương mại của cá nhân, tổ chức khác được bảo hộ mà thuộc phạm vi nguồn thông tin tối thiểu. Do đó, lập luận này hoàn toàn không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết đề nghị hủy bỏ hiệu lực và tính hợp pháp của Quyết định số 3675/QĐ-SHTT. Thực tế, tên thương mại là một nguồn thông tin cần thiết để phục vụ cho việc đăng ký nhãn hiệu, cụ thể là để tra cứu và đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu. Tuy nhiên, do cơ sở dữ liệu tên thương mại (kể cả tên thương mại dựa trên việc sử dụng tên của doanh nghiệp) không được xây dựng bởi bất kỳ cơ quan nào và luôn biến động phụ thuộc vào quá trình sử dụng của cá nhân và tổ chức trong hoạt động kinh doanh, nên việc làm rõ thông tin này trong quá trình thẩm định được thực hiện theo cơ chế mở, cụ thể là thông qua việc công bố đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp và công bố nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ trên Công báo Sở hữu công nghiệp được

phát hành định kỳ hằng tháng để người có quyền và lợi ích liên quan (như người có tên thương mại bị xâm phạm) cung cấp thông tin cho Cục SHTT hoặc thực hiện thủ tục phản đối cấp văn bằng bảo hộ hoặc thực hiện thủ tục hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ khi văn bằng bảo hộ đã được cấp ra. Điều này có nghĩa là, Cục SHTT không có cơ sở dữ liệu và không có khả năng tự thu thập thông tin, tra cứu và đánh giá khả năng bảo hộ của nhãn hiệu dựa trên tên thương mại đang được sử dụng, tức được bảo hộ, tại Việt Nam. Khi chủ sở hữu tên thương mại biết được thông tin về nhãn hiệu được bảo hộ tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thương mại, họ vẫn có quyền yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ trên cơ sở các quy định tại điểm k khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu trí tuệ. Do đó, lý do khởi kiện thứ tư của Bà Lý Thị Kim L là không có cơ sở.

Các chứng cứ nêu tại mục 1 của công văn này (xem các tài liệu đã gửi Quý Toà theo công văn số 11240/SHTT-TTKN ngày 03/12/2021) là đủ để chứng minh tên thương mại “LC” đã được sử dụng hợp pháp trong cùng lĩnh vực kinh doanh dược phẩm và cùng khu vực kinh doanh tại Thành phố Hồ Chí Minh với chủ sở hữu nhãn hiệu “LC” theo GCNĐKNH số 292325 theo các quy định pháp luật tại khoản 21 Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 6, điểm k khoản 2 Điều 74, Điều 76, khoản 2 Điều 121, khoản 6 Điều 124, khoản 2 Điều 129 Luật Sở hữu trí tuệ, khoản 3 Điều 6, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010, điểm 1.6, 39.7b, 39.12a(ii) Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN. Việc trong Quyết định số 3675/QĐ-SHTT thể hiện nhầm nhà thuốc “LC” thành “CL” chỉ là thiếu sót mang tính kỹ thuật và không ảnh hưởng đến tình hợp pháp của Quyết định này. Do đó, lý do khởi kiện thứ năm của Bà Lý Thị Kim L là không có cơ sở.

Tổng hợp các ý kiến và lập luận nêu trên, Cục SHTT không đồng ý với đơn khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Bạch Đ trình bày:

Không đồng ý khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L. Bà L chỉ nhằm duy trì quyền sở hữu đối với nhãn hiệu LC, lợi dụng danh tiếng của Nhà thuốc LC

Tại phiên Tòa sơ thẩm:

- Đại diện của bà L yêu cầu Tòa thu thập chứng cứ xác nhận chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc của các Dược sĩ đã hợp tác với ông Nguyễn Quang C, là chủ cơ sở của bôn Nhà thuốc LC. Chủ cơ sở thì không cần có chứng chỉ hành nghề kinh doanh.

- Đại diện Người bị kiện - Cục SHTT không đồng ý khởi kiện của bà L. Cần phân biệt giữa người đứng tên kinh doanh thuốc với chủ cơ sở.

- Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Bạch Đ không đồng ý khởi kiện của bà L.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cục SHTT thống nhất bảo lưu Quyết định 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng Luật tố tụng hành chính khi tiến hành giải quyết vụ án. Về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm. Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng chấp hành đúng. Bà L đăng ký nhãn hiệu LC trùng với tên của người khác đã được sử dụng rộng rãi và dnah tiếng trên thị trường. Do đó Cục SHTT ban hành Quyết định 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu 292325 đã cấp cho bà L là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quyền khởi kiện và thời hiệu:

Ngày 03/3/2020, Bà Lý Thị Kim L có đơn kiện yêu cầu hủy quyết định 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 về việc hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 29235 bảo hộ nhãn hiệu “LC” cấp ngày 07/ 12/ 2017 cho Bà Lý Thị Kim L theo đề nghị của bà Nguyễn Bạch Đ (gọi tắt là quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT)

Bà L có quyền khởi kiện đối với quyết định này;

Yêu cầu Cục SHTTn thực hiện nhiệm vụ công vụ - khôi phục hiệu lực GCN ĐKNH 292325 của Bà Lý Thị Kim L, trong trường hợp Quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT bị Tòa tuyên hủy, không phải yêu cầu khởi kiện độc lập, nên Tòa sẽ xem xét đánh giá cùng với quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT.

Thời hiệu khởi kiện còn trong hạn 01 năm kể từ ngày nhận, biết quyết định. [2]. Tính hợp pháp của Quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT:

2.1. Thẩm quyền ban hành quyết định:

Theo Điều 96 Luật Sở hữu trí tuệ, thì Cục SHTT có thẩm quyền ban hành quyết định hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ. Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục SHTT được ban hành kèm theo Quyết định 2525/QĐ-BKHCN ngày 04/9/2018 quy định chế độ làm việc của Cục SHTT theo chế độ Thủ trưởng. Do đó Cục trưởng ký quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT (bị kiện) là đúng.

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 và Nghị quyết 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn xác định tư cách người bị kiện, thì Tòa án cần căn cứ vào thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị kiện theo Luật qui định về loại việc của quyết định hành chính đó.

2.2. Nội dung của Quyết định số 3675/2019/QĐ-SHTT

- Theo quy định điểm g khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu Trí tuệ (Luật SHTT), nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là “dấu hiệu trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi cho hàng hoá, dịch vụ trùng hoặc tương tự từ trước ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên”.

Xét ngày 06/ 01/2016 bà L nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và bà L được cấp nhãn hiệu “LC” theo GCNĐKNH số 292325 (Quyết định cấp 86842/QĐ-SHTT ngày 07/12/2017); trong khi đó nhãn hiệu “LC” của bốn Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC Hai, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 3, Hộ kinh doanh Nhà thuốc LC 4, đã tồn tại từ năm 2011, 2014 theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đang hoạt động kinh doanh các mặt hàng Thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, thuốc chữa bệnh;

Xét ông Nguyễn Quang C có hợp đồng hợp tác với các cá nhân đứng tên các Hộ kinh doanh nêu trên. Do đó không cần thiết thu thập chứng chỉ hành nghề kinh doanh thuốc của ông Cường. Quá trình hoạt động kinh doanh có các chứng nhận đạt chuẩn Hàng thật - thương hiệu chính hãng do Viện Sở hữu trí tuệ quốc tế cấp ngày 09/11/2015; Chứng nhận giải thưởng “Tầm nhìn Á Đông lần 1” do ban điều hành diễn đàn khoa học nhân lực quốc tế cấp ngày 27/8/2012; Chứng nhận thương hiệu Việt tiêu biểu vì quyền lợi người tiêu dùng 2014 ngày 25/4/2014; Chứng nhận nhà thuốc vàng LC đạt thành tích xuất sắc sản phẩm Sanofi - Aventis quý 4/2007; Bằng khen danh hiệu nhà thuốc VIP năm 2003; Giải nhất đại lý xuất sắc năm 2010-2012 ký ngày 15/10/2013; Chứng nhận Nhà thuốc LC 3 có khách hàng kim cương năm 2016;

Ngày 17/12/2016, ông Cường hợp đồng chuyển nhượng tài sản và quyền khai thác chuỗi Nhà thuốc LC, cho bà Nguyễn Bạch Đ. (Hệ thống Nhà thuốc LC của bà Đ phủ rộng khắp địa bàn các quận, huyện Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước);

Ngày 07/12/2017, Cục SHTT cấp cho Bà Lý Thị Kim L GCNĐKNH số 292325 nhãn hiệu LC, đối với các dịch vụ thuộc nhóm 35 và 44 theo bảng phân loại quốc tế Ni-xơ phiên bản 11. Trong đó nhóm 35 thuộc sản phẩm dược, chế phẩm dược, thuốc bổ; đại lý thông tin thương mại; dịch vụ giới thiệu sản phẩm trên các phương tiện truyền thông cho mục đích bán lẻ, quản lý quá trình đặt hàng, xử lý về mặt hành chính các đơn hàng. Nhóm 44 thuộc dịch vụ phẫu thuật tạo hình; vật lý trị liệu; dịch vụ dược sĩ kê đơn thuốc; dịch vụ y tế tại Bệnh viện; cho thuê thiết bị y tế; Trùng với các mặt hàng kinh doanh dịch vụ của hệ thống Nhà thuốc LC do ông Nguyễn Quang C, bà Nguyễn Bạch Đ sáng lập, hoạt động kinh doanh.

Nhận thấy chuỗi Nhà thuốc LC của ông Cường, bà Đ sáng lập, hoạt động có danh tiếng và phủ rộng mạng lưới hoạt động về địa giới hành chính trong cả nước.

- Theo quy định tại điểm k khoản 2 Điều 74 Luật SHTT, nhãn hiệu bị coi là không có khả năng phân biệt nếu nhãn hiệu đó là “dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ”.

Xét như phân tích trên, nhãn hiệu “LC” theo GCNĐKNH số 292325 còn bị coi là không có khả năng phân biệt do tương tự với tên thương mại “LC” của ông Cường (về sau ông Cường chuyển nhượng cho bà Đ); kể cả danh mục sản phẩm dịch vụ mang nhãn hiệu theo GCNĐKNH 292325 cũng trùng với mặt hàng kinh doanh của ông Cường, bà Đ.

Nhận thấy việc sử dụng nhãn hiệu “LC” cho danh mục dịch vụ theo GCNĐKNH số 292325 có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc của dịch vụ.

2.3. Về trình tự thủ tục ban hành quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT

- Theo quy định tại điểm 21.3a Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT- BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT- BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN), thì:

Khi bà Đ có yêu cầu ngày 23/7/2018 về việc hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH 292325 của bà L, Cục SHTT phải thông báo bằng văn bản về ý kiến của bà Đ cho bà L biết trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được yêu cầu hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH. Và Cục SHTT phải ban hành Quyết định hủy bỏ hiệu lực trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn 02 tháng nêu tại điểm 21.3a là trái với quy định pháp luật tại điểm 21.3b Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN.

Nhận thấy Cục SHTT đã thông báo cho bà L lần đầu bằng Công văn số 11947/SHTT-TTKN ngày 26/10/2018 và nhắc lại bằng Công văn số 3399/SHTT-TTKN ngày 22/02/2019 trước khi ra Quyết định số 3675/QĐ- SHTT ngày 31/07/2019). Như phân tích mục [1], tuy có vi phạm về thời gian xử lý và ban hành quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT hủy bỏ hiệu lực GCNĐKNH, nhưng không làm thay đổi nội dung của Quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT.

- Cục SHTT cho rằng: cơ sở dữ liệu về tên thương mại (kể cả tên thương mại dựa trên việc sử dụng tên của doanh nghiệp) không được xây dựng bởi bất kỳ cơ quan nào và luôn biến động phụ thuộc vào quá trình sử dụng của cá nhân, tổ chức trong hoạt động kinh doanh, nên việc làm rõ thông tin này trong quá trình thẩm định được thực hiện theo cơ chế mở, cụ thể là thông qua việc công bố đơn đăng ký nhãn hiệu được nộp và công bố nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ trên Công báo Sở hữu công nghiệp được phát hành định kỳ hàng tháng để người có quyền và lợi ích liên quan (như người có tên thương mại bị xâm phạm) cung cấp thông tin cho Cục SHTT hoặc thực hiện thủ tục phản đối cấp văn bằng bảo

hộ hoặc thực hiện thủ tục hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ khi văn bằng bảo hộ đã được cấp ra;

Nhận thấy ý kiến này phù hợp với thực tiễn và qui định tại điểm k khoản 2 Điều 74 Luật SHTT - quyền phản đối, quyền yêu cầu hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ

- Xét bà L nại rằng quy trình cấp GCNĐKNH 292325 đã được Cục sở hữu Trí tuệ tra cứu các nguồn thông tin tham khảo theo quy định tại điểm 39.7a Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN, Thông tin đối với các đơn đăng ký nhãn hiệu, ngày nộp đơn, ngày ưu tiên sớm hơn ngày nộp đơn, các nhãn hiệu đã được bảo hộ, nhãn hiệu bảo hộ đã chấm dứt hiệu lực, chỉ dẫn địa lý, nguồn gốc địa lý; Nhận thấy như phân tích mục [1] và [2.1.], nhãn hiệu LC của ông Cường, bà Đ có danh tiếng, phủ rộng mạng lưới kinh doanh theo địa giới hành chính và mặt khác do cơ sở dữ liệu không lưu trữ các thông tin đối với nhãn hiệu chưa được cấp GCNĐKNH. Do đó Luật SHTT qui định vẫn có trường hợp sau khi cá nhân, Tổ chức được cấp GCNĐKNH vẫn có thể bị phản đối, bị yêu cầu hủy bỏ bởi người thứ ba.

[3]. Từ những phân tích trên, không chấp nhận khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L yêu cầu hủy bỏ Quyết định 3675/2019/QĐ-SHTT và khôi phục lại GCNĐKNH 292325

Án phí hành chính sơ thẩm: miễn cho bà L, do bà L là người cao tuổi (sinh ngày 07/7/1963)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 116, Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố Tụng Hành chính năm 2015; điểm g, k khoản 2 Điều 74 Luật Sở hữu Trí tuệ; điểm 21.3a Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011, Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013 và Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 (sau đây gọi là Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về các khoản thu nộp ngân sách nhà nước, miễn giảm án phí, lệ phí;

Xử:

1. Không chấp nhận khởi kiện của Bà Lý Thị Kim L yêu cầu hủy Quyết định 3675/QĐ-SHTT ngày 31/7/2019 của Cục SHTT và buộc Cục SHTT thực hiện nhiệm vụ công vụ khôi phục lại giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 292325 của Cục SHTT.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: miễn cho Lý Thị Kim L. Hoàn trả 300.000 (ba trăm nghìn) đồng cho bà L, theo phiếu thu số AA2019/0045887 ngày 23/3/2020 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục thi hành án dân sự TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu



FDVN LAW FIRM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 587/2022/HC-PT
Ngày 03 – 8 – 2022
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực công
nhận văn bằng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Phạm Công Minh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 108/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 3 năm 2022 về —Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực công nhận văn bằngl.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1203/2022/QĐ-PT ngày 08/7/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Quang N, sinh năm 1977; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 6x/1x/4 đường N, Phường 2, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

- Ông Lê Minh Nh – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Minh Nh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 10xx đường H, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Ông Tô Hiếu Th – Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Minh Nh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: Số 10xx đường H, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Người bị kiện:* Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số 3x Đ, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:

- Bà Trần Thị Ngọc B; Chức vụ: Giám đốc Trung tâm công nhận văn bằng thuộc Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo. (có mặt)

- Ông Vũ Ngọc T là Luật sư của Công ty TNHH Luật A thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. *Người kháng cáo:* Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo là người bị kiện.

4. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là có ông Trần Quang N trình bày:

Ông Trần Quang N tốt nghiệp Cử nhân Ngoại ngữ hệ chính quy tập trung tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh vào tháng 10 năm 1999.

Năm 1999, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội thực hiện Chương trình liên kết đào tạo sau đại học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh giữa Đại học Bách khoa Hà Nội và Trường Đại học chuyên ngành Nam California của Hoa Kỳ (tên tiếng Anh là South California University for Professional Studies - viết tắt là SCUPS) theo sự cho phép đào tạo liên kết của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam. Cơ sở pháp lý là Công văn số 9184/QHQT ngày 29/9/1999 v/v hợp tác đào tạo với Đại học chuyên ngành Nam California và Công văn 7645/GDTX ngày 02/8/2001 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam v/v hợp tác đào tạo từ xa với Trường Đại học chuyên ngành Nam California (đính kèm Tài liệu số 05). Chương trình tuyển sinh được 03 khoá vào các năm 1999, 2000, 2001. Tại phía Nam, Chương trình liên kết với Trường Quản lý Cán bộ (CBAM), thuộc Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại TP. Hồ Chí Minh để thông báo tuyển sinh, quản lý hồ sơ học viên, quản lý và tổ chức địa điểm học tập. Ông Trần Quang N là học viên cao học quản trị kinh doanh khoá 2 (năm 2000) của Chương trình liên kết này tại TP. Hồ Chí Minh (Tài liệu số 05 có văn bản xác nhận học viên cao học ngày 30/6/2000). Địa điểm tổ chức đào tạo là Trường Quản lý Cán bộ (CBAM), thuộc Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tại TP. Hồ Chí Minh nói trên với các giáo sư đến từ SCUPS và các giảng viên của Việt Nam cùng đảm nhiệm. Tháng 06 năm 2002, ông Trần Quang N được SCUPS cấp bằng Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA). Do đó, bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của ông N do SCUPS cấp hoàn toàn hợp lệ, hợp pháp, được công nhận tại Việt Nam, cũng như đáp ứng đầy đủ điều kiện tuyển sinh đầu vào của các chương trình nghiên cứu sinh trong nước và nước ngoài.

Ngày 20/9/2002, ông N đạt được học bổng toàn phần chương trình Tiến sĩ Châu Âu về Khởi nghiệp và Quản lý Doanh nghiệp nhỏ của Trường Đại học Autònoma de Barcelona - Tây Ban Nha. Trường Đại học Autònoma de Barcelona được thành lập từ năm 1968, là một trong mười trường đại học hàng đầu tại Tây Ban Nha và Liên Hiệp Châu Âu. Trường này được xếp hạng thứ 188 trên thế giới theo Bảng xếp hạng các trường đại học hàng đầu thế giới của Tổ chức xếp hạng đại học QS của Vương quốc Anh. Theo bảng xếp hạng này, Trường Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh được lọt vào vị trí top 750 bên cạnh Trường Đại học Quốc gia Hà Nội ở vị trí top 1000. (Tài liệu số 06 và Tài liệu số 07 của người khởi kiện).

Ngày 05/01/2003, ông N lên đường sang Tây Ban Nha làm nghiên cứu sinh Chương trình Tiến sĩ Châu Âu tại Trường Đại học Autònoma de Barcelona - Tây Ban Nha. Sau đó, ông N được gia đình thông báo đã trúng tuyển Chương trình 300 thạc sĩ, tiến sĩ giai đoạn 2002-2005 của Thành ủy - Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Cuối tháng 01 năm 2003, ông N quay trở về Việt Nam để thực hiện thủ tục làm nghiên cứu sinh theo Chương trình 300 thạc sĩ, tiến sĩ nêu trên (Thông tin xuất nhập cảnh do Toà án thu thập theo yêu cầu của người bị kiện đã minh chứng đầy đủ việc đi và về này). Ngày 14/02/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ký Quyết định 661/QĐ-UB phê duyệt danh sách các ứng viên tham gia Chương trình 300 thạc sĩ, tiến sĩ giai đoạn 2002-2005 của Thành ủy - Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh trong đó có ông Trần Quang N. Ngày 17/11/2003, Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh ký Quyết định 4989/QĐ- UB cử ông N đi làm nghiên cứu sinh tại Trường Kinh doanh Lausanne (Business School Lausanne - viết tắt theo tiếng Anh là BSL) của Thụy Sĩ. Đến ngày 16/7/2004, các thủ tục hành chính mới được thực hiện xong và ông N chính thức lên đường sang Thụy Sĩ bắt đầu quá trình làm nghiên cứu sinh với đề tài: “Phân tích xuyên suốt các vấn đề chính của doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước ngành sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh; các vấn đề và giải pháp”. Sau đó, ông N bảo vệ thành công luận án tiến sĩ của mình tại Hội đồng khoa học của BSL và được BSL cấp bằng tiến sĩ vào ngày 19/9/2007. Quá trình học tập tại BSL của Thụy Sĩ được sự quan tâm của Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Thụy Sĩ. Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ cũng có văn bản xác nhận ông N đã hoàn thành tốt chương trình Tiến sĩ và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại đối với du học sinh học tập và làm việc tại nước ngoài (Giấy chứng nhận số 01/2007 ngày 25/9/2007 của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ). Đặc biệt, tại buổi lễ nhận bằng tốt nghiệp của ông N, ông N rất hân hạnh và vinh dự được sự tham dự của Ông Ngô Quang X - Đại sứ đặc mệnh toàn quyền, Trưởng đại diện thường trực của Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và các tổ chức khác tại Geneva - Thụy Sĩ, cho thấy sự quan tâm của cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh đạo nhà nước đối với du học sinh như ông N (Tài liệu số 08).

Năm 2008, một năm sau khi ông N tốt nghiệp, BSL trao bằng Tiến sĩ danh dự cho Ông Ngô Quang X và ông J Deiss - Tổng thống Liên bang Thụy Sĩ- Nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao - Chủ tịch Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 2010 vì những đóng góp xuất sắc của hai ông cho thế giới nói chung, Thụy Sĩ và Việt Nam nói riêng cũng như phát triển quan hệ tốt đẹp giữa hai nước. Điều này cho thấy Trường Kinh doanh Lausanne là tổ chức giáo dục đại học hợp pháp, có uy tín quốc tế. Thông cáo của Bộ Ngoại giao Việt Nam có nêu rõ về việc này (đính kèm là Bản tin của Bộ Ngoại giao Việt Nam thông báo về việc ông Ngô Quang X và ông J Deiss được Trường Kinh doanh Lausanne – Thụy Sĩ trao bằng tiến sĩ danh dự vì những đóng góp của hai ông).

BSL là cơ sở giáo dục đại học tư thục, phi lợi nhuận được thành lập hợp pháp và được phép đào tạo và cấp bằng tiến sĩ quản trị kinh doanh theo quy định pháp luật của Thụy Sĩ. Chương trình đào tạo tiến sĩ của ông N được kiểm định chất lượng và công nhận bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục tư thục của Hiệp hội các trường tư thục của Thụy Sĩ. Cụ thể, chương trình đào tạo này được kiểm định theo tiêu chuẩn của Tổ chức kiểm định quốc tế (chuyên kiểm định chất lượng các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh: tổ chức ACBSP (Hoa Kỳ)) theo quy định của ủy ban kiểm định của Hiệp hội các trường tư thục của Thụy Sĩ. Việc kiểm định theo tiêu chuẩn của Tổ chức ACBSP cũng được chấp thuận tại Việt Nam. Cụ thể các Trường Đại học Hoa Sen, Đại học FPT, Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) đều lựa chọn kiểm định theo tiêu chuẩn của Tổ chức kiểm định quốc tế cho các chương trình quản trị kinh doanh của họ. Ngoài ra, BSL được Tổ chức xếp hạng Giáo dục đại học QS của Anh quốc xếp vào một trong 200 trường đào tạo về quản trị kinh doanh tốt nhất thế giới. (Tất cả đều này được minh chứng rất rõ trong các tài liệu đính kèm).

Ngày 16/8/2018, ông N gửi hồ sơ đề nghị Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N do BSL cấp ngày 19/9/2007. Sau đó, Cục trưởng Cục quản lý chất lượng (quản lý chất lượng sau đây viết tắt là QLCL) có ban hành Công văn số 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018, trong đó có nêu 03 lý do chưa đủ cơ sở để không công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N theo quy định hiện hành. Ba lý do là: Bằng thạc sĩ Thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) của ông N chưa được kiểm định; BSL chưa được kiểm định chất lượng giáo dục của nước Thụy Sĩ; Không có cơ sở xác định ông N học tiến sĩ theo hình thức du học toàn phần hay học từ xa. Cả 03 lý do này là nhận định chủ quan của Cục trưởng Cục QLCL, không có căn cứ pháp luật, không căn cứ kết quả xác minh với cơ quan có thẩm quyền của Liên bang Thụy Sĩ. Ngày 12/12/2018, ông N có đơn khiếu nại gửi Cục trưởng Cục QLCL trong đó nêu rõ những căn cứ để phản bác lập luận của Cục trưởng Cục QLCL và yêu cầu Cục trưởng Cục QLCL xem xét lại việc công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N.

Tại buổi đối thoại để giải quyết khiếu nại của ông N vào ngày 18/01/2019 tại Cục QLCL, ông N và Cục trưởng Cục QLCL đã thống nhất xác minh thêm nội dung để công nhận văn bằng cho ông N: một là cơ quan cấp phép cho BSL đào tạo và cấp bằng có phải là cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ không, hai là tiếp tục xác minh về hình thức đào tạo của chương trình mà ông N theo học.

Sau đó, Hiệu trưởng BSL (Philippe Du Pasquier) đã có thư gửi thứ 1 ngày 12/9/2019 xác nhận về việc ông N học chương trình tiến sĩ ngành quản trị kinh doanh tại BSL từ tháng 01/2004 đến tháng 09/2007, ông N nhận học bổng toàn phần của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chương trình đào tạo của ông N tại BSL không phải là chương trình đào tạo từ xa. Ông N phải đi lại giữa Việt Nam và Thụy Sĩ để lấy tài liệu và dữ liệu, cũng như thực hiện khảo sát cho luận án của mình, ông N đã làm việc toàn thời gian cho luận án của mình trong suốt thời gian học, ông N nộp luận án tiến sĩ vào tháng 5 năm 2007 và bảo vệ thành công luận án vào ngày 19/9/2007. Hiệu trưởng BSL cũng xác nhận trong thư gửi thứ 2 ngày 12/9/2019 như sau: Thụy Sĩ thực thi nền kinh tế tự do. Giáo dục mở rộng cả khu vực tư nhân cũng như khu vực liên bang. Trách nhiệm quản lý về giáo dục chủ yếu ở các bang, trong khi các cơ quan liên bang chỉ có thẩm quyền giới hạn ở một mức độ nhất định. Đặc biệt, về giáo dục đại học, mỗi bang có quyền tự trị giáo dục và thẩm quyền nhất định đối với các trường đại học công lập và các cơ sở giáo dục tư thục trên lãnh thổ bang. Theo luật, các điều kiện và thủ tục liên quan tùy theo quy định của bang nơi cơ sở giáo dục đại học đặt trụ sở. Tại Thụy Sĩ, cơ sở giáo dục tư thục không yêu cầu phải xin phép để cung cấp các khóa học giáo dục đại học, tổ chức các kỳ thi hay cấp bằng. BSL được thành lập năm 1987, là một trường tư thục, phi lợi nhuận, đào tạo ngành kinh doanh tại Thụy Sĩ. Giấy phép hoạt động của BSL được cấp bởi chính quyền của Bang Vaud nơi trường đặt trụ sở. BSL là thành viên của Hiệp hội các trường tư thục của liên bang Thụy Sĩ (SFPS). Các thành viên phải có một hệ thống chất lượng giáo dục được công nhận trên toàn quốc hoặc quốc tế được phê duyệt bởi ủy ban đảm bảo chất lượng của Hiệp hội (SFPS). BSL có chương trình đào tạo quản trị kinh doanh được kiểm định và công nhận của Tổ chức kiểm định chất lượng các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh của Hoa Kỳ (Accreditation Council for Business School Programs - viết tắt tiếng Anh là ACBSP) từ năm 1996. Tổ chức ACBSP là một tổ chức kiểm định chuyên ngành của Hoa Kỳ. Chứng nhận của Tổ chức ACBSP đảm bảo rằng các bằng cấp của BSL được công nhận và có giá trị trên thế giới. BSL có tên trong danh sách của Trung tâm thông tin về công nhận văn bằng thông qua Hội đồng Kiểm định Giáo dục Đại học của Hoa Kỳ (Higher Education Accreditation - CHEA). Các chương trình đào tạo được công nhận bởi tổ chức ACBSP của trường BSL phù hợp với pháp luật liên bang Thụy Sĩ. Trường BSL không thuộc trường hợp phải bắt buộc đạt kiểm định chất lượng giáo dục ở cấp liên bang theo Đạo luật Giáo dục Đại học (HEdA) của liên bang Thụy Sĩ mới có hiệu lực từ năm 2015.

Ngày 22/02/2019, ông N đã chuyển hai văn bản nói trên cho Cục trưởng Cục QLCL. Tuy nhiên, Cục QLCL không có bất cứ phản hồi nào về việc nhận hai văn bản trên từ BSL. Quá thời hạn giải quyết khiếu nại, đến ngày 03/4/2019, ông N có đơn yêu cầu Cục trưởng Cục QLCL giải quyết khiếu nại. Sau đó, ông N nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL của Cục trưởng Cục QLCL đề ngày 10/4/2019 vẫn không công nhận bằng tiến sĩ của ông N bất chấp hai nội dung thống nhất tại buổi đối thoại cũng như không quan tâm đến văn bản trả lời của Hiệu trưởng BSL và Cục QLCL đã viện dẫn không đúng nội dung trả lời của cơ quan chức năng của Thụy Sĩ, cụ thể là của Ban Thư ký Nhà Nước về Giáo dục, Nghiên cứu, Đổi mới SERI.

Mặc khác, Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng lại tiếp tục ban hành Công văn 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018, cung cấp thông tin về việc không công nhận văn bằng của ông N cho Trường Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh. Nội dung Công văn 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 của Cục trưởng Cục QLCL nêu những nhận định chủ quan, không có cơ sở, thậm chí viện dẫn sai nội dung trả lời của cơ quan chức năng của Thụy Sĩ và khác với nội dung của Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 trả lời cho ông N, đã xâm hại uy tín, danh dự và quyền nhân thân của ông N.

Vì vậy, ông Trần Quang N khởi kiện các quyết định hành chính, hành vi hành chính sau đây của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo:

1. Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời yêu cầu công nhận văn bằng của ông Trần Quang N.

2. Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10/4/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang N.

3. Hành vi hành chính buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng công nhận văn bằng tiến sĩ quản trị kinh doanh do Trường Kinh doanh Lausanne của Thụy Sĩ cấp cho ông Trần Quang N năm 2007.

Vào ngày 04/02/2020, ông N có nộp đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện là: Hủy văn bản số 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 của Cục quản lý chất lượng - Thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo vì căn cứ theo Điều 6 Luật tố tụng hành chính, Văn bản số 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 là quyết định hành chính có liên quan.

Ngày 07/5/2020, ông N tiếp tục gửi văn bản yêu cầu Tòa án có văn bản thể hiện ý kiến có thụ lý hay không thụ lý yêu cầu bổ sung.

Ngày 13/5/2020, Thẩm phán ban hành Thông báo số 4423/2020/TB-THC ngày 13/5/2020 về việc không thụ lý yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với yêu cầu của ông N. Lý do: Công văn số 2971/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 không phải là quyết định hành chính căn cứ theo khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 21/5/2020, ông N làm đơn khiếu nại đối với Thông báo nêu trên.

Ngày 07/7/2020, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 584/2020/QĐ-GQKN là chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông N, Thẩm phán được phân công giải quyết đơn có trách nhiệm xem xét lại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông N theo quy định của pháp luật. Lý do: Trong trình tự thủ tục xem xét đơn do người khởi kiện nộp, pháp luật không có quy định việc không thụ lý yêu cầu khởi kiện.

Ngày 07/7/2020, Thẩm phán ban hành Thông báo số 395/2020/TB-TA ngày 07/7/2020 về việc trả đơn yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung với lý do: Công văn số 2971/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 không phải là quyết định hành chính căn cứ theo khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ngày 21/7/2020, ông N nộp đơn khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện số 395/TB-TA ngày 07/7/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 15/9/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 892/2020/QĐ-GQKN ngày 15/9/2020 về việc không chấp nhận khiếu nại nêu trên của ông N.

Ngày 18/9/2020, ông N có đơn khiếu nại gửi Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh khiếu nại Quyết định số 892/2020/QĐ-GQKN ngày 15/9/2020 nêu trên.

Ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 67/2020/QĐ-GQKN ngày 25/11/2020 về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông N. Đây là quyết định giải quyết cuối cùng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện yêu cầu Tòa án:

Hủy Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10/4/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng.

Buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng công nhận văn bằng tiến sĩ do Trường Kinh doanh Lausanne của Thụy Sĩ (Business School Lausanne) cấp cho ông Trần Quang N năm 2007.

Đồng thời, yêu cầu Tòa án kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, xử lý Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng về hành vi vi phạm quy định tại Điều 11 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể hành vi là không công nhận văn bằng tiến sĩ và ban hành văn bản trái pháp luật, xâm phạm danh dự, uy tín, quyền nhân thân của ông N.

Đối với yêu cầu bổ sung là hủy Văn bản số 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 của ông N, ông N không rút yêu cầu này. Do ngày 25/11/2020, Tòa án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng số 67/2020/QĐ-GQKN ngày 25/11/2020 về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông N nên ông N chấp nhận kết quả giải quyết này và sẽ tiến hành kháng cáo vụ việc này sau khi Tòa án tuyên án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

- Người bị kiện áp dụng sai về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng: Tại Công văn số 1300/QLCL-CNVB ngày 26/11/2019 nộp cho Tòa án, người bị kiện nêu điểm c khoản 1 Điều 3 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có hai trường hợp được công nhận. Tuy vậy, kết luận tại điểm a, điểm b khoản 1 Mục II trong Công văn giải trình 1300/QLCL-CNVB của người bị kiện, trong đó cho rằng: Việc công nhận văn bằng do Trường BSL cấp phải xem xét các mặt như sau (hai điều kiện trên), theo đó, không đạt điều kiện nào thì người bị kiện kết luận luôn là không đủ điều kiện công nhận văn bằng tại Việt Nam.

- Người bị kiện viện dẫn thiếu nội dung trả lời của các cơ quan chức năng của Thụy Sĩ khi chứng minh hai trường hợp được công nhận văn bằng:

Tại Công văn số 1300/QLCL-CNVB ngày 26/11/2019, người bị kiện viện dẫn các nội dung trên như sau:

(1) Người bị kiện trích dẫn nội dung văn bản trả lời của Ban Thư ký nhà nước về Giáo dục, Nghiên cứu và Đổi mới SERI ngày 27/8/2018 (Phụ lục 3 của người bị kiện): “Hệ thống kiểm định chất lượng cấp liên bang được thực hiện bởi Cơ quan Kiểm định và Đảm bảo chất lượng Thụy Sĩ (AAQ — www.aaq.ch) và cơ quan ra quyết định công nhận chất lượng là Hội đồng Kiểm định Thụy Sĩ (www.akkreditierung.ch)” (Trang 2 Công văn 1300/QLCL-CNVB). Sau đó, người bị kiện kết luận rằng: Trường BSL không có tên trong danh sách các cơ sở giáo dục được cơ quan kiểm định của Thụy Sĩ kiểm định chất lượng theo đường link dẫn chiếu của SERI nêu trên (Phụ lục 4 của người bị kiện), mà không viện dẫn BSL có bắt buộc phải kiểm định chất lượng giáo dục hay không, được trả lời ở phần đầu văn bản này.

(2) Người dẫn giải và kết luận Phụ lục 5 của người bị kiện là:

Theo thư trả lời của Tổng cục Giáo dục Đại học - Sở Đào tạo, Thanh niên và Văn hóa của Bang Vaud ngày 12/3/2019, BSL không nằm trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định tại Thụy Sĩ.

...Trường BSL không phải là cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ và Bang Vaud không quản lý và không có mối liên hệ nào với việc cấp văn bằng của trường tư thục này.

Sau đó, cho rằng: Trên trang điện tử của Sở Đào tạo, Thanh niên và Văn hoá của Bang Vaud có công bố danh sách các cơ sở giáo dục đại học được Sở này công nhận, tuy nhiên Trường BSL không có tên trong danh sách này (Phụ lục 7 của người bị kiện).

Thực tế, văn bản đã trả lời là: Bang Vaud không có thẩm quyền công nhận hoặc kiểm định các trường công hoặc trường tư trong lĩnh vực giáo dục đại học... Trường Kinh doanh Lausanne không được kiểm định ở cấp độ Liên bang và vì vậy nó không thuộc danh sách các cơ sở giáo dục đại học Thụy Sĩ. Chính vì vậy mà Bang Vaud cũng không liên quan đến các văn bằng được cấp bởi trường tư thực này. Tuy nhiên, văn bằng của trường này được công nhận bởi các giới chuyên môn và bởi Hiệp hội Hoa Kỳ ACBSP, hay là Hội đồng kiểm định chất lượng cho các trường và chương trình kinh doanh.

(3) Người bị kiện đã dẫn giải Phụ lục 6 của người bị kiện, nội dung trả lời của Ban Thư ký Nhà nước về Giáo dục, Nghiên cứu và Đổi mới SERI ngày 13/3/2019 cho biết cơ quan quản lý, có thẩm quyền về giáo dục ở Thụy Sĩ ở cấp liên bang là SERI, ở cấp bang là Sở giáo dục tại 26 bang, trong khi nội dung trả lời thực tế là: Cơ quan giáo dục ở Thụy Sĩ gồm cấp liên bang là Ban thư ký Giáo dục, Nghiên cứu và Đổi mới SERI thuộc Bộ Kinh tế, Giáo dục và Nghiên cứu Liên bang; cấp tiểu bang: là 26 Bộ giáo dục thuộc tiểu bang. Các bộ này kết hợp cùng nhau thành một cơ quan chính trị: Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục Bang của Thụy Sĩ (EDK)...”

(4) Tiếp tục, người bị kiện viện dẫn Phụ lục 10 của người bị kiện: Khi hỏi cơ quan đại diện Hội đồng các hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ về trường hợp cụ thể văn bằng tiến sĩ do Trường BSL cấp cho ông N vào năm 2007 thì cơ quan này trả lời trường BSL không nằm trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được công nhận (Phụ lục 10).

Thực tế, văn bản đã trả lời một cách đầy đủ là: Danh sách các tổ chức giáo dục đại học Thụy Sĩ được công nhận/ kiểm định ở cấp quốc gia có thể được tìm thấy tại: <https://www.syvissuniversities.ch/en/higher-education-area/recognised-syviss-highereducation-nstitutions>), tổ chức (BSL - chủ tọa) mà ông đề cập chưa có trong danh sách và chưa bao giờ được cơ quan Thụy Sĩ kiểm định...

- Chương trình đào tạo tiến sĩ của Trường Đại học Kinh doanh Lausanne Thụy Sĩ được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của Thụy Sĩ công nhận: Trường Đại học Kinh doanh Lausanne Thụy Sĩ là thành viên của Hiệp hội các trường tư thục của Liên bang Thụy Sĩ (SFPS) (Tài liệu 4 của người khởi kiện). Các trường thành viên của Hiệp hội phải được kiểm định tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo tiêu chuẩn của Thụy Sĩ hay tiêu chuẩn quốc tế và phải được ủy ban đảm bảo chất lượng của Hiệp hội (SFPS) công nhận.

- Trường Đại học Kinh doanh Lausanne được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ cho phép thành lập và cấp bằng tiến sĩ: Trong thư gửi cho Bộ kinh tế, Giáo dục, nghiên cứu của Liên bang Thụy Sĩ EAER và Ban Thư ký Nhà nước về Giáo dục, Nghiên

cứu và Đổi mới SERI (sau đây gọi tắt là SERI) ngày 02/9/2018, ông N hỏi về việc Trường BSL có phải là cơ sở giáo dục đại học tư thục được thành lập hợp pháp tại Thụy Sĩ không. Ngày 04/9/2018, SERI đã có văn bản trả lời: khẳng định là có. Trong đó có cung cấp thông tin đăng ký của Trường BSL trên cổng thông tin của Bang Vaud cho ông N. Trường BSL là một cơ sở giáo dục đại học có tư cách pháp nhân, là một Trường đào tạo về kinh doanh, không vì lợi nhuận, tổ chức có mô hình quản trị theo hình thức công ty cổ phần, có hội đồng quản trị, người góp vốn, ban giám hiệu tương tự như mô hình trường đại học tư thục của Việt Nam.

Tại Văn bản của SERI ngày 27/8/2018 (Phụ lục 3 của người bị kiện) nêu rất rõ: Theo Hiến pháp Liên bang Thụy Sĩ năm 1999, chính quyền liên bang có thẩm quyền hạn chế đối với giáo dục. Đối với giáo dục đại học, các bang có thẩm quyền tự trị và độc quyền đối với các trường đại học công lập và tư thục trên lãnh thổ của bang. Luật pháp, điều kiện và thủ tục phụ thuộc vào bang nơi tổ chức giáo dục đại học đặt trụ sở.

Văn bản trả lời của SERI ngày 13/3/2019 cho biết Cơ quan giáo dục ở Thụy Sĩ gồm cấp Liên bang là Ban Thư ký Giáo dục, Nghiên cứu và Đổi mới SERI thuộc Bộ Kinh tế, Giáo dục và Nghiên cứu Liên bang; cấp tiểu bang: là 26 Bộ Giáo dục thuộc tiểu bang...

Theo thông cáo của Bộ ngoại giao Việt Nam và của BSL thì năm 2008, một năm sau khi ông N tốt nghiệp, BSL đã trao bằng Tiến sĩ danh dự cho ông Ngô Quang X và ông J Deiss - Tổng thống Liên bang Thụy Sĩ- Nguyên Bộ trưởng Bộ Ngoại giao - Chủ tịch Đại hội đồng Liên hiệp quốc năm 2010 vì những đóng góp xuất sắc của hai ông cho thế giới nói chung, Thụy Sĩ và Việt Nam nói riêng và phát triển quan hệ tốt đẹp giữa 2 nước. Điều này đã chứng minh BSL là một cơ sở giáo dục đại học hợp pháp tại Thụy Sĩ.

Thành ủy và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cử sinh viên đi học tại BSL thì không thể nào chọn một trường không được thành lập hợp pháp được.

- Chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh của ông N không là giáo dục từ xa: Hiệu trưởng BSL xác nhận chương trình tiến sĩ của ông N không phải là chương trình đào tạo từ xa trong thư gửi ngày 12/02/2019. Đây là cơ sở pháp lý cao nhất. Ngày 23/02/2019 (chứ không phải 22/03/2019 như người bị kiện nêu trong Công văn số 1300/QLCL-CNVB ngày 26/11/2019 nộp cho Tòa án), ông N đã chuyển văn bản xác nhận của Hiệu trưởng BSL tới Cục QLCL (Ông N đã có đính kèm văn bản này trong hồ sơ khởi kiện). Ngay sau đó, ông N phải cấp tốc chuyển thư phát chuyển nhanh tới Cục QLCL. Việc cung cấp văn bản này là đúng theo thỏa thuận tại buổi đối thoại ngày 18/01/2019 (dời thời hạn giải quyết khiếu nại để các bên cung cấp tài liệu chứng cứ). Do đó, người bị kiện cho rằng ngày 23/3/2019 ông N mới cung cấp văn bản của BSL là sai sự thật.

Về việc trang thông tin điện tử của Trường BSL giới thiệu chương trình học Tiến sĩ Quản trị kinh doanh DBA là chương trình cơ bản theo hình thức đào tạo từ xa. Thuật ngữ cơ bản (không phải là toàn bộ) thì không thể nào kết luận toàn bộ chương trình học tiến sĩ

đều là đào tạo từ xa. Hơn nữa, đây chỉ là thông tin sơ bộ về chương trình tiến sĩ tại thời điểm hiện tại (năm 2020). Bởi lẽ, chương trình tiến sĩ của ông N theo học là từ năm 2004 được cấp bằng tốt nghiệp năm 2007. Hiệu trưởng BSL đã xác nhận đây không phải là chương trình đào tạo từ xa.

Thông tin Xuất nhập cảnh của Công an thì ông N chỉ sang Thụy Sĩ 03 lần với tổng thời gian 2,5 tháng đã chứng minh đầy đủ bằng chứng về việc ông N đi du học trực tiếp tại Trường Kinh doanh Lausanne của Thụy Sĩ, hoàn toàn không có chuyện học từ xa như kết luận không có căn cứ của người bị kiện, về tổng thời gian khoảng 2,5 tháng tại Thụy Sĩ, như đã trình bày trong đơn khiếu nại và buổi đối thoại, đề tài nghiên cứu của ông N là về doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam nên theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học, ông N phải quay trở về Việt Nam để thu thập số liệu, thực hiện các công trình nghiên cứu để báo cáo bảo vệ tại hội đồng khoa học của Trường Kinh doanh Lausanne theo tiến độ đề ra. Tổng thời gian học tập tiến sĩ theo chương trình tiến sĩ là 03 năm.

Quyết định số 40/2003/QĐ-BGDĐT ngày 08/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục từ xa có phạm vi áp dụng đối với trình độ đại học trở xuống (khoản 2 Điều 5), tuy vậy Cục QLCL lại căn cứ để áp dụng cho trường hợp của ông N là trình độ sau đại học (trình độ tiến sĩ) để xác định ông N học từ xa là không chính xác. Bởi nghiên cứu sinh thực hiện một công trình khoa học (luận văn tiến sĩ) với mục tiêu được xác định từ trước gọi là đề cương nghiên cứu (xác định trước khi được chấp nhận làm nghiên cứu sinh). Luận văn tiến sĩ này là một công trình nghiên cứu khoa học, độc lập của riêng nghiên cứu sinh phải đáp ứng nhiều tiêu chí quan trọng. Nghiên cứu sinh thực hiện công trình này dưới sự hướng dẫn khoa học người được hội đồng khoa học về công trình nghiên cứu này.

- Văn bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA) do Trường Đại học chuyên ngành Nam California (Southern California for Professional Studies) của Hoa Kỳ cấp năm 2002 cho ông N là hợp pháp tại Việt Nam.

Văn bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của ông N do Trường Đại học chuyên ngành Nam California cấp theo chương trình liên kết đào tạo sau đại học trong lĩnh vực quản trị kinh doanh giữa trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Đại học chuyên ngành Nam California của Hoa Kỳ theo sự cấp phép đào tạo và cho phép cấp bằng của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Việt Nam. Bằng thạc sĩ của ông N được công nhận tại Việt Nam và Trường Kinh doanh Lausanne Thụy Sĩ, cũng như Trường Đại học Autònoma de Barcelona (UAB Barcelona) của Tây Ban Nha, Trường Đại học Toronto của Canada.

Quy định tại Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo không yêu cầu người công nhận văn bằng tiến sĩ phải thực hiện thủ tục công nhận các văn bằng đã được cấp bởi các cơ sở giáo dục nước ngoài trước đó. Ông N chỉ yêu cầu Cục QLCL công nhận văn bằng tiến sĩ của ông N. Do đó, việc người bị kiện

đi xem xét công nhận văn bằng thạc sĩ của ông N trong thủ tục công nhận văn bằng tiến sĩ là không đúng thủ tục.

Kết luận: Văn bằng tiến sĩ của ông N đủ tất cả các điều kiện (của 2 trường hợp) quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định về trình tự thủ tục công nhận văn bằng tại Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo nên Cục QLCL phải công nhận văn bằng tiến sĩ của Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ cho ông N.

- Công văn 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 của Cục QLCL được ban hành với nội dung trái pháp luật gửi cho Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh. Nội dung công văn trên nêu những nhận định chủ quan, không có căn cứ pháp luật, và có dấu hiệu giả nội dung trả lời của Cục Quản lý xuất nhập cảnh, thông tin được bóp méo, trích dẫn không đầy đủ, thậm chí trích dẫn sai nội dung trả lời của các cơ quan chức năng của Thụy Sĩ. Công văn này sau đó được cung cấp lên các phương tiện truyền thông (báo mạng) làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, danh dự, quyền nhân thân của ông N, gây dư luận vô cùng xấu đến cán bộ, giảng viên, sinh viên của Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh nơi ông N công tác cũng như người bên ngoài cho rằng ông N đi mua bằng, sử dụng bằng giả, v.v...Quy định tại Điều 11 quy định ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định: “Cá nhân có hành vi vi phạm các quy định của văn bản này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật”.

Bên cạnh phần trình bày của các luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N tại phiên tòa sơ thẩm, ông N có trình bày lý lẽ bổ sung như sau:

Thứ nhất, văn bằng tiến sĩ quản trị kinh doanh của ông N do Trường BSL cấp năm 2007 đủ điều kiện để được công nhận tại Việt Nam căn cứ theo điểm c Khoản 1 Điều 3 của Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo tiến sĩ quản trị kinh doanh ông N tại Trường BSL của Thụy Sĩ được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của Thụy Sĩ công nhận. Bổ sung thêm: Trang điện tử: <https://www.swiss-schools.ch/en/> (cơ quan chung bảo vệ danh tiếng chất lượng giáo dục của các trường tư thục của Thụy Sĩ) công nhận BSL đạt chất lượng giáo dục.

Việc một quốc gia cho phép các chương trình đào tạo tại nước họ sử dụng bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng quốc tế như Bộ tiêu chuẩn của Tổ chức kiểm định chất lượng quốc tế ACBSP thay vì bộ tiêu chuẩn trong nước (tiêu chuẩn nội bộ) nhưng việc kiểm định chất lượng giáo dục này vẫn được công nhận tại nước đó hoàn toàn phù hợp với quy định của Việt Nam.

Trường BSL là một cơ sở giáo dục đại học tư thục của Thụy Sĩ, được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ cho phép thành lập và được phép cấp bằng. Cơ quan nào

cho phép thành lập cơ sở giáo dục và cấp bằng là cơ quan đó có thẩm quyền về giáo dục trong việc đó. Cụ thể, quyết định thành lập một cơ sở giáo dục tại Việt Nam có thể là Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ, cơ quan ngang Bộ khác, hay Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thành phố. Tại các nước phát triển, các cơ sở giáo dục được thành lập từ lâu đời, và cơ quan ra quyết định thành lập cơ sở giáo dục tùy thuộc vào pháp luật nước sở tại tại thời điểm thành lập. Trường BSL là một cơ sở giáo dục đại học tư thục được thành lập phù hợp với quy định của pháp luật Thụy Sĩ nên cơ quan có thẩm quyền cho BSL hoạt động hợp pháp ở Thụy Sĩ là cơ quan có thẩm quyền về giáo dục.

Thứ hai, ông N đã có đầy đủ minh chứng về việc đi du học tại Thụy Sĩ, phù hợp với Khoản 2 Điều 6 của Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007.

Theo Khoản 2 Điều 6 của Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007, người công nhận văn bằng chỉ cần cung cấp một trong các minh chứng về việc du học tại nước ngoài gồm: 1- Xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại nước sở tại, 2- Xác nhận của cơ sở giáo dục nước ngoài nơi học tập, 3- Thông tin xuất nhập cảnh, 4- Đăng ký thông tin của lưu học sinh trên cơ sở dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Ông N đã cung cấp đầy đủ minh chứng theo quy định. Cụ thể: 1/ Quyết định cử đi học theo Chương trình 300 thạc sĩ, tiến sĩ của Thành ủy - Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc đào tạo 300 tiến sĩ, thạc sĩ trẻ cho Thành phố. Thông tin xuất nhập cảnh do Tòa án thu thập cũng minh chứng việc ông N đã thực hiện du học tại Thụy Sĩ. 2/ Giấy đăng ký công dân và xác nhận của cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam tại Thụy Sĩ. Thậm chí, 3/ ông N còn cung cấp thêm Giấy xác nhận làm nghiên cứu sinh tại Thụy Sĩ từ Trường BSL. Theo quy định của pháp luật, người bị kiện không có thẩm quyền đặt thêm điều kiện ngoài trình tự thủ tục ban hành theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007.

Thứ ba, ông N đã cung cấp đầy đủ minh chứng về việc ông N đáp ứng đầy đủ các điều kiện tuyển sinh đầu vào của một chương trình đào tạo tiến sĩ theo Khoản 3 Điều 6 của Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007.

Như đã trình bày, để trúng tuyển Chương trình đào tạo 300 tiến sĩ, thạc sĩ của Thành ủy - Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh - ông N đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện tuyển sinh nghiêm ngặt của Chương trình (Chương trình liên ngành có sự tham gia của nhiều ban ngành của TP. Hồ Chí Minh như: Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở ngoại vụ, vv). Ông N có văn bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của trường Kinh doanh Nam California (SCUPS của Hoa Kỳ) cấp năm 2002 theo Chương trình liên kết đào tạo được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép đào tạo và cho phép cấp bằng. Văn bằng thạc sĩ quản trị kinh doanh của ông N hợp pháp tại Việt Nam.

Ngoài ra, ông N không có đơn yêu cầu Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng công nhận văn bằng thạc sĩ theo Trình tự thủ tục của Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 năm 2007. Do đó, Cục QLCL không có thẩm quyền để công nhận hay không

công nhận văn bằng này của ông N. Việc người bị kiện nêu các vấn đề liên quan đến văn bằng thạc sĩ này của ông N là hành vi trái pháp luật, không phù hợp với quy định tại Quyết định 77, đã xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của ông N.

Thứ tư, Cục QLCL có hành vi xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của người công nhận văn bằng.

Người bị kiện là Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo vắng mặt, đã gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến có nội dung như sau:

I. Về quy trình, thủ tục trả lời việc công nhận văn bằng và việc giải quyết khiếu nại:

Cục Quản lý chất lượng nhận được hồ sơ của ông Trần Quang N đề nghị công nhận văn bằng Tiến sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh do Trường Kinh doanh Lausanne (gọi tắt là trường BSL), Liên bang Thụy Sĩ cấp ngày 19/9/2007.

Hồ sơ gồm có: Đơn đề nghị công nhận văn bằng; Bản photo công chứng dịch Bằng Doctor of Business Administration (DBA) do BSL cấp; Bản photo công chứng dịch Bằng và Bảng điểm Master of Business Administration (MBA) do Trường Đại học Nam California; Bản photo công chứng Bằng cử nhân Ngoại ngữ tiếng Anh do Trường Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học TP. Hồ Chí Minh cấp; Bản photo công chứng Quyết định cử đi học của Chủ tịch UBND TP. Hồ Chí Minh và Quyết định tiếp nhận và điều động viên chức của Sở Nội vụ TP. Hồ Chí Minh.

Sau khi xem xét hồ sơ của ông Trần Quang N, đối chiếu với quy định pháp luật về việc công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, Cục QLCL có Công văn số 2265/QLCL ngày 02/10/2018 trả lời chưa đủ cơ sở để công nhận văn bằng cho ông Trần Quang N (Phụ lục 1).

Cục QLCL nhận được đơn khiếu nại của ông N ký ngày 12/12/2018 và đã giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang N theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Luật Khiếu Nại năm 2011.

Về nội dung Quyết định số 76/QĐ-QLCL ngày 10/4/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang N giữ nguyên nội dung kết luận tại Công văn số 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc chưa đủ cơ sở để công nhận văn bằng Tiến sĩ của Trần Quang N. (Phụ lục 2).

II. Việc chưa đủ cơ sở để công nhận văn bằng trường hợp ông Trần Quang N đã được xem xét trên các mặt như sau:

1. Về Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy sĩ (cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài):

Điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục năm 2006 quy định: —Văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận trong các trường hợp sau đây:... Văn bằng được cấp bởi các cơ sở giáo dục phổ thông ở nước ngoài; cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài mà các

chương trình giáo dục đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước đó công nhận.

Điểm c khoản 1 Điều 3 —Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT) quy định: Văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận trong các trường hợp sau đây:... Văn bằng được cấp bởi các cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài mà các chương trình giáo dục đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước đó công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng.

Căn cứ quy định của pháp luật Việt Nam việc công nhận văn bằng do Trường Kinh doanh Lausanne (cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài) cấp cần được xem xét những mặt sau:

a) Văn bằng được cấp cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài mà các chương trình giáo dục đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước tức là cơ quan kiểm định của Thụy Sĩ, không phải là cơ quan kiểm định nước ngoài đó công nhận:

- Theo văn bản của Ban Thư ký nhà nước về Giáo dục, Nghiên cứu và Đổi mới (SERI) ngày 27/8/2018 trả lời Cục QLCL: —Hệ thống kiểm định chất lượng ở cấp Liên bang được thực hiện bởi Cơ quan Kiểm định và Đảm bảo chất lượng Thụy Sĩ - Swiss Agency for accreditation and quality assurance (AAQ, www.aap.ch) và cơ quan ra quyết định công nhận chất lượng là Hội đồng kiểm định Thụy Sĩ - the Swiss Accreditation Council (www.akkreditierungsrat.ch). (Phụ lục 3)

Trường BSL không có tên trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được cơ quan kiểm định của Thụy Sĩ kiểm định chất lượng theo đường link dẫn chiếu của SERI nêu trên. (Phụ lục 4)

- Theo thư trả lời của Sở Đào tạo, Thanh niên và Văn hóa của Bang Vaud ngày 12/3/2019, Trường BSL không nằm trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định tại Thụy Sĩ. (Phụ lục 5)

Như vậy, Chương trình tiến sĩ Quản trị kinh doanh (DBA) của Trường Business School Lausanne (BSL), Thụy Sĩ chưa được cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục của Thụy Sĩ công nhận và văn bằng Tiến sĩ của ông Trần Quang N do Trường BSL cấp không đáp ứng quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ- BGDĐT.

b) Cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng:

Ban Thư ký nhà nước về Giáo dục, Nghiên cứu và Đổi mới SERI có văn bản ngày 13/3/2019 gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam (Phụ lục 6) cho biết cơ quan quản lý, có thẩm quyền về giáo dục ở Thụy Sĩ ở cấp Liên bang và Bang là:

- Cấp Liên bang: SERI là cơ quan có thẩm quyền giáo dục của Liên bang Thụy Sĩ về các vấn đề quốc gia và quốc tế liên quan đến chính sách giáo dục, nghiên cứu và đổi mới.

- Cấp Bang: ở mỗi Bang có Sở giáo dục của Bang, có 26 Sở giáo dục tại 26 Bang. Các Bang phối hợp với nhau thông qua tổ chức Hiệp hội các bộ trưởng giáo dục Bang (Swiss Conference of Cantonal Minister of Education - EDK)

Theo văn bản trả lời của SERI ngày 27/8/2018 (Phụ lục 3): Theo Hiến pháp Liên bang Thụy Sĩ năm 1999, đối với giáo dục đại học, mỗi Bang được quyền tự chủ, thẩm quyền quản lý đối với các điều kiện, thủ tục đối với các trường công lập và tư thục trên địa bàn. Trường BSL nằm trên địa bàn Bang Vaud, Thụy Sĩ quản lý. Cục QLCL đã có văn bản hỏi Sở Đào tạo, Thanh niên và Văn hóa của Bang Vaud (cơ quan thẩm quyền về giáo dục của Bang Vaud) và có được văn bản trả lời ngày 12/3/2019 (Phụ lục 5): Trường BSL không phải cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ và Bang Vaud không quản lý và không có mối liên hệ nào với việc cấp văn bằng của trường tư thục này.

Ngoài ra, ở cấp liên bang, theo trang web chính thức của SERI (<https://www.sbf.admin.ch/sbf/en/home/ihe/higher-education/accreditation.html>) thì các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định hoặc được công nhận theo Đạo luật giáo dục đại học năm 2015 được công bố tại trang web của Hội đồng các hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ (<https://www.swissuniversities.ch/en/topics/studying/recognised-or-accredited-swiss-higher-education-institutions>) thì trường BSL không có tên trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được công nhận. (Phụ lục 7)

Theo văn bản trích lục hồ sơ cấp phép thành lập Trường do ông Trần Quang N cung cấp: Số hồ sơ H987/02772 Bang Vaud cấp phép cho Trường Kinh doanh Lausanne (BSL) - Công ty cổ phần có trụ sở tại Chavannes - Pre - Renens, địa chỉ Route de la Maladière 21, 1022 Chavannes - Renens. Mục đích: Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực giảng dạy và hoạt động của trường quản trị kinh doanh; công ty không vì mục đích lợi nhuận phục vụ giáo dục văn hoá. Mã số nhận diện doanh nghiệp (IDEUNID) CHE-106.177.034 (Phụ lục 8).

Căn cứ vào tài liệu ông N cung cấp thì Trường BSL được đăng ký kinh doanh tại Văn phòng đăng ký thương mại, bang Vaud và được công bố tại Công báo thương mại - Feuille Officielle Swiss du Commerce. Việc đăng ký hoạt động thương mại của Bang Vaud được thực hiện tại Văn phòng đăng ký thương mại và được công bố tại Công báo thương mại (<https://www.vd.ch/toutes-les-autorites/ordre-judiciaire-vaudois-ovjv/office-cantonal-du-registre-du-commerce/>) (Phụ lục 9)

Văn phòng đăng ký thương mại bang Vaud không phải là cơ quan quản lý giáo dục của bang Vaud. Xét về khía cạnh cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng thì Trường Kinh doanh Lausanne không đáp ứng quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT.

2. Ông Trần Quang N học Tiến sĩ theo chương trình toàn thời gian hay đào tạo từ xa?

Những căn cứ sau thể hiện ông Trần Quang N theo học chương trình tiến sĩ theo hình thức đào tạo từ xa:

- Cục An ninh Chính trị nội bộ (Bộ Công an) có Công văn số 1691/ANCTNB-P6 ngày 12/11/2018 gửi Cục QLCL (Phụ lục 10) đã dẫn nguồn của Cục Xuất nhập cảnh (Bộ Công an) xác định trong suốt thời gian theo học và được cấp bằng (Từ tháng 01/2004 - 09/2007), ông Trần Quang N chỉ sang Thụy Sĩ 03 lần (lần 1 từ 16/7/2004 đến 18/8/2004: 33 ngày; lần 2 từ 09/4/2005 đến 05/5/2005: 27 ngày và lần 3 từ 11/9/2007 đến 29/9/2007: 19 ngày (xem lại ngày này chưa đúng), lần 3 sang trùng với thời gian cấp bằng là để nhận bằng), tổng cộng 79 ngày. Như vậy, ông Trần Quang N chỉ sang Thụy Sĩ để học tập và nghiên cứu gần 3 tháng/3 năm thì không thể coi là học theo hình thức toàn thời gian tại Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ.

Thư gửi từ email công vụ của Trường phòng Marketing và Tuyển sinh Trường Kinh doanh Lausanne đến email công vụ của Cục Quản lý chất lượng ngày 09/01/2019 trả lời chương trình ông Trần Quang N theo học là chương trình đào tạo từ xa. (Phụ lục 11)

- Trên trang điện tử chính thống của Trường BSL (<https://www.bsl-lausanne.ch/program/dba/doctorate-of-business-administration/discover-the-program/program-overview/>): Chương trình DBA là chương trình cơ bản theo hình thức đào tạo từ xa. (Phụ lục 12)

- Điều 1 Quy chế về Tổ chức đào tạo, thi, kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa Ban hành theo Quyết định số 40/2003/QĐ- BGDĐT ngày 08/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quyết định này có hiệu lực trong thời gian ông Trần Quang N theo học Trường Kinh doanh Lausanne) quy định: —Giáo dục từ xa là một quá trình giáo dục, trong đó phần lớn có sự gián cách giữa người dạy và người học về mặt thời gian và không gian. Người học theo hình thức giáo dục từ xa chủ yếu là tự học qua học liệu như giáo trình, băng hình, băng tiếng, đĩa CD-ROM, phần mềm vi tính, bằng việc sử dụng các phương tiện nghe nhìn cá nhân, phát thanh, truyền hình, các tổ hợp truyền thông đa phương tiện, mạng Internet dưới sự tổ chức, trợ giúp của nhà trường giáo dục từ xa lấy tự học là chính, đòi hỏi người học phải tự giác, kiên trì và quyết tâm cao để hoàn thành chương trình học tập của mình.

Như vậy, căn cứ thực tế thời gian ông Trần Quang N sang Thụy Sĩ học Trường Kinh doanh Lausanne, căn cứ pháp luật Việt Nam khẳng định rằng Chương trình tiến sĩ của ông N tại Trường Kinh doanh Lausanne là chương trình đào tạo từ xa.

Khoản 2 Điều 3 Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT quy định: —Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học theo hình thức học từ xa chỉ được công nhận khi các chương trình giáo dục từ xa để cấp văn bằng đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục công nhận và được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại Việt Nam.

Hiện nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa cấp phép cho bất kỳ chương trình nào liên quan đến Trường Đại học của (Thụy Sĩ) thực hiện liên kết đào tạo hoặc đào tạo từ xa trên lãnh thổ Việt Nam. Như vậy, văn bằng Tiến sĩ do Trường BSL cấp cho ông Trần Quang N không đáp ứng quy định tại Khoản 2 Điều 3 Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT.

Ngoài ra, chương trình Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) ông Trần Quang N theo học do trường Southern California for Professional Studies (Hoa Kỳ) cấp bằng năm 2002 vào thời điểm chương trình chưa được kiểm định chất lượng giáo dục tại Hoa Kỳ nên văn bằng này cũng chưa đủ điều kiện công nhận tại Việt Nam. Việc đưa ý kiến về văn bằng thạc sĩ để thẩm định chất lượng của điều kiện đầu vào của chương trình tiến sĩ mà ông N theo học.

Cục Quản lý chất lượng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/ Bà Trần Thị Ngọc B trình bày: Thống nhất với văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện như trên, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông N.

2/ Luật sư Vũ Ngọc T trình bày: Thống nhất với văn bản trình bày ý kiến của người bị kiện, yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Ngoài ra, ông Tường có những lý lẽ như sau:

Mỗi quốc gia có hệ thống pháp luật, hệ thống giáo dục đào tạo khác nhau. Một văn bằng, chứng chỉ được công nhận tại quốc gia này nhưng không chắc được công nhận ở quốc gia khác, do đó đặt ra vấn đề công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp. Ở Việt Nam việc công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được thực hiện theo Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục năm 2006 và Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp (Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 26/2013/TT- BGDĐT ngày 15/07/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), sau đây gọi tắt là

Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng ban hành theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT.

1. Chương trình giáo dục có được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước đó công nhận không?

Ông N chứng minh Trường BSL đã được Tổ chức kiểm định các trường và chương trình đào tạo về kinh doanh ACBSP Hoa Kỳ công nhận từ năm 1996, qua đó có tên trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được công nhận tại Hoa Kỳ và toàn cầu bởi Hội đồng kiểm định giáo dục đại học CHEA của Hoa Kỳ. Nhưng ta thấy rằng tổ chức kiểm định ACBSP là của Hoa Kỳ, không phải cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của Thụy Sĩ. Văn bằng Tiến sĩ DBA của ông N do cơ sở đào tạo của Thụy Sĩ cấp, chương trình đào tạo này chưa được kiểm định bởi cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của Thụy Sĩ do đó không đáp ứng quy định pháp luật Việt Nam dưới đây:

- Điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định số 75/2006/ND-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục năm 2006 quy định; Điểm c khoản 1 Điều 3 của Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT: Văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được công nhận trong các trường hợp sau đây:... Văn bằng được cấp bởi các cơ sở giáo dục phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp, cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài mà các chương trình giáo dục đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của nước đó công nhận hoặc được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép Cấp bằng.

2. Có được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng không?

2.1. Có được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập?

Trong đơn cung cấp tài liệu và giải trình ngày 23/02/2019 của ông Trần Quang N gửi Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng có nội dung: —Tại Thụy Sĩ, thẩm quyền giáo dục đối với các cơ sở giáo dục đại học tư thục thuộc về chính quyền bang nơi trường đặt trụ sở. Trường BSL được cơ quan chức năng của Thụy Sĩ cũng như Hiệu trưởng của Trường BSL khẳng định Trường BSL là cơ sở giáo dục đại học tư thục được thành lập hợp pháp tại Thụy Sĩ.

Tuy nhiên Thư ngày 12/3/2019 của Ban lãnh đạo giáo dục Bang Vaud gửi Trung tâm Công nhận Văn bằng (thuộc Cục Quản lý chất lượng) có nội dung: —Nhu quý cơ quan đã biết, Trường Kinh doanh Lauranne không được kiểm định ở mức độ liên bang và không thuộc danh sách các cơ sở giáo dục đại học Thụy Sĩ. Bang Vaud cũng không quản lý, không liên quan đến các văn bằng được cấp bởi trường tư thục này.

Khi biết nội dung trả lời của Bang Vaud, trong bản tự khai ngày 04/02/2020, ông Trần Quang N trình bày ngược lại: —Tại công văn ngày 26/11/2019, người bị kiện cho rằng Sở

Đào tạo, Thanh niên và Văn hoá Bang Vaud (nơi Trường BSL đặt trụ sở) trả lời: Trường BSL không phải là cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ và bang Vaud không quản lý và không có mối liên hệ nào với việc cấp văn bằng của Trường tư thục này. Trên trang điện tử chính thống của Sở Giáo dục, Thanh niên và Văn hoá của Bang Vaud có công bố danh sách các cơ sở giáo dục đại học được Sở này công nhận, tuy nhiên, Trường BSL không có tên trong danh sách này.

Việc này giống như Cục hỏi Sở Giáo dục và Đào tạo của TP. Hà Nội về việc Trường Đại học Luật Hà Nội có thuộc diện quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hà Nội, hay Bộ Giáo dục và Đào tạo hay không? Thực tế thì cơ quan chủ quản của Đại học Luật Hà Nội là Bộ Tư pháp, còn cơ quan chủ quản của Đại học Luật TP.HCM là Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sở Giáo dục và Đào tạo cấp tỉnh chỉ quản lý các trường Trung học phổ thông trên địa phương mình mà thôi, không có thẩm quyền với các Trường đại học trên địa bàn, ông N phủ nhận trả lời của Bang Vaud bằng cách so sánh chức năng, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo TP. Hồ Chí Minh với Sở (Bộ) Đào tạo, Thanh niên và Văn hoá Bang Vaud, thật là sự so sánh khập khiễng vì Thụy Sĩ theo thể chế nhà nước liên bang, Việt Nam theo thể chế nhà nước đơn nhất.

Ông Trần Quang N cung cấp cho Toà án trích lục hồ sơ cấp phép thành lập Trường số H987/02772 Bang Vaud cấp phép cho Trường Kinh doanh Lausanne BSL - Công ty cổ phần có trụ sở tại Chavannes - Pre - Renens, địa chỉ Route de la Maladière 21, 1022 Chavannes - Renens. Mục đích: Cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực giảng dạy và hoạt động của trường quản trị kinh doanh; công ty không vì mục đích lợi nhuận phục vụ giáo dục văn hoá. Mã số nhận diện doanh nghiệp (IDEUNID) CHE-106.177.034; Cơ quan đăng công báo: Công báo thương mại Thụy Sĩ. Trường BSL là Công ty cổ phần được đăng ký kinh doanh tại Văn phòng đăng ký thương mại bang Vaud và được công bố tại Công báo thương mại Thụy Sĩ - Feuille Officielle Swiss du Commerce. Việc đăng ký hoạt động thương mại của Bang Vaud được thực hiện tại Văn phòng đăng ký thương mại và được công bố tại Công báo thương mại (<https://www.vd.ch/toutes-les-autorites/ordre-judiciaire-vaudois-ojv/office-cantonal-du-registre-du-commerce/>).

Như vậy ông Trần Quang N chỉ chứng minh được Trường BSL là một Công ty cổ phần được thành lập hợp pháp tại Thụy Sĩ, không chứng minh được Trường BSL được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập. Văn phòng đăng ký thương mại Bang Vaud không phải là cơ quan quản lý giáo dục của Bang Vaud. Do đó Trường BSL không đáp ứng với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 của Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT.

2.2. Và có được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép cấp bằng?

Trong điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT có cụm từ "... được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập VÀ được phép cấp

bằng”. Ta thấy rằng ở đây nhà làm luật dùng từ “VÀ” có nghĩa phải đáp ứng điều kiện cần và đủ, cần là được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập, đủ là được phép cấp bằng.

Nêu ví dụ sau đây về điều kiện cần và đủ để đào tạo và cấp bằng Tiến sĩ của Trường Đại học Ngoại ngữ và Tin học HUFLIT (không đề cập văn bằng cử nhân):

Trường Đại học Ngoại ngữ và Tin học HUFLIT được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép thành lập, đây là điều kiện cần.

Trong quá trình hoạt động, năng lực của Nhà trường ngày càng phát triển về cơ sở vật chất, trình độ đội ngũ giảng viên, kinh nghiệm đào tạo và một số yếu tố khác, Nhà trường sẽ báo cáo và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép nâng cấp đào tạo lên trình độ Tiến sĩ. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ xem xét và quyết định, chỉ khi nào có quyết định của Bộ thì HUFLIT mới được phép đào tạo và cấp văn bằng Tiến sĩ, đây là điều kiện đủ.

Thoả mãn điều kiện cần và đủ trên đây thì Trường Đại học Ngoại ngữ và Tin học HUFLIT sẽ được đào tạo và cấp bằng Tiến sĩ.

Thư của bà Isabella Brunelli (Ban thư ký Nhà nước về giáo dục, nghiên cứu và đổi mới SERI) gửi ông N ngày 04/9/2018 (thư và bản dịch do ông N cung cấp) có nội dung:

Câu hỏi 6- Pháp luật Thụy Sĩ trong những năm 2004 đến năm 2007 có phân biệt đối xử giữa văn bằng được cấp bởi trường tư và trường công?

Đối với các nghề nghiệp được kiểm soát (như bác sĩ, luật sư, kiến trúc sư, vv), pháp luật liên bang hay tiểu bang xác định bang cấp nào được công nhận. Trong những trường hợp đó, chỉ có những cơ sở giáo dục đại học được công nhận bởi pháp luật liên bang mới được cấp bằng.

Đối với các nghề nghiệp không có kiểm soát (ví dụ như quản lý, nhà báo, chuyên gia tư vấn, vv.) thì để cho người sử dụng đánh giá giá trị của văn bằng.

Qua đó thấy rằng tại Thụy Sĩ cũng có sự phân biệt những văn bằng chỉ có những cơ sở đại học được công nhận bởi pháp luật liên bang mới được cấp bằng và có loại văn bằng thì để cho người sử dụng đánh giá giá trị của văn bằng. Văn bằng do cơ sở đại học được công nhận bởi pháp luật mới được cấp bằng chính là Điểm c khoản 1 Điều 3 của Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT “Cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước đó cho phép thành lập và được phép cấp bằng”.

Ông Trần Quang N không có gì để chứng minh Trường BSL được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ cho phép cấp bằng Tiến sĩ, tức là không thoả mãn điều kiện đủ. Điều kiện đủ không thoả mãn thì toàn bộ điều kiện cần và đủ sẽ không được chấp nhận, tức không đáp ứng mục 2 này.

Kết luận: Văn bằng Tiến sĩ DBA của ông Trần Quang N được cấp bởi Trường BSL Thụy Sĩ không được công nhận theo pháp luật Việt Nam.

3. Về hình thức đào tạo từ xa:

Văn bằng Tiến sĩ DBA của ông Trần Quang N không được công nhận tại Việt Nam như đã phân tích tại mục 1 và mục 2 trên đây. Nhưng nếu ông Trần Quang N học từ xa thì yêu cầu còn nghiêm ngặt hơn, văn bằng học từ xa của Thụy Sĩ (cũng như của tất cả các nước khác) chỉ được công nhận khi được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại Việt Nam (quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định công nhận văn bằng ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT). Luật sư xin phân tích những dữ liệu dưới đây thể hiện ông Trần Quang N học từ xa:

Ông Trần Quang N đã xuất trình Thư xác nhận của Hiệu trưởng Trường BSL ngày 12/02/2019 xác nhận Chương trình Tiến sĩ DBA của ông N không phải là chương trình đào tạo từ xa. Về Thư xác nhận của Hiệu trưởng BSL có những yếu tố đáng lưu ý như sau:

- Đây là xác nhận theo yêu cầu vì nó được xác nhận sau 04 tháng tính từ thời điểm Cục Quản lý chất lượng có Công văn số 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 (Quyết định hành chính bị kiện) từ chối công nhận văn bằng Tiến sĩ DBA do Trường BSL cấp cho ông N; được xác nhận sau khi ông N nhận văn bằng Tiến sĩ DBA 11 năm.

- Thư xác nhận của Hiệu trưởng BSL có nội dung không bình thường như sau: “Ông N phải đi qua lại giữa Việt Nam và Thụy Sĩ để lấy tài liệu và dữ liệu cũng như thực hiện khảo sát cho luận án của mình, ông Trần Quang N đã làm việc toàn thời gian cho luận án của mình trong suốt thời gian này” (bản dịch sang tiếng Việt do ông N cung cấp). Không bình thường ở chỗ: Nghiên cứu sinh Tiến sĩ chỉ là làm luận án? thời gian làm nghiên cứu sinh của ông N chỉ là đi qua lại giữa Việt Nam và Thụy Sĩ để lấy tài liệu và dữ liệu cũng như thực hiện khảo sát cho luận án?

Kết quả xác minh do Công an quản lý Xuất nhập cảnh cung cấp: từ tháng 7/2004 đến tháng 9/2007 ông N chỉ xuất cảnh đi Thụy Sĩ 03 lần, tổng thời gian khoảng 2,5 tháng (lần thứ 3 đi Thụy Sĩ trùng với thời gian nhận bằng tốt nghiệp). Trong bản tự khai ngày 04/02/2020, ông N thừa nhận thời gian này và giải thích chỉ cần đi Thụy Sĩ 2,5 tháng/3 năm học như sau: “Về tổng thời gian khoảng 2,5 tháng tại Thụy Sĩ, như đã trình bày trong đơn khiếu nại và buổi đối thoại, đề tài nghiên cứu của tôi là về doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Việt Nam nên theo yêu cầu của người hướng dẫn khoa học, tôi phải quay trở về Việt Nam để thu thập số liệu, thực hiện các công trình nghiên cứu để báo cáo bảo vệ tại Hội đồng khoa học của trường Kinh doanh Lausanne theo tiến độ đề ra, việc này hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo của Việt Nam và nước sở tại.

Bất kỳ người nào có hiểu biết về giáo dục đào tạo hoặc đã qua đào tạo Tiến sĩ (thậm chí đào tạo Thạc sĩ) đều biết rằng chương trình đào tạo Tiến sĩ không chỉ gồm làm đề tài nghiên cứu (Luận án Tiến sĩ), mà còn rất nhiều nội dung khác như phải thực hiện như: phải học nhiều tín chỉ (tín chỉ bắt buộc và tín chỉ tự chọn), phải được đào tạo về phương pháp nghiên cứu và phát triển kỹ năng, làm các tiểu luận, làm các chuyên đề, thực hiện các công trình nghiên cứu, tham dự các buổi hội thảo (seminar)..., sau khi hoàn thành những nội

dung đó mới được đăng ký đề tài Luận án. Từ Việt Nam ông N đã thực hiện những nội dung này của Trường Kinh doanh Lausanne tại Thụy Sĩ, từ Việt Nam ông N đã liên hệ tương tác với các giáo sư hướng dẫn tại Thụy Sĩ, như vậy ông N học từ xa hay từ gần?

Luật sư đã vào trang Web của Trường Kinh doanh Lausanne và được giới thiệu là Chương trình DBA của BSL về cơ bản là một chương trình đào tạo từ xa (BSL DBA program is essentially a distance learning program), bất kỳ ai cũng có thể kiểm chứng thông tin này tại trang Web <https://www.bsl-lausanne.ch/program/dba/doctorate-of-business-administration/discover-the-program/program-overview/>. Trang Web trường Kinh doanh Lausanne là thông tin đáng tin cậy, vì học từ xa sẽ tương ứng với học phí từ xa (Trường thu được ít tiền học phí hơn), học từ gần tương ứng với học phí từ gần (Trường thu được nhiều tiền học phí hơn).

Kết luận: Một sự việc (học từ xa) có nhiều tài liệu phản ánh, nội dung tài liệu có mâu thuẫn, vấn đề ở chỗ đánh giá tính khách quan (tính có thật) của tài liệu được sử dụng làm chứng cứ. Luật sư cho rằng với những tài liệu như trên thì chương trình Tiến sĩ DBA ông Trần Quang N theo học tại Trường BSL là hình thức học từ xa.

Đến nay, Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa cấp phép cho chương trình nào của Trường Đại học của Thụy Sĩ thực hiện liên kết đào tạo hoặc đào tạo từ xa trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Về nội dung khác:

Làm cách gì mà mỗi năm chỉ có một vài tuần đi Thụy Sĩ, nhưng ông N làm được đủ thủ tục lưu học sinh như người du học tại Thụy Sĩ 03 năm? được cấp giấy xác nhận đăng ký công dân của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ, chuyển sinh hoạt Đảng sang Chi bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ? Ông N tham dự họp Chi bộ hàng tháng ở đâu trong thời gian này? Luật sư đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước khi xác nhận, giải quyết những thủ tục trên cho ông N.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã Căn cứ các Điều 3, 30, 32, 115, 157, 158, khoản 2 Điều 193, 204, 206, 211, 213 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 3 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N

Hủy Công văn số 2265/QLCL-CNVB ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

Buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận văn bằng tiến sĩ do Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ (tên trường bằng tiếng Anh là Business School Lausanne) cấp ông Trần Quang N năm 2007 theo quy định pháp luật.

2/ Bác yêu cầu của ông Trần Quang N về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng về hành vi vi phạm tại Điều 11 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3/ Bác yêu cầu của luật sư Vũ Ngọc T về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người đứng đầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền khi xác nhận thủ tục lưu học sinh tại Thụy Sĩ, giấy xác nhận đăng ký công dân tại Thụy Sĩ, chuyển sinh hoạt Đảng sang Chi bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ cho ông Trần Quang N.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 20/01/2022, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng có làm đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án Thành phố Hồ Chí Minh do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Ngày 24/01/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị phúc thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng nghị.

Luật sư bảo vệ cho người khởi kiện trình bày: Khi áp dụng điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam, đối chiếu với trường hợp của ông N đã đáp ứng đủ điều kiện. Theo quy định của pháp luật Thụy Sĩ thì các trường tư thục do tổ chức, hiệp hội nước ngoài kiểm định ACBSP Hoa Kỳ, trong đó có trường hợp ông N. Ngoài ra, thẩm quyền của Trường BSL có được cấp bằng và được xác nhận của Cơ quan ngoại giao nên thỏa mãn quy định tại Điều 3 Quyết định 77/2007/QĐ- BGDĐT. Trường hợp của ông N cũng thỏa mãn khoản

2 Điều 6 Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT, ông N đi học theo quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đề tài ông N cũng rõ ràng, có đi du học cụ thể nên không thể được đào tạo từ xa. Ngoài ra, Hiệu trưởng Trường BSL xác nhận ông N theo học toàn thời gian không phải được đào tạo từ xa. Ở thời điểm văn bằng tư thực thuộc Trường BSL không bắt buộc phải kiểm định, không bắt buộc cơ quan nào phải công nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Trường BSL không được cơ quan có thẩm quyền của Thụy Sĩ cho phép thành lập, cơ quan quản lý giáo dục ở Thụy Sĩ là SERI đã trả lời là không biết trường hợp này, và cũng không công nhận. Người khởi kiện chỉ chứng minh được trường hợp này là hợp pháp nhưng nó chỉ phù hợp ở nước ngoài không phù hợp với pháp luật Việt Nam để được công nhận. Vấn đề kiểm định theo tiêu chuẩn quốc tế nhưng pháp luật Việt Nam quy định là phải được kiểm định ở Thụy Sĩ. Hiệu lực Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT là thời điểm ông N đề nghị công nhận văn bằng chứ không phải thời điểm ông N đi học. Ông N đi học theo quyết định của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh không phải là tiêu chí để công nhận. Thời gian ông N đi học chỉ có 2,5 tháng xuất cảnh 03 lần. Trong đó có một lần đi nhận bằng, còn lại thì ở Việt Nam nên được xác định là được đào tạo từ xa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa cũng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo, kháng nghị:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/01/2022 người bị kiện là Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo làm đơn kháng cáo và ngày 24/01/2022 Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị đúng theo trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 55, Điều 204, Điều 205, Điều 206, Điều 209, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Luật Tố tụng Hành chính nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N với các nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Hủy Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02/10/2018 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng.

Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10/04/2019 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng.

Buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng công nhận văn bằng tiến sĩ do Trường Kinh doanh Lausanne của Thụy Sĩ (Business School Lausanne) cấp cho ông Trần Quang N năm 2007.

Đồng thời, yêu cầu Toà án kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, xử lý Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng về hành vi vi phạm quy định tại Điều 11 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể hành vi là không công nhận văn bằng tiến sĩ và ban hành văn bản trái pháp luật, xâm phạm danh dự, uy tín, quyền nhân thân của ông N.

Đối với yêu cầu bổ sung là hủy văn bản số 2917/QLCL-CNVB ngày 10/12/2018 của ông N, ông N không rút yêu cầu này. Do ngày 25/11/2020, Toà án nhân dân cấp cao Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng số 67/2020/QĐ-GQKN ngày 25/11/2020 về việc không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của ông N nên ông N chấp nhận kết quả giải quyết này và sẽ tiến hành kháng cáo vụ việc này sau khi Tòa án tuyên án.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam, văn bằng được cấp bởi cơ sở giáo dục Thụy Sĩ không thuộc phạm vi áp dụng của Hiệp định về tương đương văn bằng hoặc công nhận lẫn nhau về văn bằng hoặc Điều ước quốc tế có liên quan đến văn bằng mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc là thành viên.

Vì vậy, trường hợp của ông Trần Quang N thuộc trường hợp phải làm thủ tục công nhận văn bằng khi có yêu cầu.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 15 Nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục; điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ- BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam thì bằng tiến sĩ của ông N muốn được công nhận tại Việt Nam phải thỏa mãn 01 trong 02 điều kiện sau đây: Văn bằng được cấp phải được Cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục Thụy Sĩ công nhận hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ cho phép thành lập và cấp bằng.

[3.1] Về điều kiện kiểm định: Theo Văn bản của Ban thư ký Nhà nước về Giáo dục, nghiên cứu và đổi mới (SERI) ngày 27/8/2018 trả lời Cục quản lý chất lượng tại Phụ lục 3 “Hệ thống kiểm định chất lượng ở cấp liên bang được thực hiện bởi Cơ quan Kiểm định

và Đảm bảo chất lượng Thụy Sĩ (AAQ, www.aaq.ch) và cơ quan ra quyết định công nhận chất lượng là Hội đồng kiểm định Thụy Sĩ (www.akkreditierungsrat.ch).

Trường BSL không có tên trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được Cơ quan kiểm định Thụy Sĩ kiểm định chất lượng theo đường link dẫn chiếu của Seri nêu trên.

Theo thư trả lời của Sở Đào tạo Thanh niên và Văn Hóa của Bang Vaud ngày 12/3/2019, thì trường BSL không nằm trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định tại Thụy Sĩ.

Như vậy, chương trình tiến sĩ quản trị kinh doanh (DBA) của trường BSL chưa được cơ quan có thẩm quyền kiểm định chất lượng giáo dục Thụy Sĩ công nhận. Do đó, về điều kiện này, ông Trần Quang N không thỏa mãn theo quy định.

[3.2] Về điều kiện thành lập và cho phép cấp bằng: Ban Thư ký Nhà nước về Giáo dục, Nghiên cứu và đổi mới SERI có văn bản ngày 13/9/2019 gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho biết cơ quan quản lý, có thẩm quyền về giáo dục ở Thụy Sĩ ở cấp Liên bang và cấp bang gồm:

- Cấp Liên bang: SERI là cơ quan có thẩm quyền giáo dục của Liên bang Thụy Sĩ về các vấn đề quốc gia và quốc tế liên quan đến chính sách giáo dục, nghiên cứu và đổi mới.

- Cấp bang: ở mỗi bang có Sở Giáo dục của bang, có 26 Sở Giáo dục tại 26 bang. Các bang phối hợp với nhau thông qua Tổ chức Hiệp hội các Bộ trưởng giáo dục bang (EDK).

Theo văn bản trả lời ngày 27/8/2018 của SERI: Theo Hiến pháp của Liên bang Thụy Sĩ năm 1999 đối với giáo dục đại học, mỗi bang được quyền tự chủ, thẩm quyền quản lý, các điều kiện, thủ tục đối với các trường công lập và tư thục trên địa bàn.

Trường BSL nằm trên địa bàn bang Vaud, Thụy Sĩ quản lý. Cơ quan quản lý có thẩm quyền về giáo dục của Bang Vaud là Sở đào tạo, thanh niên và văn hóa của Bang Vaud. Ngày 12/3/2019, Sở có văn bản trả lời: Trường BSL không phải cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ và bang Vaud không quản lý và không có mối liên hệ nào với việc cấp văn bằng của trường tư thục này. Trên trang điện tử chính thống của Sở có công bố danh sách các cơ sở giáo dục đại học được Sở công nhận nhưng trường BSL không có tên trong danh sách này.

Ngoài ra, ở cấp liên bang theo trang Web chính thức của SERI thì các cơ sở giáo dục đại học được kiểm định hoặc được công nhận theo Đạo luật giáo dục đại học năm 2015 được công bố tại trang Web của Hội đồng các hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học của Thụy Sĩ, thì trường BSL cũng không có tên trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được công nhận. Đồng thời, cơ quan đại diện hội đồng các hiệu trưởng cũng trả lời văn bằng của ông N cấp năm 2007 thì Trường BSL cũng không nằm trong danh sách các cơ sở giáo dục đại học được công nhận.

Trường BSL được thành lập với hình thức là Công ty cổ phần và được đăng ký kinh doanh tại Văn phòng đăng ký thương mại bang Vaud, nhưng cơ quan này không phải là cơ

quan quản lý giáo dục của bang Vaud và cũng không cấp giấy công nhận cho văn bằng do trường này cấp. Do đó, Trường BSL không thỏa mãn điều kiện về cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập và cấp bằng (quản lý và công nhận) theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam.

Xét thấy, ông N cung cấp tài liệu là thư trả lời của SERI về điều kiện thành lập trường và cấp bằng. Cũng như Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông N cho rằng thời điểm ông N đi học chưa có Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, nay áp dụng Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với trường hợp ông N là quá khắc khe. Đồng thời, tại Thụy Sĩ trường ông N theo học không bắt buộc văn bằng phải được cơ quan giáo dục kiểm định và không bắt buộc cơ quan nào phải công nhận. Hơn nữa, chương trình đào tạo này được kiểm định theo tiêu chuẩn của tổ chức kiểm định quốc tế đó là tổ chức ACBSP của Hoa Kỳ. Tuy nhiên, các tài liệu này không đủ chứng cứ chứng minh là Trường BSL được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của Thụy Sĩ cho phép thành lập và cho phép cấp bằng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam. Bởi vì văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp muốn được công nhận, sử dụng tại Việt Nam phải theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào thư trả lời này cho rằng Trường BSL được cơ quan có thẩm quyền về giáo dục cho phép thành lập và cấp bằng là không có căn cứ và không phù hợp với pháp luật Việt Nam.

[3.3] Về chương trình đào tạo: Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam thì Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp cho người học theo chương trình giáo dục từ xa chỉ được công nhận khi các chương trình giáo dục từ xa để cấp văn bằng đã được cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục công nhận và được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cho phép đào tạo hoặc liên kết đào tạo tại Việt Nam.

Căn cứ vào Email công vụ của Trưởng phòng marketing và tuyển sinh Trường BSL đến Email công vụ của Cục quản lý chất lượng ngày 09/01/2019 trả lời chương trình tiến sĩ ông N theo học từ 2004 – 2007 là chương trình đào tạo từ xa. Ngày 22/3/2019, ông N có gửi thư của Hiệu trưởng Trường BSL về chương trình tiến sĩ không phải là chương trình từ

xa và làm luận án toàn thời gian. Đồng thời, ông N còn làm đủ thủ tục đăng ký lưu học sinh 03 năm, được cấp giấy xác nhận đăng ký công dân của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ và chuyển sinh hoạt đảng sang chi bộ Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Sĩ. Vì vậy, có sự mâu thuẫn trong việc xác nhận của trường.

Căn cứ Công văn số 58/QLXNC ngày 08/01/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh trả lời cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông tin xuất nhập cảnh của ông Trần Quang N thì ông N chỉ sang Thụy Sĩ 03 lần với tổng thời gian 2,5 tháng trong chương trình đào tạo Tiến sĩ 03 năm của trường BSL. Đồng thời, trên trang điện tử của Trường BSL thì chương trình cơ bản theo hình thức đào tạo từ xa. Ngoài ra, Bộ giáo dục và đào tạo chưa cấp phép cho Trường BSL (Thụy Sĩ) thực hiện liên kết đào tạo hoặc đào tạo từ xa tại Việt Nam. Vì vậy, chương trình học của ông N không đáp ứng được quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thì khi nộp hồ sơ công nhận văn bằng Tiến sĩ của ông N thì phải nộp kèm theo văn bằng thạc sĩ để thẩm định. Sau khi thẩm định mức độ đáp ứng quy định về tuyển sinh chương trình đào tạo đầu vào tiến sĩ, Cục trưởng cục quản lý chất lượng thẩm định chương trình thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) ông theo học là chương trình hợp tác đào tạo từ xa giữa trường Đại học Bách khoa Hà Nội và Southern California University for Professional Studies (Hoa Kỳ). Tại thời điểm cấp bằng thạc sĩ cho ông, thì trường Southern California University for Professional Studies chưa được kiểm định. Vì vậy, việc Cục quản lý chất lượng nêu ý kiến trả lời cho ông N tại Công văn số 2265/QLCT-CNVB ngày 02/10/2018 chứ không phải không công nhận văn bằng thạc sĩ của ông N, nên không trái pháp luật.

[4] Từ những phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N, hủy Công văn 2265/QLCT-CNVB ngày 02/10/2018 của Cục trưởng cục quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo, hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10/4/2019 của Cục quản lý chất lượng và buộc Cục quản lý chất lượng công nhận văn bằng tiến sĩ do trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ (tên trường bằng tiếng Anh Business School Lausanne) cấp cho ông Trần Quang N năm 2007 là không có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu của Luật sư Vũ Ngọc T đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm của cơ quan Nhà nước, người có thẩm quyền của

cơ quan Nhà nước không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại bác yêu cầu khởi kiện là không phù hợp.

[6] Xét kháng cáo của Cục trưởng Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và đào tạo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Cục trưởng Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và đào tạo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

Chấp nhận kháng cáo của Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và đào tạo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 42/2022/HC-ST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 211 của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 3 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang N về việc yêu cầu:

- Hủy Công văn 2265/QLCL-CNVB ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo trả lời yêu cầu công nhận văn bằng của ông Trần Quang N.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 76/QĐ-QLCL ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giải quyết khiếu nại của ông Trần Quang N.

- Buộc Cục trưởng Cục quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công nhận văn bằng tiến sĩ do Trường Kinh doanh Lausanne, Thụy Sĩ (tên trường bằng tiếng Anh là Business School Lausanne) cấp ông Trần Quang N năm 2007 theo quy định pháp luật.

2. Bác yêu cầu của ông Trần Quang N về việc yêu cầu Tòa án kiến nghị với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xử lý Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng về hành vi vi phạm tại Điều 11 của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ

sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Quang N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí ông N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2019/0024304 ngày 23/8/2019 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (Ông N đã nộp xong án phí hành chính sơ thẩm).

4. Về án phí hành chính phúc thẩm: Cục trưởng Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và đào tạo không phải chịu, Cục trưởng Cục quản lý chất lượng – Bộ giáo dục và đào tạo được nhận lại 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001693 ngày 11/02/2022 tại Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật thi hành

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; NTV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hồ Tâm Tú

FDVN LAW FIRM

Bản án số: 201/2022/HC-PT

Ngày 22-3-2022

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Phan Đức Phương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu.

Ông Lê Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 303/2020/TLPT- HC ngày 20/5/2021 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 460/2021/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2435/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Công ty T

Trụ sở: Số 101/35 đường Gò Dầu, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành Long (có mặt).

Địa chỉ: Phòng 302 (lầu 3), số 248-250 đường Nguyễn Đình Chiểu, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 19/4/2021).

Người bị kiện: Cục Sở hữu trí tuệ.

Trụ sở: Số 384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Lê H; Chức vụ: Phó Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ (Theo Giấy ủy quyền số 108/GUQ-SHTT lập ngày 11/01/2021- vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Phương M; Chức vụ: Phó trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, thuộc Cục Sở hữu trí tuệ (có mặt).

2. Ông Bùi Thanh T; Chức vụ: Chuyên viên phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại, thuộc Cục Sở hữu trí tuệ (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 384-386 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Người khởi kiện, Công ty T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, Công ty T trình bày:

Ngày 12/11/2013, Công ty T (Công ty V) nộp đơn đăng ký nhãn hiệu sau đây tại Cục Sở hữu trí tuệ:

- Mẫu nhãn hiệu: IRONMAN

- Ngày nộp đơn: 12/11/2013

- Số đơn: 4-2013-26781

- Sản phẩm đăng ký: Nhóm 3: Mỹ phẩm; Dầu gội đầu; Sữa tắm; Nước hoa; à phòng; Chất tẩy rửa (không dùng trong công nghiệp).

Ngày 07/12/2015, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo số 41390/SHTT-NH2 với nội dung nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V không được cấp Giấy chứng nhận vì không có khả năng phân biệt do tương tự gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu khác đã đăng ký theo Thỏa ước Madrid và đang được bảo hộ tại Việt Nam cho cùng ngành hàng, chi tiết:

- Nhãn hiệu: IRONMAN; Số đăng ký: 964446; ngày đăng ký: 16/05/2008.

- Chủ sở hữu: Công ty World Triathlon Corporation.

- Địa chỉ: 2701 North Rocky Point Drive, Suite 1250 Tampa, Florida, Hoa Kỳ.

Do phát hiện Nhãn hiệu “IRONMAN” số đăng ký 964446 nêu trên không được sử dụng thực tế tại thị trường Việt Nam từ ngày 16/05/2008 đến ngày 07/12/2015 (5 năm liên tục), nên Công ty V đã làm đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ chấm dứt hiệu lực giấy đăng ký nhãn hiệu này.

Ngày 18/01/2016, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra Quyết định số 61/QĐ-SHTT về việc chấm dứt hiệu lực đăng ký quốc tế nhãn hiệu đối với Nhãn hiệu “IRONMAN” số đăng ký 964446.

Sau đó ngày 18/03/2016, bên thứ ba là Công ty Marvel Characters, Inc., Địa chỉ: South Buena Vista Street, Burbank, California, Hoa kỳ (Công ty Marvel) nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ hồ sơ đơn phản đối việc cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu “IRONMAN” cho Công ty V. Vì Công ty Marvel cho rằng: Nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V là tương tự gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu nổi tiếng, tên nhân vật thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả “IRON MAN” của Công ty Marvel.

Đến ngày 29/06/2018, Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo kết quả thẩm định nội dung số 22898/SHTT-NH2. Trong đó nêu: Đơn nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V không được bảo hộ vì tương tự gây nhầm lẫn với tên nhân vật “IRON MAN” trong truyện phim

thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả của Công ty Marvel được biết đến rộng rãi theo qui định tại Điều 39.3 (1) Thông tư số 01/2007/TT- BKHCN ngày 14/02/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 16/2016/TT- BKHCN ngày 30/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Ngày 28/06/2019, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 53013/QĐ- STTT về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (đối với đơn nhãn hiệu “IRONMAN” nộp đơn ngày 12/11/2013 của Công ty V).

Theo qui định tại điểm i khoản 3 Điều 39 Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ thì “Dấu hiệu chữ” là “Tên gọi nhân vật” trong một tác phẩm (có thể là tác phẩm văn học, điện ảnh, âm nhạc .v.v.v...) sẽ bị coi là không có khả năng phân biệt (tức bị từ chối không cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu) khi xảy ra cùng lúc hai (2) điều kiện: Tên gọi nhân vật đó là đối tượng thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả (theo pháp luật bản quyền tác giả Việt Nam) và Tên nhân vật đó phải được biết đến rộng rãi tại Việt Nam.

Tuy nhiên, trong trường hợp trên, tên nhân vật “IRON MAN” trong bộ phim cùng tên “IRON MAN” của nhà sản xuất/chủ sở hữu Công ty Marvel, tại thời điểm ngày 12/11/2013 (ngày nộp đơn nhãn hiệu “IRONMAN” của Công ty V, là mốc thời gian để làm tiêu chí đánh giá về sự “Biết đến rộng rãi” tại Việt Nam của nhãn hiệu đối chứng, ở đây là tên gọi nhân vật “IRON MAN”), đều không đáp ứng cả hai điều kiện đó. Vào năm 2006, Cục Bản quyền tác giả đã có văn bản trả lời ý kiến chuyên môn số 454/BQTG-BQ ngày 01/11/2006, nêu rõ: “Bộ luật dân sự năm 1995 (cũ), Bộ luật dân sự 2005, Luật Sở hữu trí tuệ và các văn bản hướng dẫn thi hành không có qui định về việc bảo hộ tên nhân vật trong tác phẩm...”. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận tên gọi nhân vật “IRON MAN” trong bộ phim cùng tên “IRON MAN” là không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam. Cục Sở hữu trí tuệ cho rằng: Ba phần của bộ phim (IRON MAN) được khởi chiếu tại Việt Nam lần lượt vào ngày 16/05/2008, ngày 07/05/2010, ngày 26/04/2013 tại các rạp và đạt được kỷ lục về doanh thu phòng vé, điều đó thể hiện sự biết đến rộng rãi của công chúng đối với bộ phim cũng như tên nhân vật “IRON MAN”. Đây là kết luận hoàn toàn cảm tính từ phía Cục Sở hữu trí tuệ. Pháp luật sở hữu trí tuệ chưa có quy định, hướng dẫn chi tiết về tiêu chí đánh giá “Một tên gọi nhân vật như thế nào thì đủ điều kiện xem là được công chúng biết đến rộng rãi”, thì việc xem xét, đánh giá một tên gọi nhân vật có được công chúng Việt Nam biết đến rộng rãi hay không, phải qua kiểm nghiệm thực tế, chứ không thể căn cứ một cách mơ hồ vào sự kiện “Các rạp đạt được kỷ lục về doanh thu phòng vé”.

Từ những chứng cứ lập luận nêu trên, đủ cơ sở chứng minh Quyết định số 53013/QĐ- STTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu (đối với đơn đăng ký nhãn hiệu “IRONMAN”, nộp ngày 12/11/2013, số đơn: 4-2013-26781, của Công ty V) vì lý do tên gọi nhân vật “IRON MAN” trong bộ phim cùng tên “IRON MAN” đã được biết đến rộng rãi tại Việt Nam vào thời điểm ngày 12/11/2013

trở về trước, là không có căn cứ. Vì vậy, Công ty V khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 53013/QĐ- STTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Người bị kiện, Cục Sở hữu trí tuệ trình bày:

Ngày 12/11/2013, Công ty V nộp đơn số 26781 để đăng ký nhãn hiệu “IRONMAN” cho các sản phẩm “mỹ phẩm; Dầu gội đầu; Sữa tắm; Nước hoa; Xà phòng; Chất tẩy rửa (không dùng trong công nghiệp) thuộc nhóm 03 thông qua đại diện sở hữu công nghiệp là Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh. Ngày 10/12/2013, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 69195/QĐ-SHTT về việc chấp nhận đơn hợp lệ đối với đơn 26781. Ngày 07/12/2015, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 41390/SHTT-NH2 thông báo kết quả thẩm định nội dung đối với đơn 26781 dự định từ chối cấp đăng ký nhãn hiệu cho đơn này.

Ngày 29/01/2016, Công ty V thông qua Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh có Công văn số M8774.13/HCM-ta trả lời kết quả thẩm định nội dung trong Công văn số 41390/SHTT-NH2. Ngày 18/3/2016, Cục Sở hữu trí tuệ nhận được đơn phản đối số PĐ4-2016-00193 của Công ty Marvel (đại diện bởi Công ty luật TNHH quốc tế BMVN) đề nghị từ chối cấp văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu IRONMAN của đơn 26781.

Ngày 31/3/2016, Công ty V thông qua Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh có Công văn số M8775.13/HCM-ta bổ sung thêm tài liệu giải trình thêm cho kết quả thẩm định nội dung tại Công văn số 41390/SHTT-NH2, cụ thể là Quyết định số 61/QĐ-SHTT ngày 18/01/2016 về việc chấm dứt hiệu lực Đăng ký quốc tế nhãn hiệu số 964446 là đối chứng trong công văn số 41390/SHTT-NH2. Ngày 11/5/2016, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 3528/SHTT-NH2 thông báo về đơn số PĐ4-2016-00193 của Công ty Marvel phản đối cấp văn bằng bảo hộ cho Công ty V. Ngày 19/5/2016, Công ty V nộp đơn số SD4-2016-00387 đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận chấm dứt đại diện sở hữu công nghiệp đối với Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh. Ngày 10/6/2016, Công ty TNHH Việt My có Công văn số 08/cv/2016 trả lời Công văn số 3528/SHTT-NH2 về ý kiến phản đối tại đơn số PĐ4-2016-00193. Ngày 10/6/2016, Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh có Đơn số M8774./HCM-Tha đề nghị gia hạn trả lời công văn số 3528/SHTT-NH2.

Ngày 29/7/2016, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Thông báo số 5945/SHTT- NH2 gửi Công ty V ghi nhận về việc chấm dứt đại diện sở hữu công nghiệp của Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh. Ngày 06/10/2016, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 8003/SHTT-NH2 thông báo về ý kiến trả lời của Công ty V cho Công ty luật TNHH Quốc tế BMVN.

Ngày 04/11/2016, Công ty luật TNHH Quốc tế BMVN gửi Công văn số BMVN/4668595/02 trả lời Công văn số 8003/SHTT-NH2. Ngày 06/12/2016, Công ty luật TNHH Quốc tế BMVN gửi Công văn số BMVN/4668595/03 bổ sung ý kiến trả lời công văn số 8003/SHTT-NH2;

Ngày 06/01/2017, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 81/SHTT-NH2 gửi Công ty V thông báo về ý kiến trả lời của Công ty luật TNHH Quốc tế BMVN. Ngày 07/02/2017, Công ty luật TNHH Quốc tế BMVN tiếp tục gửi công văn số BMVN/4668595/02 bổ sung trả lời Công văn số 8003/SHTT-NH2. Ngày 29/6/2018, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 22898/SHTT-NH2 thông báo kết quả thẩm định nội dung dự định từ chối bảo hộ đối với toàn bộ nhãn hiệu IRONMAN và sản phẩm/dịch vụ của đơn 26781. Ngày 04/7/2018, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Công văn số 6827/SHTT-NH2 thông báo về việc dự định từ chối cấp văn bằng đối với đơn 26781 gửi Công ty luật TNHH Quốc tế BMVN.

Ngày 24/9/2018, Công ty V có Công văn số 47/09/2018/cv trả lời Công văn số 22898/SHTT-NH2. Ngày 28/6/2019, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 53013/QĐ-SHTT về việc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với đơn 26781.

Với tiến trình xử lý đơn 26781 như trên, Cục Sở hữu trí tuệ đã xem xét và xử lý theo đúng quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ. Trong đó, các bên liên quan đều được thông tin đầy đủ để có ý kiến và trên cơ sở xem xét kỹ càng các ý kiến này, Cục Sở hữu trí tuệ mới quyết định việc từ chối đăng ký nhãn hiệu phù hợp với quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

Ý kiến của Cục Sở hữu trí tuệ về yêu cầu hủy Quyết định số 53013/QĐ- SHTT như sau:

Tên “IRON MAN” vừa là tên phim (tức tác phẩm điện ảnh), vừa là tên gọi và sau đó thể hiện, hình tượng của nhân vật chính trong tác phẩm điện ảnh này. Tác phẩm điện ảnh này được bảo hộ quyền tác giả theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ. Bên cạnh đó, việc thẩm định đơn đăng ký nhãn hiệu được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung năm 2010, 2011, 2013, 2016 (văn bản hợp nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ số 07/VBHN-BKHCN ngày 29/12/2017), theo đó Điều 39.3.1. quy định rõ “Dấu hiệu chữ trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thật, biệt hiệu, bút danh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam hoặc của nước ngoài; trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên gọi của các nhân vật, hình tượng trong các tác phẩm thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả của người khác đã được biết đến một cách rộng rãi, trừ trường hợp được phép của chủ sở hữu tác phẩm đó”. Công ty V không phản đối phim IRON MAN là tác phẩm được bảo hộ theo quyền tác giả tại Việt Nam. Ngoài ra, không có chứng cứ chứng minh được cơ sở của Marvel (như nội dung tại đơn phản đối số PĐ4-2016- 00193) và của Cục Sở hữu trí tuệ về việc tác phẩm điện ảnh IRON MAN được biết đến rộng rãi, mà chỉ là những nhận định gián tiếp, có phần chủ quan về việc cán bộ của Cục cũng không biết đến sự “Biết đến rộng rãi của nhân vật IRON MAN”. Đồng thời, Công ty V cũng không được phép của chủ sở hữu tác phẩm điện ảnh là Công ty Marvel để đăng ký nhãn hiệu là tên của nhân vật IRON

MAN. Do đó, việc thẩm định theo quy định của Điểm 39.3.1. nêu trên buộc Cục Sở hữu trí tuệ phải kết luận tại Quyết định số 53013/QĐ-SHTT rằng “Việc chấp thuận bảo hộ nhãn hiệu đang xem xét sẽ gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nhà sản xuất (sản phẩm mang nhãn hiệu yêu cầu đăng ký do Marvel Characters Inc. sản xuất)” và từ đó từ chối đăng ký nhãn hiệu IRONMAN cho Công ty V. Cục Sở hữu trí tuệ đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 460/2021/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh,

Căn cứ:

Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T yêu cầu hủy Quyết định số 53013/QĐ-SHTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/4/2021, Công ty V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty V giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Cục Sở hữu trí tuệ không chấp nhận đơn đăng ký nhãn hiệu IRONMAN của Công ty V là không đúng pháp luật do không chứng minh được nhân vật IRON MAN biết đến rộng rãi của công chúng Việt Nam. Thực tế, việc xác định nhân vật IRON MAN có được biết đến rộng rãi hay không phải do công ty có chức năng nghiên cứu thị trường hoặc thăm dò ý kiến xã hội thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù Công ty V không cung cấp được chứng cứ xác định nhân vật IRON MAN không được biết đến rộng rãi nhưng theo quy định thì người cung cấp chứng cứ chứng minh phải là Cục Sở hữu trí tuệ.

Bản án sơ thẩm không xem xét vụ án một cách khách quan nên đã bác yêu cầu khởi kiện của Công ty V là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Cục Sở hữu trí tuệ và Công ty Marvel đã cung cấp các chứng cứ chứng minh nhân vật IRON MAN, trong tác phẩm điện ảnh cùng tên được biết đến rộng rãi trong công chúng Việt Nam. Mặc dù, pháp luật chưa quy định cụ thể nhân vật IRON MAN được biết đến rộng rãi là như thế nào. Tuy nhiên, căn cứ vào các bài báo đăng trên các báo Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tiền Phong, Vnexpress đã thể hiện sự biết đến rộng rãi của công chúng đối với tác phẩm điện ảnh này.

Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty V là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Công ty V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:

Chứng cứ do Cục Sở hữu trí tuệ và Công ty Marvel cung cấp là các trang Web chính thức ở Việt Nam và các báo Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tiền Phong, Vnexpress đều đăng tải thông tin về nhân vật và tác phẩm IRON MAN. Điều này thể hiện sự biết đến rộng rãi của công chúng về nhân vật và tác phẩm IRON MAN nêu trên. Đây là chứng cứ không cần phải chứng minh. Khi giải quyết vụ án hành chính, các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty V cung không cung cấp chứng cứ đối với nội dung kháng cáo.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty V là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của Công ty V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 115, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Công ty V kháng cáo đúng quy định nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người bị kiện đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Bộ luật Tố tụng hành chính xét xử vắng mặt người bị kiện.

[3] Đơn khởi kiện, Công ty V yêu cầu hủy Quyết định số 53013/QĐ-STTT ngày 28/06/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quyết định trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính là đúng quy định.

Xét kháng cáo của Công ty V, thấy rằng:

[4] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 53013/QĐ-SHTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành đúng quy định tại Điều 15 Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Điểm 15.7b Thông tư 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 16/2016/TT-BKHHCN ngày 30/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cục Sở hữu trí tuệ ban hành theo Quyết định 2525/QĐ-BKHHCN ngày 04/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là đúng pháp luật.

[5] Về nội dung:

[5.1] Điều 14 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2013, quy định các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, gồm:

1. Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm:

.....

e) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh);

Đối chiếu quy định trên thì Phim truyện và phim hoạt hình IRON MAN thuộc sở hữu của Công ty Marvel là tác phẩm điện ảnh được bảo hộ quyền tác giả tại Việt Nam. Nhãn hiệu “IRONMAN” mà Công ty V đăng ký cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa vừa là tên phim (tác phẩm điện ảnh) vừa là tên gọi, thể hiện hình tượng của nhân vật chính trong tác phẩm điện ảnh này.

[5.2] Ba phần của Phim truyện và phim hoạt hình IRON MAN được khởi chiếu tại các rạp trên lãnh thổ Việt Nam lần lượt vào ngày 16/5/2008, ngày 07/5/2010, ngày 26/4/2013. Thông tin về nhân vật “IRON MAN” và các tác phẩm “IRON MAN” được thể hiện trên báo chí và các trang Web chính thức ở Việt Nam, như báo Thanh Niên, Tuổi Trẻ, Tiền Phong, Vnexpress: “IRON MAN 3” lập kỷ lục ở Việt Nam với 20 tỷ đồng (đăng ngày 01/5/2013, ngày 06/5/2013); “Iro man 3” lập nhiều kỷ lục quốc tế (đăng ngày 03/5/2013)... Điều này thể hiện sự biết đến rộng rãi của công chúng đối với bộ phim cũng như tên nhân vật “IRON MAN”. Phim truyện và phim hoạt hình IRON MAN được công chiếu khắp thế giới như: Ironman Amoured Adventures (2009), Marvel Anime Ironman (2011)... các sản phẩm mang nhãn hiệu IRON MAN trên các trang Web chính thức của Marvel tại địa chỉ: <http://shop.marvel.com/...>,

[5.3] Như vậy, theo quy định tại điểm 39.3.1. Thông tư 01/2007/TT- BKHCN ngày 14/02/2007, có nội dung: “Dấu hiệu chữ trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với

tên thật, biệt hiệu, bút danh của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân của Việt Nam hoặc của nước ngoài; trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên gọi của các nhân vật, hình tượng trong các tác phẩm thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả của người khác đã được biết đến một cách rộng rãi, trừ trường hợp được phép của chủ sở hữu tác phẩm đó”, có căn cứ xác định bộ phim cũng như tên nhân vật “IRON MAN” được sự biết đến rộng rãi của công chúng Việt Nam.

[5.4] Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 53013/QĐ-SHTT của Cục Sở hữu trí tuệ đúng pháp luật, đồng thời bác đơn khởi kiện của Công ty V là có căn cứ. Công ty V kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát; không chấp nhận kháng cáo của Công ty V, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Công ty V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; Thông tư số 16/2016/TT-BKHCN ngày 30/6/2016 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010, Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN ngày 20/02/2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 460/2021/HC-ST ngày 06 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty T yêu cầu hủy Quyết định số 53013/QĐ-SHTT ngày 28/6/2019 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu.

4. Về án phí:

- 4.1. Án phí hành chính sơ thẩm: Công ty T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo

Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0092237 ngày 06/8/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty V đã nộp đủ.

4.2. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0093997 ngày 26/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty V đã nộp đủ.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh (1);
- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự;
- Lưu (5), (án BĐA)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương

FDVN LAW FIRM

- Bà Trần Thị H1, sinh năm 1993. Địa chỉ: số 99 Đường N1, quận H2, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Bà Ngô Thị Mỹ Tr, sinh năm 1995. Địa chỉ số 99 Đường N1, quận H2, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

***Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ: số 24 đường T, quận H2, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Kỳ M - chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Phước Tr - Chức vụ: Quyền cục trưởng Cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Công ty A Việt Nam. Địa chỉ: KCN B1, phường A, thành phố B1, tỉnh Đồng Nai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Người giám định:** Ông Phạm Đình Ch - Giám định viên của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ. Địa chỉ: số 39 đường T2, quận H3, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

***Người kháng cáo:** Người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:*

Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng đã vi phạm cụ thể như sau:

Về hình thức: Quyết định không thể hiện đầy đủ tên đơn vị bị xử phạt, không thể hiện tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ vì đây là một trong những nội dung bắt buộc phải có của quyết định.

Về nội dung: Chủ thể xử phạt trong Quyết định xử phạt phải là Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại H (gọi tắt là Công ty H) chứ không phải Chi nhánh Công ty H tại Đà Nẵng, không đúng chủ thể bị xử phạt, không có cơ sở pháp lý vì tổ chức chịu trách nhiệm trước pháp luật là Công ty H. Chi nhánh Công ty chỉ thực hiện theo ủy quyền của Công ty.

Việc xác định giá trị hàng hóa vi phạm là tang vật vi phạm bao gồm thành phẩm là mì chính đã được đóng gói tại nơi bán hàng và nơi đóng gói, bao bì, nguyên liệu dùng để thực hiện hành vi đóng gói mì chính mang dấu hiệu xâm phạm quyền nhãn hiệu để xác định mức xử phạt là không đúng.

Chúng tôi không hề xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của Công ty A Việt Nam, không có đủ căn cứ để khẳng định Công ty chúng tôi xâm phạm bản quyền.

Kết luận giám định NH453 của Công ty H kết luận dấu hiệu trên gói bột ngọt A-T không gây nhầm lẫn với nhãn hiệu trên gói bột ngọt của A-N.

Ý kiến chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ tại Văn bản số 8556/SHTT- TTKN ngày 10/9/2015 cho rằng có dấu hiệu tương tự là khập khiễng, bất nhất, không thỏa đáng.

Cả Kết luận của Viện khoa học SHTT và ý kiến chuyên môn của Cục SHTT đều không làm rõ dấu hiệu tương tự đến mức gây nhầm lẫn và việc sử dụng dấu hiệu có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ.

- Đối với Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Phần nội dung yêu cầu hủy; Lý do hủy bỏ: Công ty H không xâm phạm bản quyền thì Ủy ban nhân dân mới hủy bỏ chứ không thể hủy bỏ Quyết định xử phạt vì tranh chấp giữa hai bên. Thật ra giữa Công ty H và Công ty A không hề có tranh chấp gì về nhãn hiệu nhưng lý do hủy bỏ lại là có tranh chấp. Vậy nên lý do này là không đúng.

Vì vậy Công ty H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; hủy một phần Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng. Phần nội dung yêu cầu hủy: Lý do hủy bỏ.

**Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình bày:*

I. Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng:

- Về hình thức ban hành Quyết định 7737:

Về việc Quyết định xử phạt không thể hiện đầy đủ tên đơn vị bị xử phạt (thiếu cụm từ “tại Đà Nẵng”):

Theo quy định tại Điều 41 của Luật doanh nghiệp năm 2014 quy định việc đặt tên chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh:

“1. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt; các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.

2. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện.

3. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành”

Theo quy định này việc Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng ban hành Quyết định số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 xử phạt đối với chủ thể vi phạm trong đó bao gồm

tên đơn vị là Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại H, địa chỉ, lĩnh vực hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh là hoàn toàn đúng và không làm sai lệch hoặc nhầm lẫn đối tượng vi phạm.

Về việc Quyết định xử phạt không thể hiện tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Điều 32 Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định:

“Căn cứ vào mẫu biên bản, mẫu quyết định ban hành kèm theo Nghị định này, Bộ trưởng; Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ban hành các mẫu biên bản, quyết định phù hợp để sử dụng trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình và quy định việc quản lý và sử dụng các mẫu biên bản, quyết định trong xử phạt & vi phạm hành chính”. Theo quy định này thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh có thể tự biên soạn những mẫu quyết định hành chính cho phù hợp với ngành, địa phương và đối với vụ việc này không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ nên việc không thể hiện hình thức tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trong quyết định xử phạt là không sai về thể thức của quyết định xử phạt.

Về việc vi phạm thời hạn giao nhận Quyết định xử phạt:

Quyết định số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng được ban hành ngày 19/10/2015 và đã gửi cho giám đốc Chi nhánh Công ty H qua đường bưu điện vào ngày 30/10/2015. Trong thời gian từ ngày 19/10/2015 đến ngày 21/10/2015, Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng đã đến địa điểm trụ sở Chi nhánh 883 Ngô Quyền, Đà Nẵng để gửi Quyết định 7737 theo quy định tại Điều 70 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Tuy nhiên tại thời điểm này trụ sở Chi nhánh Công ty liên tục đóng cửa. Sau đó Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng đã liên lạc bằng điện thoại với giám đốc Chi nhánh Công ty là ông Nguyễn Thành Đ1 nhưng đại diện doanh nghiệp không đến nhận. Đến ngày 03/11/2015 mới giao được cho nhân viên của Chi nhánh. Với những tình tiết nêu trên, việc Công ty H khởi kiện đối với nội dung này là không đúng.

- Về nội dung Quyết định 7737: Về chủ thể bị xử phạt:

Chi nhánh doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 45 và Điều 46 Luật doanh nghiệp 2014. Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Chi nhánh doanh nghiệp được cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền nơi doanh nghiệp đăng ký chi nhánh cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh. Khoản 10 Điều 2 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012 quy định: *“Tổ chức là cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật”*. Với quy định này thì Chi nhánh doanh nghiệp là một tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008; Điều 2 quy định về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thì Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 là văn bản quy phạm pháp luật có quy tắc xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung.

Tại điểm b khoản 1 Điều 5 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 quy định về đối tượng bị xử lý hành chính; Điều 2 Luật sở hữu trí tuệ năm 2005 quy định về đối tượng áp dụng; Điều 2 Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp quy định về mức tiền phạt tối đa, thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân, tổ chức.

Căn cứ quy định nêu trên thì việc xác định chủ thể vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt đối với Chi nhánh Công ty H là hoàn toàn đúng quy định.

- Việc ban hành Quyết định xử phạt số tiền phạt 500.000.000 đồng đối với Chi nhánh Công ty H căn cứ vào việc xác định giá trị hàng hóa vi phạm được thể hiện tại Biên bản vi phạm hành chính số 0044483/BB-VPHC ngày 19/8/2015 do Đội QLTT số 8 lập không đúng quy định.

Trên cơ sở đề nghị của Sở khoa học và Công nghệ thành phố, Sở Công thương và Chi cục QLTT thành phố Đà Nẵng và qua nghiên cứu hồ sơ, Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng kết luận việc Chi cục QLTT kiểm tra, xử lý và xác định hành vi vi phạm hành chính, xác định giá trị hàng hóa vi phạm là tang vật vi phạm bao gồm thành phẩm là mì chính đã được đóng gói tại nơi bán hàng và nơi đóng gói, bao bì, nguyên liệu dùng để thực hiện hành vi đóng gói mì chính mang dấu hiệu xâm phạm quyền nhãn hiệu để xác định mức xử phạt là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Vì vậy việc ban hành Quyết định xử phạt số tiền là 500.000.000 đồng đối với Chi nhánh Công ty H là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung áp đặt kết luận giám định của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ để kết luận hành vi xâm phạm quyền: Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Nghị định 105/2006/NĐ-CP, các văn bản trả lời ý kiến chuyên môn của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam và Sở Khoa học và Công nghệ thành phố là một nguồn chứng cứ, thông tin để xác định phạm vi bảo hộ và xác định yếu tố xâm phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định 99/2015/NĐ-CP. Vì vậy, việc kết luận dấu hiệu xâm phạm quyền gắn trên thành phẩm, bao bì mì chính do Chi nhánh Công ty H là hoàn toàn có cơ sở pháp lý.

2. Đối với nội dung liên quan đến Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015:

Căn cứ Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 27 Nghị định 99/2013/NĐ-CP vì lý do vụ việc thuộc trường hợp có xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ nên Chủ tịch UBND đã ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 là đúng quy định.

** Tại các văn bản thể hiện trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty A Việt Nam trình bày như sau:*

Công ty A Việt Nam cung cấp thông tin có liên quan đến quyền sở hữu và quyền sử dụng nhãn hiệu.....theo Văn bản bảo hộ số 169 của Tập đoàn A và Công ty A Việt Nam, cụ thể:

Công ty A Việt Nam là bên được sử dụng hợp pháp duy nhất các nhãn hiệu mà Tập đoàn A và Công ty A Việt Nam đã đăng ký bảo hộ tại Việt Nam, bao gồm nhãn hiệutheo Văn bản bảo hộ số 169.

Về hiệu lực của Văn bản bảo hộ số 169, việc sử dụng nhãn hiệucủa Công ty và tính hợp pháp của việc gia hạn Văn bản bảo hộ này được thể hiện rõ ở các điều khoản của pháp luật liên quan như Điều 94, 95 Luật Sở hữu trí tuệ... Văn bản bảo hộ số 169 cho nhãn hiệu của Công ty không thuộc trường hợp chấm dứt hiệu lực nên Tập đoàn A và Công ty A Việt Nam đã thực hiện đúng các thủ tục theo Luật định để tiếp tục sở hữu và gia hạn hiệu lực Văn bản bảo hộ số 169 cho nhãn hiệutại Cục Sở hữu trí tuệ. Ngoài ra, nhãn hiệu của Công ty được đăng ký dưới dạng chữ, không phải hình.

Tại công văn số 2210/CV-AJ-2019 ngày 23/12/2019, Công ty A Việt Nam trả lời Công văn số 19/CV-TA ngày 03/12/2019 của Tòa án (sau khi HĐXX tạm ngưng phiên tòa):

1. Về việc Công ty TNHH SX-TM H vi phạm quyền nhãn hiệu của Công ty A: Căn cứ vào kết luận giám định số NH348 ngày 17/10/2014 của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ kết luận: Dấu hiệu “Ba chữ tượng hình gắn trên sản phẩm bột ngọt (mỳ chính) A-T như được thể hiện trên mẫu vật giám định là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệuđược bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 169 của Công ty A; căn cứ vào Kết luận giám định số NHI 50-15TC/KLGĐ ngày 04/5/2015 của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ theo yêu cầu của Cơ quan quản lý thị trường tp. Đà Nẵng; căn cứ vào Công văn số 8556 ngày 10/9/2015 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ trả lời cho Cơ quan quản lý thị trường tp. Đà Nẵng đã cho thấy Công ty TNHH SX-TM H vi phạm quyền nhãn hiệu của Công ty A với yếu tố “Ba chữ tượng hình” được đăng ký theo “Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 169“

2. Về việc xử lý vi phạm của Công ty TNHH SX-TM H: Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định các biện pháp mà Công ty A Việt Nam có quyền áp dụng để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình, quy định tại Điều 198 Luật sở hữu trí tuệ. Do đó, Công ty A Việt Nam đã tiến hành thực hiện biện pháp theo điểm c khoản 1 Điều 198 Luật sở hữu trí tuệ. Vì vậy, sau khi có Kết luận giám định ngày 17/10/2014 của Viện Khoa học sở hữu trí tuệ về việc Công ty TNHH SX-TM H vi phạm quyền nhãn hiệu của Công ty A, Công ty A Việt Nam đã gửi Công văn đến cơ quan Quản lý thị trường Đà

Năng là cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm trong lĩnh vực Sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tại Đà Nẵng và yêu cầu cơ quan quản lý thị trường Đà Nẵng xem xét và xử lý vi phạm của Công ty TNHH SX-TM H đối với quyền nhãn hiệu của Công ty A Việt Nam. Trên cơ sở đó, cơ quan Quản lý thị trường tp. Đà Nẵng đã thực hiện xử lý vi phạm của Công ty TNHH SX-TM H đối với quyền nhãn hiệu của Công ty A Việt Nam.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Công ty A Việt Nam (viết tắt A) nhưng Công ty đều xin vắng mặt.

** Ý kiến của Giám định viên ông Phạm Đình Chương trả lời Công văn:*

1. Về giải thích rõ nội dung các Kết luận giám định trong vụ án để xác định yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu:

Dấu hiệu “Ba chữ tượng hình” chỉ đề cập tới trong bản Kết luận giám định số NH291-15YC/KLGĐ ngày 29/7/2015 và bản kết luận giám định số NHI 50 -15TC/KLGĐ ngày 04/5/2015. Các bản kết luận còn lại có nội dung liên quan đến các dấu hiệu khác chứ không phải dấu hiệu “Ba chữ tượng hình”.

Cụ thể, các kết luận liên quan như sau: Kết luận giám định số NH291- 15YC/KLGĐ: “Dấu hiệu “Ba chữ tượng hình” gắn trên sản phẩm mỳ chính như thể hiện tại Mẫu vật giám định là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 169 của A CO., Inc, ” và kết luận giám định số NHI 50 - 15TC/KLGĐ: “Dấu hiệu “Ba chữ tượng hình ” gắn trên sản phẩm mỳ chính (bột ngọt) như được thể hiện trên Mẫu vật giám định là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 169 của A CO., Inc.

Các căn cứ pháp luật và cơ sở lý luận để thực hiện giám định và đưa ra kết luận giám định đều đã được nêu rõ trong các bản kết luận giám định.

Như đã thấy, các kết luận giám định nói trên chỉ đề cập tới Công ty A., Inc Nhật Bản chứ không đề cập tới Công ty A Việt Nam. Tuy nhiên, vì Công ty A Việt Nam được Công ty A., Inc Nhật Bản cho phép sử dụng (cấp li-xăng) nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” (số đăng ký: 169), cho nên có thể coi nhãn hiệu đó cũng là của Công ty A Việt Nam. Với lý do đó, câu trả lời là: “Ba chữ tượng hình” gắn trên sản phẩm mỳ chính (bột ngọt) của Công ty TNHH SX-TM H là yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” gắn trên sản phẩm mỳ chính (bột ngọt) của Công ty A Việt Nam.

2. Về tính khách quan của các Kết luận giám định: Ông thực hiện việc giám định với tư cách là Giám định viên về nhãn hiệu được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận theo quy định tại Điều 44 Nghị định số 105/2006/NĐ- CP sửa đổi.

- Trong số 05 bản Kết luận giám định thì có 04 được thực hiện theo yêu cầu của Công ty TNHH SX-TM H (mỗi bản kết luận về 01 đối tượng giám định) và 01 bản (NHI 50 - 15TC/KLGĐ ngày 04/5/2015) được thực hiện theo quyết định trưng cầu giám định của Hội

quản lý thị trường số 8, Chi cục QLTT thành phố Đà Nẵng (kết luận về cả 04 đối tượng giám định trùng với 04 đối tượng nêu trong 04 kết luận theo yêu cầu của Công ty TNHH SX-TM H).

- Việc ông thực hiện cả hai loại kết luận giám định (một loại theo yêu cầu, một loại theo trung cầu) với cùng các đối tượng không ảnh hưởng gì đến tính khách quan của kết luận giám định vì tôi không có “Quyền, lợi ích liên quan đến đối tượng giám định hoặc có lý do khác ảnh hưởng đến tính khách quan của kết luận giám định” (Điều 44.4.d Nghị định số 105/2006/NĐ-CP sửa đổi).

Việc ông thực hiện cả hai loại kết luận giám định (một loại theo yêu cầu, một loại theo trung cầu) với cùng các đối tượng cũng không trái pháp luật vì pháp luật không quy định người đã thực hiện giám định theo yêu cầu thì không được thực hiện giám định theo trung cầu (và ngược lại) với cùng một đối tượng, cùng một nội dung nhằm phục vụ cho việc giải quyết cùng một vụ việc.

Tóm lại, việc ông thực hiện việc giám định với cả 05 hồ sơ giám định vẫn bảo đảm tính khách quan và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2020/HC-ST ngày 26/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 32, 158, 193, 204 và Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính; Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 27 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; khoản 9 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Căn cứ Nghị quyết 326. ngày 30/12/2016 của UBND TP Đà Nẵng về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất thương mại H đối với yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất thương mại H hủy một phần Quyết định 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần lý do hủy bỏ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/12/2020, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại H kháng cáo một phần bản án hành chính sơ thẩm số 27/2020/HC-ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

1. Tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; 2. Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi nội dung

Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 ở phần lý do hủy bỏ, theo đó phải thể hiện rõ nội dung thu hồi, hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 do quyết định này được ban hành trái pháp luật, gây thiệt hại cho Công ty H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H do ông Nguyễn Thành Đ1 đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung Đơn khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Ông Nguyễn Thành Đ1 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

Yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng sửa đổi nội dung Quyết định số 2555/QĐ-UBND ở phần lý do hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về phần thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện vắng mặt. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án. Đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai nên căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

2. Về phần nội dung: Tại Quyết định số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc xử phạt vi phạm hành chính Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính là đóng gói hàng hóa (mỹ chính) mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, với hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 500.000.000 đồng; hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh hàng hóa dịch vụ vi phạm 03 tháng; biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc loại

bỏ yếu tố vi phạm và tiêu hủy yếu tố vi phạm. Ngày 11/5/2017, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 2555/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng đối với Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại H tại Đà Nẵng, địa chỉ: 883 Ngô Quyền, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng về hành vi đóng gói hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Người khởi kiện cũng đồng ý với việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên nên tại Quyết định số 2555/QĐ-UBND người khởi kiện chỉ yêu cầu hủy phần lý do hủy bỏ.

Như vậy, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC đã bị Quyết định số 2555/QĐ-UBND hủy toàn bộ nên không còn tồn tại. Do đó, bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bác yêu cầu của người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H về việc hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nói trên là có cơ sở.

Đối với Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt hành chính. Tại phần lý do hủy bỏ có nêu: Theo quy định tại Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 và Điều 27 của Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Người khởi kiện cho rằng, phần lý do hủy bỏ không đúng nên yêu cầu Tòa án hủy bỏ phần này đã được thể hiện tại nội dung vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xét thấy phần lý do hủy bỏ của Quyết định số 2555/QĐ-UBND không đúng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy phần lý do hủy bỏ là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện nên bác kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H và giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 30, 32, 158, 193, 204, 206 Luật tố tụng hành chính; Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Điều 27 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; Khoản 9 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ

sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H đối với yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H hủy một phần Quyết định số 2555/QĐ-UBND ngày 11/5/2017 của Chủ tịch UBND thành phố về việc thu hồi và hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 7737/QĐ-XPVPHC ngày 19/10/2015 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về phần lý do hủy bỏ.

2. Về án phí: Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002783 ngày 29/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm

FDVN LAW FIRM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI HÀ NỘI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2018/HC-PT
Ngày: 01/6/2018
V/v: khởi kiện trong lĩnh vực quản lý
nhà nước về nhãn hiệu hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Linh;

Ông Vũ Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Phạm Thị Minh Hải - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 03/2018/TLPT-HC ngày 05 tháng 01 năm 2018 về việc “khởi kiện trong lĩnh vực quản lý nhà nước về nhãn hiệu hàng hóa”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2017/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3005/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty cổ phần kỹ thuật BZ.

Trụ sở: Số 40 phố TL, phường ĐG, quận LB, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hà A, chức vụ: Giám đốc; Có mặt.

2. Người bị kiện: Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.

Trụ sở: Số 113 TDH, phường TH, quận CG, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, chức vụ: Thứ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

(Văn bản ủy quyền: Giấy ủy quyền số 741/BKHCN ngày 28-3-2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: bà Nguyễn Như Q, chức vụ: Thành viên Tổ giúp việc Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cục Sở hữu trí tuệ.

3.2. Cục trưởng Cục sở hữu trí tuệ.

Địa chỉ trụ sở: Số 386 NT, phường TXT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Cục Sở hữu trí tuệ và Cục trưởng Cục sở hữu trí tuệ: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ: Trưởng phòng Thực thi và Giải quyết khiếu nại của Cục sở hữu trí tuệ; Có mặt.

(Văn bản ủy quyền: Giấy ủy quyền ngày 08-6-2017).

3.3. Công ty TNHH DN.

Trụ sở: Số 17A, phố THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim Yến, chức vụ: Phó giám đốc điều hành của Công ty TNHH DN; có mặt.

(Văn bản ủy quyền: Giấy ủy quyền ngày 01-01-2018).

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện Công ty Cổ phần kỹ thuật BZ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo trình bày của Công ty cổ phần kỹ thuật BZ:

Ngày 20-7-2005, Công ty TNHH kỹ thuật TB (Công ty kỹ thuật TB) nộp Đơn số 4-2005-08985 đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 “Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ quây rượ, dịch vụ quán cà phê tự phục vụ, dịch vụ chỗ ở tạm thời”.

Ngày 16-12-2008, Cục sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 26716/QĐ- SHTT cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa (GCNĐKNH) số 116243 bảo hộ nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43.

Ngày 09-9-2011, Công ty TNHH DN (Công ty DN) nộp đơn số ĐN1-2011- 00138 đề nghị Cục sở hữu trí tuệ hủy bỏ hiệu lực của GCNĐKNH số 116243, với lý do: Nhãn hiệu DeSyloia có nguồn gốc và quá trình sử dụng của Công ty DN. Công ty kỹ thuật TB không có quyền đăng ký và không được chuyển nhượng quyền đăng ký đối với nhãn hiệu theo quy định.

Ngày 04-9-2013, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2179/QĐ-SHTT hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243, “Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quây rượ; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời (trừ dịch vụ chuồng nhốt trợ gia súc)”.

Ngày 16-10-2013, Công ty kỹ thuật TB nộp Đơn KN4-2013-01063 khiếu nại đối với Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ.

Ngày 23-7-2014, Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2310/QĐ-SHTT giải quyết khiếu nại, với nội dung giữ nguyên Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013.

Ngày 15-8-2014, Công ty kỹ thuật TB gửi đơn khiếu nại đến Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ (Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ) đối với Quyết định số 2310/QĐ-SHTT.

Ngày 28-4-2016, Công ty TNHH Kỹ thuật BZ (Công ty BZ) nộp Công văn số 09/2016/TB-BZ về việc thay đổi tên và người đại diện theo pháp luật của Công ty, theo đó, đổi tên “Công ty TNHH Kỹ thuật TB” thành tên “Công ty TNHH Kỹ thuật BZ” và người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hà A thay cho bà Lê Hoài My.

Ngày 15-7-2016, Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN giải quyết khiếu nại, nội dung:

“Không chấp thuận khiếu nại của Công ty TNHH Kỹ thuật TB đối với Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23/07/2014 của Cục Sở hữu trí tuệ về việc giải quyết khiếu nại Quyết định huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 116243. Giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 2310/QĐ-SHTT ngày 23/07/2014 (và Quyết định huỷ bỏ GCNĐKNH số 2179/QĐ-SHTT ngày 04/09/2013) của Cục Sở hữu trí tuệ.”

Ngày 27-7-2016, Công ty BZ nộp đơn yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội huỷ Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ vì Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23-7-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ và Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2014 của Cục trưởng Sở hữu trí tuệ chưa phù hợp vì lý do:

Tại thời điểm ngày 20-7-2005, chỉ có Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký và được cấp GCNĐKNH số 116243 nhãn hiệu “DESYLOIA”. Công ty DN đã xâm phạm quyền được bảo hộ khi sử dụng nhãn hiệu dịch vụ DeSyloia.

Chứng cứ của Công ty DN khi nộp đơn đến Cục sở hữu trí tuệ để chứng minh đã sử dụng nhãn hiệu “De Syloia” rộng rãi đều sau thời điểm Công ty TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Vì thế, việc Công ty kỹ thuật TB đăng ký và được bảo hộ đối với nhãn hiệu “DESYLOIA” là hoàn toàn phù hợp.

Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu và được bảo hộ cho dịch vụ đang và sẽ tiến hành trong tương lai là hoàn toàn hợp pháp, đúng theo quy định của Nhà nước.

Trong suốt quá trình từ khi nộp đơn đến khi được cấp văn bằng bảo hộ không có cá nhân, tổ chức nào khiếu nại việc Công ty kỹ thuật TB xin cấp văn bằng. Điều này cho thấy, Công ty kỹ thuật TB nộp đơn là trung thực.

Theo ý kiến của bên bị kiện trình bày:

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996 của Chính Phủ quy định chi tiết về sở hữu trí tuệ thì Công ty BZ phải đưa ra được các tài liệu chứng cứ chứng minh việc mình có hoạt động kinh doanh dịch vụ nhà hàng chứ không phải dịch vụ trông nuôi chó mèo. Từ ngày nộp đơn đăng ký nhãn hiệu 20-7-2005 đến ngày 04-9-2013 mà Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định huỷ bỏ hiệu lực đối với GCNĐKNH số

116243 nhưng Công ty kỹ thuật TB chỉ thực hiện thủ tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý Công ty DN về hành vi xâm phạm quyền mà không sử dụng nhãn hiệu đã đăng ký.

Công ty BZ khiếu nại vì vấn đề không trung thực của các thông tin về quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ không là căn cứ để thu hồi giấy chứng nhận văn bằng bảo hộ đã cấp là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996 của Chính Phủ. Cụ thể: “Khi văn bằng bảo hộ bị hủy bỏ hiệu lực vì lý do các thông tin nói trên không trung thực thì chủ Văn bằng bảo hộ phải chịu trách nhiệm do hậu quả của việc sử dụng quyền gây ra”. Tại cùng một thời điểm, Công ty kỹ thuật TB tiến hành nộp đơn đăng ký một số nhãn hiệu trùng với nhãn hiệu đã được sử dụng rộng rãi của các chủ thể khác nhau. Điều này cho thấy, Công ty kỹ thuật TB cố ý đăng ký các nhãn hiệu này nhằm mục đích chiếm đoạt, lợi dụng uy tín, danh tiếng của các chủ sở hữu nhãn hiệu.

Công ty BZ không trung thực của các thông tin về quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ, vì:

Công ty kỹ thuật TB được lập thành lập năm 2005, trong khi nhãn hiệu Desyloia là tên khách sạn Desyloia của Công ty DN được thành lập từ ngày 05-7- 1995 và hoạt động từ ngày 27-8-1995 cho đến nay với diện tích 300 m² gồm khách sạn Desyloia và nhà hàng Cây Cau tại địa chỉ số 17A phố THĐ, thành phố Hà Nội. Trong khi đó, tên thương mại Desyloia tương tự gây nhầm lẫn, nếu tách chữ D- sinoia với Desynioia vẫn có sự tương tự. Nội dung Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ đã nêu rõ Công ty DN sử dụng chỉ dẫn thương mại khách sạn Desynioia một cách thường xuyên và liên tục từ năm 1995 cho đến nay. Do đó, việc Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” trùng với tên khách sạn “De Syloia” của Công ty DN hoạt động từ năm 1995 với động cơ không trung thực, nhằm mục đích chiếm đoạt, lợi dụng uy tín của chủ thể này. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Công ty BZ.

Quan điểm của Cục trưởng và Cục Sở hữu trí tuệ:

Nhãn hiệu “DESYLOIA” được bảo hộ theo GCNĐKNH số 116243 đối với “Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quầy rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời” (trừ “dịch vụ chuồng nhốt trợ cho gia súc”) thuộc nhóm 43 cấp cho Công ty kỹ thuật TB và tên Khách sạn DeSyloia (DeSyloia Hotel) sử dụng cho dịch vụ khách sạn của Công ty DN là tương tự nhau.

Công ty DN đã cung cấp các tài liệu chứng minh nguồn gốc và việc sử dụng nhãn hiệu “De Syloia” từ nhiều năm trước thời điểm Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Trong khi đó, Công ty kỹ thuật TB không chỉ ra được nguồn gốc của nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và không có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký.

Công ty kỹ thuật TB cố ý nộp đơn đăng ký để chiếm đoạt các nhãn hiệu, trong đó có nhãn hiệu “De Syloia” đã được sử dụng nhiều năm của chủ thể khác nhằm ngăn chặn, trục lợi từ chủ nhãn hiệu đó và không có ý định sử dụng nhãn hiệu đăng ký. Đồng thời, việc

nộp đơn đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” của Công ty kỹ thuật TB là hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Công ty kỹ thuật TB chưa từng sử dụng dấu hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ kinh doanh nhà hàng, khách sạn nhưng lại nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đó cho “dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quây rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ và dịch vụ chỗ ở tạm thời” là các dịch vụ trùng hoặc cùng loại với các dịch vụ khách sạn mà Công ty DN đã có quá trình sử dụng lâu dài từ trước. Bởi vậy, Công ty DN khiếu nại cho rằng Công ty kỹ thuật TB không có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” là có cơ sở. Đồng thời việc Công ty kỹ thuật TB đăng ký nhãn hiệu này cũng vi phạm quy định về bảo hộ tên thương mại “HOTEL/Khách sạn DE SYLOIA” của Công ty DN.

Dịch vụ nằm trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty kỹ thuật TB không bao gồm “dịch vụ quây rượu”. Do đó, việc Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu cho dịch vụ nêu trên là không phù hợp với quyền nộp đơn theo quy định.

Công ty kỹ thuật TB không sử dụng nhưng lại nộp đơn đăng ký để được cấp Giấy đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 116243 bảo hộ nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 đã dẫn đến kết quả là việc tiếp tục sử dụng dấu hiệu “HOTEL DE SYLOIA” của Công ty DN bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Bởi vậy, ý kiến của Công ty TNHH SHTT Thảo Thọ Quyển – Invenco là đại diện của Công ty DN cho rằng Công ty kỹ thuật TB đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” là hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhằm chiến đoạt nhãn hiệu “DE SYLOIA” đang được sử dụng hợp pháp của Công ty DN là có căn cứ theo quy định tại Điều 5.1.b Nghị định số 12/1999/NĐ-CP ngày 06-3-1999 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Do đó, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243 là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác đơn khởi kiện của Công ty BZ.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty DN trình bày: Tên khách sạn Desyloia có nguồn gốc từ tên của bà chủ cũ khu đất King Syloia (người Pháp). Desyloia là tên thương mại hợp pháp sử dụng cho dịch vụ khách sạn, nhà hàng từ năm 1995 của Công ty DN sử dụng ổn định cho đến nay; ngoài ra còn có Bằng khoán điền thổ cấp cho bà K Syloia năm 1936; Xác nhận ngày 06-11-2012 của UBND phường PCT và Công văn số 217/SVHTTDL-CSLT ngày 15-02-2012 của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hà Nội về Khách sạn Desyloia... Năm 2011, Đội quản lý thị trường có đến khách sạn Desyloia tại 17A phố THĐ và thông báo là Công ty DN đang sử dụng trái phép tên thương mại Desyloia thì Công ty DN mới biết là tên khách sạn Desyloia đã được Công ty kỹ thuật TB đăng ký nhãn hiệu với Cục Sở hữu trí tuệ. Sau một thời gian ngắn có người nói là đại diện bên Công ty TB gọi điện cho anh Nguyễn Hoàng M là Giám đốc điều hành của Công ty DN để hẹn gặp tại quán

café rồi đặt vấn đề mua lại nhãn hiệu Desyloia nhưng anh Nguyễn Hoàng M nói Công ty DN không bán.

Công ty kỹ thuật TB (nay là Công ty BZ) không có quyền đăng ký nhãn hiệu Desyloia nên Cục sở hữu trí tuệ và Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ ban hành các quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu “Desyloia” của Công ty kỹ thuật TB là đúng pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Công ty BZ đối với Quyết định số 1967/QĐ-BKHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2017/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 204, Điều 206 và khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 4, điểm b khoản 3 Điều 6 Luật sở hữu trí tuệ; Điều 36 đến Điều 40 Luật Khiếu nại; điểm b khoản 2 Điều 14, khoản 4 Điều 15 và điểm f khoản 1 Điều 6, khoản 1 và 2 Điều 63 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996 của Chính phủ; khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH BZ đề nghị hủy Quyết định số 1967/QĐ-BKHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng bộ khoa học và công nghệ về giải quyết khiếu nại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 13/9/2017, Công ty cổ phần kỹ thuật BZ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Ông Nguyễn Hà A đại diện của người khởi kiện: Đề nghị xem lại đối tượng khởi kiện vụ án. Kết luận của Quyết định số 1967/QĐ-BKHCN ngày 15-7-2016 là không chính xác khi hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 116243. Bộ Khoa học và công nghệ kết luận Công ty kỹ thuật TB không sử dụng bất kỳ dịch vụ nào trong nhóm ngành 43 mà Công ty đã đăng ký là không đúng; Công ty đã có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đã đăng ký. Việc kết luận tên khách sạn Desyloia của Công ty DN là tên thương mại không chính xác. Chưa làm rõ sự khác biệt giữa “Desyloia” và “De syloia”, cho rằng chúng giống nhau dẫn đến quyết định “De syloia” trong “khách sạn De syloia” mới là chữ được bảo hộ với lý do đã dùng trước của Công ty DN với nhãn hiệu “Desyloia” của Công ty kỹ thuật TB đã được đăng ký bảo hộ văn bằng là thiếu chính xác. Cục Sở hữu trí tuệ không chứng minh được Công ty kỹ thuật TB là đơn vị chiếm đoạt tên nhãn hiệu của Công ty DN, nhưng lại ra quyết định hủy văn bằng của Công ty kỹ thuật TB và bảo hộ tên nhãn hiệu chưa đăng ký bảo hộ của Công ty DN là ảnh hưởng không tốt đến môi trường kinh doanh của Việt Nam.

Ý kiến của người bị kiện: Sự tương tự của nhãn hiệu “DESYLOIA” được bảo hộ theo GCNĐKNH số 116243 đối với “Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quầy rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời (trừ dịch vụ chuồng

nhốt trợ gia súc)” thuộc nhóm 43 cấp cho Công ty BZ và tên Khách sạn DeSyloia sử dụng cho dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH DN có sự trùng lặp hoàn toàn về phần chữ cũng như cách phát âm theo quy định tại điểm e, f khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996. Công ty TNHH DN đã cung cấp các tài liệu chứng minh nguồn gốc và việc sử dụng dấu hiệu “De syloia” từ năm 1995, trước ngày Công ty BZ nộp đơn đăng ký nhãn hiệu năm 2005. Do đó, “De syloia” được coi như chỉ dẫn thương mại của Công ty TNHH DN (theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 4 Nghị định số 54/2000/NĐ-CP ngày 03-10-2000). Công ty BZ không chỉ ra được nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký. Việc Công ty BZ tiếp tục sử dụng nhãn hiệu như đã đăng ký trong hoạt động kinh doanh thì sẽ được coi là sử dụng chỉ dẫn thương mại và hành vi sử dụng chỉ dẫn thương mại đó là hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 54/2000/NĐ-CP ngày 03-10-2000 của Chính phủ. Do đó, tại Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243 là có căn cứ pháp luật. Ngày 15-7-2016, Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN giải quyết khiếu nại không chấp nhận khiếu nại của Công ty TNHH Kỹ thuật TB đối với Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23/7/2014 của Cục Trưởng Cục Sở hữu trí tuệ là đúng pháp luật.

Đại diện của Cục trưởng & Cục sở hữu trí tuệ có ý kiến: Ngày 04-9-2013, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2179/QĐ-SHTT hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243, “Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quây rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời (trừ dịch vụ chuồng nhốt trợ gia súc)” và Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23/7/2014 của Cục Trưởng Cục Sở hữu trí tuệ là đúng pháp luật. Đề nghị không chấp nhận lý do của ông Nguyễn Hà A đưa ra tại phiên tòa.

Ý kiến của đại diện của Công ty DN: Tên khách sạn Desyloia của Công ty DN có nguồn gốc từ tên của bà chủ cũ khu đất King Syloia (người Pháp). Thửa đất này được cấp Bằng khoán điền thổ cho bà K Syloia từ năm 1936. Desyloia là tên thương mại hợp pháp sử dụng cho dịch vụ khách sạn, nhà hàng từ năm 1995 của Công ty DN sử dụng ổn định cho đến nay theo xác nhận ngày 06-11-2012 của UBND phường PCT và Công văn số 217/SVHTTDL-CSLT ngày 15-02-2012 của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hà Nội về Khách sạn Desyloia. Đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của Công ty BZ.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:

Tại phiên tòa về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội là đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tên khách sạn Desyloia của Công ty DN có nguồn gốc từ tên của bà chủ cũ khu đất King Syloia (người Pháp); thửa đất này được cấp Bằng khoán điền thổ cho bà K Syloia từ năm 1936. Desyloia là tên thương mại hợp pháp sử dụng cho dịch vụ khách sạn, nhà hàng từ năm 1995 của Công ty DN sử dụng ổn định cho đến nay theo xác nhận

ngày 06-11-2012 của UBND phường PCT và Công văn số 217/SVHTTDL-CSLT ngày 15-02-2012 của Sở Văn hóa, thể thao và du lịch thành phố Hà Nội về khách sạn Desyloia. Theo quy định của pháp luật thì tên Khách sạn Desyloia là tên thương mại được bảo hộ. Việc Công ty kỹ thuật TB đăng ký nhãn hiệu DESYLOIA đối với “dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quầy rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời” là tương tự tới mức gây nhầm lẫn với tên Khách sạn Desyloia của Công ty DN đã sử dụng trước đó. Nội dung kháng cáo của Công ty BZ là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính để bác yêu cầu kháng cáo của Công ty BZ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đương sự và của Kiểm sát viên,

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ giải quyết khiếu nại trong quản lý nhà nước về nhãn hiệu hàng hóa là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính là đúng pháp luật.

Ngày 27-7-2016 Công ty BZ nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2]. Công ty BZ khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ và Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23-7-2014 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ; thời hiệu khởi kiện đối với 02 quyết định nêu trên đã hết nhưng các quyết định đều có liên quan đến Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính thì Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xem xét 02 quyết định nêu trên để xác định tính hợp pháp của Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ là đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN ngày 15-7-2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ:

[2.1]. Về thẩm quyền ban hành: Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN là đúng quy định tại Điều 23 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2.2]. Về nội dung Quyết định số 1967/QĐ-BKHHCN:

Ngày 20-7-2005, Công ty TNHH kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” đối với “Dịch vụ khách sạn, dịch vụ nhà hàng ăn uống, dịch vụ quầy rượu, dịch vụ quán cà phê tự phục vụ, dịch vụ chỗ ở tạm thời”. Ngày 16-12-2008, Cục sở hữu

trí tuệ ban hành Quyết định số 26716/QĐ-SHTT cấp GCNĐKNH số 116243 bảo hộ nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 theo đơn của Công ty kỹ thuật TB.

Nhãn hiệu “DESYLOIA” được bảo hộ theo GCNĐKNH số 116243 đối với “Dịch vụ khách sạn; dịch vụ nhà hàng ăn uống; dịch vụ quầy rượu; dịch vụ quán cà phê tự phục vụ; dịch vụ chỗ ở tạm thời” thuộc nhóm 43 cấp cho Công ty Kỹ thuật TB và tên Khách sạn DeSyloia (DeSyloia Hotel) sử dụng cho dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH DN có sự trùng lặp về phần chữ cũng như cách phát âm theo quy định tại điểm e, f khoản 1 Điều 6 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996 của Chính Phủ.

Công ty kỹ thuật TB được thành lập năm 2005, còn nhãn hiệu Desyloia là tên khách sạn Desyloia và Nhà hàng Cây Cau của Công ty DN được thành lập từ ngày 05-7-1995 và hoạt động từ ngày 27-8-1995 cho đến nay tại địa chỉ số 17A phố THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội. Công ty DN đã cung cấp tài liệu là xác nhận của UBND phường PCT, Công văn số 217 của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch để chứng minh việc đã sử dụng tên khách sạn Desyloia và chỉ dẫn thương mại khách sạn Desyloia thường xuyên, liên tục từ năm 1995. Đến nay Công ty DN vẫn sử dụng tên khách sạn Desyloia.

Công ty BZ cho rằng nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” được chủ quán cà phê sử dụng trước khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Công ty BZ không có tài liệu chứng minh nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký đến thời điểm ngày 04-9-2013, Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định số 2179/QĐ-SHTT hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243 đã cấp cho Công ty kỹ thuật TB.

Công ty Kỹ thuật TB không chỉ ra được nguồn gốc của nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký là không phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Nghị định 63/CP ngày 24-10-1996 của Chính phủ. Trong khi đó, Công ty DN đã chứng minh nguồn gốc và việc sử dụng nhãn hiệu “De Syloia” từ nhiều năm, trước ngày Công ty kỹ thuật TB nộp đơn đăng ký nhãn hiệu. Công ty kỹ thuật TB không sử dụng nhưng lại nộp đơn đăng ký để được cấp GCNĐKNH số 116243 bảo hộ nhãn hiệu “DESYLOIA” cho các dịch vụ thuộc nhóm 43 đã dẫn đến kết quả là việc tiếp tục sử dụng dấu hiệu “HOTEL DE SYLOIA” của Công ty DN bị coi là hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu. Do đó, Công ty DN cho rằng Công ty kỹ thuật TB đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, nhằm chiến đoạt nhãn hiệu “DE SYLOIA” đang được sử dụng hợp pháp của Công ty DN là có căn cứ, theo quy định tại Điều 5.1.b Nghị định số 12/1999/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Công ty kỹ thuật TB không chỉ ra được nguồn gốc nhãn hiệu “DESYLOIA” do mình đăng ký và chưa có kế hoạch sử dụng nhãn hiệu đăng ký; đồng thời cố ý nộp đơn đăng ký “De Syloia” đã được sử dụng nhiều năm của Công ty DN với động cơ không trung thực

nhằm mục đích chiếm đoạt, lợi dụng uy tín, danh tiếng của chủ sở hữu đích thực nhãn hiệu/chỉ dẫn thương mại đó. Đồng thời, việc nộp đơn đăng ký nhãn hiệu “DESYLOIA” của Công ty kỹ thuật TB là hành vi cạnh tranh không lành mạnh nên Cục sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2179/QĐ- SHTT ngày 04-9-2013 hủy bỏ một phần hiệu lực GCNĐKNH số 116243 và Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ đã ban hành Quyết định số 2310/QĐ-SHTT ngày 23-7- 2014 giải quyết khiếu nại với nội dung giữ nguyên

Quyết định số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của Công ty BZ.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ ban hành Quyết định số 1967/QĐ- BKHCN ngày 15-7-2016 giải quyết không chấp nhận khiếu nại của Công ty kỹ thuật TB là đúng pháp luật. Tuy nhiên, nội dung giải quyết khiếu nại là không chấp nhận khiếu nại của Công ty kỹ thuật TB đối với Quyết định số 2310/QĐ- SHTT ngày 23-7-2014 của Cục trưởng Cục sở hữu trí tuệ. Theo đó được hiểu là chỉ hủy bỏ hiệu lực một phần của GCNĐKNH số 2179/QĐ-SHTT ngày 04-9-2013 của Cục Sở hữu trí tuệ. Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ cũng có Quyết định số 2352/QĐ-BKHCN ngày 29-8-2017 để xác định rõ nội dung này.

[3] Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty BZ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

1/ Bác kháng cáo của Công ty cổ phần kỹ thuật BZ.

2/ Giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 29/2017/HCST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

3. Án phí: Công ty cổ phần kỹ thuật BZ phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm được trừ vào khoản tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2015/0009551 ngày 22/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Thế Linh

Vũ Mạnh Hùng

Lê Thị Thúy Bình

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TANDTP Hà Nội;
- VKSNDTP Hà Nội;
- Cục THA dân sự TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Bình



FDVN LAW FIRM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2017/HC-PT

Ngày 21 – 8 – 2017

V/v Yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi Cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG****- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hoàng

Các thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành An – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đinh Văn Chánh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 41/TLPT-HC ngày 13 tháng 6 năm 2016 về “*Yêu cầu tuyên bố một số hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 04/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41C/2017/QĐXXPT-HC ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất – Thương mại HTH.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị Ng – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ liên hệ: phường YZ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Bà Ng có mặt)

- Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1.1. Ông Nguyễn Thành Đ. Sinh năm 1966.

Địa chỉ: Nhà số X đường CB, phường C, quận Y, TP. Hồ Chí Minh. (Ông Đ có mặt)

1.2. Bà Nguyễn Thị H.

Địa chỉ: đường N, quận H, thành Phố Đà Nẵng. (Bà H có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:* Ông Lê Văn C là luật sư của Công ty Luật HD. (Ông C có mặt)

Địa chỉ: đường N, quận H, thành Phố Đà Nẵng.

2. Người bị kiện: Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng - Ông Nguyễn Thanh T.

Địa chỉ: đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Ông T có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện:* Ông Phạm Văn T là luật sư của Văn phòng Luật sư PL, danh chi nhánh Đà Nẵng. (Ông T có mặt)

Địa chỉ: đường T, thành phố Đà Nẵng.

- **Người kháng cáo:** Người khởi kiện Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong đơn khởi kiện, đơn trình bày, biên bản đối thoại người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện thống nhất trình bày:*

Ngày 24/6/2015, Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng (gọi tắt là Đội QLTT) do ông Nguyễn Thanh T làm Đội trưởng đã ký quyết định kiểm tra số 0196707/QĐ-KT tại Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH (gọi tắt là Công ty HTH), nội dung kiểm tra theo quyết định bao gồm:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, việc thực hiện theo nội dung đăng ký.

+ Kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kinh doanh: Hóa đơn, chứng từ có liên quan đến hàng hóa.

+ Kiểm tra việc đo lường chất lượng hàng hóa theo quy định.

Trong quá trình kiểm tra, Đội Quản lý thị trường số XX tự động kiểm tra nội dung không có trong quyết định kiểm tra số 0196707 nêu trên, đó là:

- Xâm phạm quyền nhãn hiệu (ba chữ tượng hình) giữa Công ty AJ VN với người khởi kiện.

- Theo quy định của pháp luật, quá trình kiểm tra nếu phát hiện có hành vi mới phải có quyết định kiểm tra bổ sung nhưng Đội Quản lý thị trường không có quyết định kiểm tra bổ sung là vượt quá nội dung kiểm tra. Quá trình kiểm tra đã thu giữ và niêm phong toàn bộ hàng hóa là không đúng.

- Tự động cho người lạ mặt, không mặc đồng phục của Đội quản lý thị trường vào kiểm tra công ty mà những người này là người của Công ty AJ VN.

- Đội Quản lý thị trường số XX lập biên bản tạm giữ hàng hóa là mì chính theo biên bản số 0088000/BB-TGTV ngày 24/6/2015 đến ngày trả lại hàng hóa cho chúng tôi theo Quyết định số 0029505/QĐ-TLTV nhưng thực tế hàng hóa và các thiết bị phục vụ cho sản xuất vẫn bị niêm phong, yêu cầu công ty chúng tôi bảo quản tang vật nguyên trạng chờ ý kiến chuyên môn để có kết luận xử lý, Đội Quản lý thị trường đã lấy mất 04 bao mì chính

mỗi bao 25 kg mà không có lý do chính đáng và cũng không đưa vào quyết định trả lại tang vật.

Tóm lại, Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại HTH yêu cầu tuyên bố một số hành vi hành chính sau của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật:

- Kiểm tra vượt quá nội dung thông báo tại quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật đối với công ty.

- Hành vi cho người lạ mặt là người của Công ty AJ VN đi cùng vào kiểm tra.

- Hành vi xác định giá trị hàng hóa được cho là xâm phạm quyền về nhãn hiệu không đúng pháp luật.

- Hành vi làm thất thoát hàng hóa trong quá trình tạm giữ để thiếu 04 bao mì chính, mỗi bao cân nặng 25 kg.

- Hành vi thu giữ hàng hóa không đúng pháp luật, mặc dù có quyết định giao trả nhưng thực tế không thực hiện việc trả mà vẫn niêm phong yêu cầu công ty giữ nguyên hiện trạng.

Riêng đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do các hành vi hành chính trái pháp luật nêu trên gây ra, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại HTH yêu cầu được tách ra để khởi kiện riêng bằng vụ án dân sự khi có điều kiện chứng minh.

- *Tại văn bản gửi Tòa án đề ngày 25/10/2015, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của Đội trưởng đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng thống nhất trình bày:*

Thứ nhất: Về hành vi kiểm tra hàng hóa vượt quá nội dung thông báo, phải có quyết định kiểm tra bổ sung:

Việc kiểm tra Chi nhánh Công ty HTH là hoạt động kiểm tra đột xuất, đã thực hiện theo đúng các trình tự quy định tại Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 29/8/2013, Luật Sở hữu trí tuệ và Thông tư số 09/2013/TT-BCT, chúng tôi có trưng cầu Viện Khoa học sở hữu trí tuệ Việt Nam giám định đối với các dấu hiệu gắn trên bao bì sản phẩm đang bày bán tại Công ty HTH có hay không sự tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam.

Nội dung kiểm tra là kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kinh doanh; hóa đơn, chứng từ có liên quan đến hàng hóa tức là kiểm tra tính hợp pháp của hàng hóa đó xem có phải là hàng lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng nhập lậu, hàng xâm phạm quyền, hàng giả... hay không, chứ không chỉ là việc kiểm đếm số lượng hàng hóa. Phương án kiểm tra tập trung vào kiểm tra hàng hóa là mì chính mà không kiểm tra hàng hóa nào khác nên không vượt quá nội dung kiểm tra đã thông báo.

Thứ hai: Về hành vi xác định giá trị hàng hóa được cho là xâm phạm quyền không đúng quy định của pháp luật:

Tổng trị giá hàng hóa được xác định như sau:

* Tại Văn phòng chi nhánh và là nơi bán hàng (có địa chỉ tại số XXX, đường N, TP. Đà Nẵng):

- Mì chính loại 400g/gói có số lượng 236 gói, giá niêm yết 24.800đ/gói.
- Mì chính loại 454g/gói có số lượng 295 gói, giá niêm yết 27.800đ/gói.
- Mì chính loại 100g/gói có số lượng 43 gói, giá niêm yết 7.000đ/gói.
- Mì chính loại 1kg/gói có số lượng 09 gói, giá niêm yết 37.876đ/gói. Tổng cộng:
(236 gói x 24.800đ/gói) + (295 gói x 27.800đ/gói) + (43 gói x 7.000đ/gói) + (09 gói x 37.876đ/gói) = 14.694.000đ (1)

* Tại xưởng đóng gói của chi nhánh đồng thời là địa điểm kinh doanh (có địa chỉ tại số XXX, đường NCT, TP. Đà Nẵng):

1/ Thành phẩm là sản phẩm mì chính đã được đóng gói:

- Loại 400g/gói có số lượng 7.720 gói, đơn giá 24.800đ/gói.
- Loại 454g/gói có số lượng 6.240 gói, đơn giá 27.800đ/gói.
- Loại 100g/gói có số lượng 6.690 gói, đơn giá 7.000đ/gói. Tổng trị giá: 413.648.000đ (2)

2/ Bao bì gồm vỏ bao bì (túi nilon) dùng để đóng gói sản phẩm và thùng carton để đựng thành phẩm, trên bao bì có gắn dấu hiệu vi phạm (theo hóa đơn VAT số 11184 ngày 13/8/2014 và hóa đơn VAT số 00422 ngày 06/9/2014) có tổng trị giá là 102.012.000đ (3)

3/ Nguyên liệu là mì chính được mua tại Công ty HTH có số lượng 4.800kg được đựng trong 192 bao loại 25kg/bao (theo hóa đơn VAT số 00764 ngày 27/6/2013 có giá là 36.500đ/kg), Tổng trị giá là: 175.200.000đ. (4)

Như vậy, tổng giá trị hàng hóa là mì chính tại nơi bán hàng; thành phẩm, bao bì gắn dấu hiệu vi phạm và nguyên liệu dùng để đóng gói thành phẩm gắn dấu hiệu vi phạm tại nơi đóng gói thể hiện tại biên bản kiểm tra là: (1) + (2) + (3) + (4) = 705.554.800đ.

Căn cứ theo thứ tự ưu tiên khi xác định giá trị hàng hóa vi phạm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ, trong quá trình kiểm tra Tổ kiểm tra xác định giá trị hàng hóa là thành phẩm, bao bì gắn dấu hiệu được cho là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu, giá trị nguyên liệu dùng để thực hiện hành vi đóng gói hàng hóa mang dấu hiệu xâm phạm quyền và tổng trị giá tang vật vi phạm để sau này dùng làm căn cứ xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

Thứ ba: Về nội dung, trình tự, thủ tục tạm giữ hàng hóa không đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình kiểm tra chúng tôi đã thực hiện đúng quy định về quy trình kiểm tra, kiểm soát. Theo kiểm tra thực tế phát hiện có các dấu hiệu vi phạm đúng với các giám định mà chúng tôi đã trưng cầu giám định, khi kiểm tra nơi bán hàng tại địa chỉ số XXX, đường N thấy có dấu hiệu vi phạm về nhãn hiệu nên chúng tôi có quyền tạm giữ hàng hóa để tránh

tẩu tán hàng hóa. Theo lời khai của kế toán lúc đó thể hiện sản phẩm do chi nhánh công ty đóng gói tại XXX đường NCT. Do vậy chúng tôi tiếp tục kiểm tra tại xưởng đóng gói, khi kiểm tra phát hiện trong kho có thành phẩm, bao bì, máy móc, nguyên liệu, các thành phẩm tồn kho và bao bì đều gắn dấu hiệu "Ba chữ tượng hình" và qua quá trình kiểm tra thì phát hiện Chi nhánh Công ty đóng gói bằng nguyên liệu nhập từ Công ty mẹ ở TP. Hồ Chí Minh. Như vậy, việc sử dụng bao bì, nguyên liệu, máy móc để đóng gói thành phẩm gắn dấu hiệu "Ba chữ tượng hình" có dấu hiệu vi phạm nên Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX ban hành quyết định tạm giữ tang vật để chờ xử lý tiếp theo. Khi tạm giữ tang vật chúng tôi có niêm phong hàng hóa, có sự chứng kiến của các bên liên quan, có 02 người chứng kiến là đúng quy định tại Thông tư số 09/2013/TT-BTC.

Thứ tư: Về hành vi thay đổi số lượng tang vật tạm giữ (thiếu 04 bao mì chính, mỗi bao 25kg).

Sau khi ra quyết định tạm giữ tang vật, Đội Quản lý thị trường số XX đã chuyển tang vật, phương tiện về xưởng đóng gói của Chi nhánh Công ty HTH đồng thời giao cho Giám đốc chi nhánh bảo quản và giữ gìn. Việc chuyển giao này giữa hai bên có lập biên bản thể hiện việc chuyển giao đầy đủ và trùng khớp số lượng, chủng loại các tang vật, phương tiện bị tạm giữ, ông Nguyễn Thành Đ - Giám đốc chi nhánh là người ký vào biên bản. Biên bản gửi kho ký ngày 11/8/2015.

Đến ngày 23/8/2015, sau 60 ngày tạm giữ hàng hóa, Đội Quản lý thị trường số XX đã ban hành quyết định trả lại tang vật, phương tiện số 29505/QĐ- TLTV kèm theo biên bản trả lại tang vật, phương tiện số 14894/BB-TLTV thể hiện việc trả lại đầy đủ và trùng khớp số lượng, chủng loại các tang vật, phương tiện bị tạm giữ nên không có việc thay đổi số lượng tang vật tạm giữ thiếu 04 bao mì chính như ý kiến của Công ty HTH, việc có mất 04 bao mì chính hay không là do kiểm đếm và thể hiện trên giấy tờ đã được ký nhận đầy đủ vì lúc đó ông Đông ký trong trạng thái hoàn toàn tỉnh táo không bị ép buộc. Trong quyết định chuyển giao chi đề nghị giữ nguyên hiện trạng hàng hóa chứ không giữ nguyên hiện trạng niêm phong. Sau khi ban hành quyết định chuyển giao, đại diện Đội quản lý thị trường đã xuống xé một phần niêm phong.

Với những nội dung trên chúng tôi đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty HTH về việc đề nghị tuyên bố một số hành vi hành chính của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX là trái pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 04/5/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Áp dụng Điều 30, Điều 103, Điều 163 Luật Tố tụng hành chính.

Tuyên xử:

I/ Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH về việc yêu cầu tuyên bố một số hành vi hành chính trái pháp luật của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng.

II/ Tuyên bố hành vi giữ hàng hóa (theo quyết định tạm giữ số 0073856 ngày 24/6/2015) của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH niêm phong tại kho Chi nhánh của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH (số XXX, đường NCT) từ ngày 23/8/2015 đến ngày 21/12/2015 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quy định về phần án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Ngày 17 tháng 5 năm 2016, người khởi kiện Công ty Sản xuất – Thương mại HTH có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 02/2016/HC-ST ngày 04/5/2016, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố các hành vi hành chính của Đội QLTT số 8 là trái pháp luật, bao gồm các hành vi:

- Đội QLTT số 8 kiểm tra vượt quá nội dung có trong quyết định kiểm tra tại doanh nghiệp mà không có quyết định kiểm tra bổ sung.

- Hành vi tự động cho người lạ mặt, cụ thể là người của Công ty AJ VN – là đối thủ cạnh tranh của Công ty HTH – đi cùng đội kiểm tra QLTT số XX xâm nhập vào Công ty.

- Hành vi tính toán giá trị hàng hóa để ra quyết định xử phạt doanh nghiệp 500 triệu đồng gây bức tử cho Doanh nghiệp trái quy định pháp luật, không thấu lý đạt tình.

- Hành vi làm thất thoát 04 bao bột ngọt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo đại diện Công ty HTH vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không khách quan, công tâm, giải quyết vụ việc không đúng quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của doanh nghiệp, hành vi lạm dụng quyền lực Nhà nước của Đội QLTT số 8 dẫn đến việc ra quyết định xử phạt ảnh hưởng đến việc kinh doanh, đưa chi nhánh doanh nghiệp đến bờ vực phá sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Tuyên hành vi tính toán giá trị hàng hóa của Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục QLTT thành phố Đà Nẵng đối với CTTNHH sản xuất – Thương mại HTH là không đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy :

[1] Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án, bảo đảm về thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ

cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự.

- Việc tuân theo của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính năm 2015 về phiên tòa hành chính phúc thẩm. Bảo đảm nguyên tắc xét xử phúc thẩm, tạo điều kiện cho các đương sự trình bày ý kiến của mình khách quan và dân chủ.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 55, 56, 57, 60 và Điều 61 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng đã nhiều lần hoãn phiên tòa phúc thẩm với lý do vắng mặt nhưng người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với hành vi kiểm tra vượt quá nội dung thông báo tại quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Chi nhánh Công ty HTH. Xét thấy, tại Quyết định kiểm tra số 0196707 ngày 24/6/2015 (BL-42) do Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng ký có nội dung sau: Kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp việc thực hiện theo nội dung đăng ký, kiểm tra hàng hóa tại địa điểm kinh doanh, hóa đơn chứng từ có liên quan đến hàng hóa, kiểm tra việc đo lường chất lượng hàng hóa theo quy định. Người khởi kiện cho rằng, trong quá trình kiểm tra Đội Quản lý thị trường số XX đã kiểm tra thêm nội dung xâm phạm quyền nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” giữa Công ty AJ VN và Công ty HTH không có trong nội dung kiểm tra.

Người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện cho rằng việc kiểm tra nội dung xâm phạm quyền nhãn hiệu “Ba chữ tượng hình” đối với sản phẩm mỹ chính thuộc thẩm quyền của lực lượng Quản lý thị trường vì mỹ chính là mặt hàng liên quan đến lương thực thực phẩm nên lực lượng QLTT có quyền chủ động kiểm tra theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính Phủ và trong quá trình kiểm tra Đội QLTT số 8 phát hiện tại nơi bày bán và đóng gói của Chi nhánh Công ty HTH có bày bán và đóng gói sản phẩm mỹ chính có sử dụng dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu đang được bảo hộ của Công ty AJ VN.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc kiểm tra yếu tố xâm phạm quyền về nhãn hiệu hàng hóa là có thật, cả người khởi kiện và bị kiện đều thừa nhận. Tuy nhiên trước đó, khi thụ lý đơn đề nghị phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm của Công ty AJ VN (BL 79-84), Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX đã tiến hành trưng cầu Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ VN giám định đối với các dấu hiệu gắn trên bao bì sản phẩm đang bày bán tại chi nhánh Công

ty HTH có hay không sự tương tự đến mức gây nhầm lẫn với các nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam của Công ty AJ VN. Viện Khoa học Sở hữu trí tuệ đã có Quyết định số: NH 150-15TC/KLGD ngày 04/5/2015 là “*dấu hiệu ba chữ tượng hình gắn trên sản phẩm mì chính (bột ngọt) như được thể hiện trên mẫu giám định là tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu ba chữ tượng hình được bảo hộ theo GCNĐKNH số 169 của AJ co,INC*”.

Trong quá trình kiểm tra, Đội QLTT phát hiện Chi Nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH đang bày bán và đóng gói sản phẩm mì chính có dấu hiệu xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu nêu trên nên Đội QLTT số 8 tiến hành kiểm tra thêm nội dung này, mặc dù không có trong Quyết định kiểm tra số 0196707 ngày 24/6/2015 là đúng pháp luật theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 09/2013/TT-BCT ngày 02/5/2013 của Bộ Công thương quy định về hoạt động kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính của Quản lý thị trường: “*Trường hợp kiểm tra phát hiện đối tượng kiểm tra có hành vi vi phạm pháp luật ngoài nội dung ghi trong quyết định kiểm tra thì Tổ kiểm tra được tiến hành kiểm tra ngay mà không phải đề nghị Thủ trưởng cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra bổ sung nội dung kiểm tra đối với hành vi vi phạm hành chính đã phát hiện*”. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo nêu trên của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH.

[2.2] Đối với yêu cầu xác định hành vi cho người lạ mặt là người của Công ty AJ VN đi cùng vào kiểm tra của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật thì thấy rằng, tại phiên tòa sơ thẩm người bị kiện thừa nhận trên cơ sở phối hợp kiểm tra và xử lý vi phạm về sở hữu trí tuệ đã yêu cầu Công ty AJ VN cử hai nhân viên đi cùng, tuy nhiên người của Chi nhánh Công ty HTH không đồng ý nên 02 nhân viên của Công ty AJ VN, đứng ở ngoài, không đi cùng Đội vào nơi bán hàng và đóng gói của Chi nhánh kiểm tra. Phía người bị kiện cho rằng lãnh đạo công ty đang công tác ở Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ có công nhân đang làm việc, không can thiệp. Do vậy, không có chứng cứ để xác định có người lạ vào khu vực kiểm tra doanh nghiệp và được sự cho phép của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường Thành phố Đà Nẵng. Hội đồng xét xử xét thấy không chấp nhận kháng cáo này của người khởi kiện.

[2.3] Đối với kháng cáo về hành vi tính toán xác định giá trị hàng hóa được cho là xâm phạm quyền về nhãn hiệu không đúng pháp luật, không thấu tình đạt lý để từ đó ra quyết định xử phạt 500.000.000đ là gây thiệt hại cho doanh nghiệp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình kiểm tra Đội QLTT đã thực hiện việc xác định khối lượng, giá trị hàng hóa thể hiện tại phụ lục biên bản kèm theo Biên bản kiểm tra số 169662 ngày 24/6/2015. Quá trình làm việc sau đó vào ngày 21/7/2015, tại Biên bản làm việc số 92306/BB-XMLV và các Phụ lục biên bản số 105589; 105590; 105591/PL-BB kèm theo biên bản làm việc,

ông Nguyễn Thành Đ – Giám đốc Chi nhánh Công ty HTH đã thừa nhận giá trị của từng loại hàng hóa dựa trên số lượng cũng như đơn giá niêm yết của thành phẩm và đơn giá mua vào của từng loại bao bì có gắn dấu hiệu vi phạm, đơn giá mua vào của nguyên liệu dùng để đóng gói thành phẩm gắn dấu hiệu vi phạm như đã thể hiện tại Biên bản kiểm tra số 169962/BB-KT ngày 24/6/2015, toàn bộ số hàng hóa là tang vật vi phạm có tổng trị giá là 705.554.800 đồng và ông Nguyễn Thành Đ đã ký vào biên bản. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đông cho rằng giá niêm yết khác với giá thực tế, vì thực tế giá bán sỉ và giá bán lẻ là không giống nhau.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ quy định: *Nguyên liệu, vật liệu, phương tiện có chức năng duy nhất nhằm tạo ra, khai thác thương mại hàng hóa xâm phạm hoặc thực tế chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích đó thì bị coi là nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm và quy định: Vật, tiền, hàng hóa, phương tiện là tang vật trực tiếp của vi phạm hành chính hoặc được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính, mà nếu không có vật, tiền, hàng hóa, phương tiện này thì không thể thực hiện được hành vi vi phạm”* được quy định tại Điều b khoản 2 Điều 3 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng việc Đội QLTT số 8 đã xác định nguyên liệu, bao bì, thành phẩm có gắn dấu hiệu vi phạm, phương tiện dùng để đóng gói hàng hóa theo Biên bản kiểm tra số 169662 và các phụ lục kèm theo ngày 24/6/2015 là tang vật trực tiếp được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính của Chi nhánh Công ty HTH là có căn cứ và xác định tổng giá trị tang vật là 705.554.800đ dựa trên tính toán số lượng nhân với giá niêm yết tại công ty, phù hợp với quy định *“Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt”* được quy định tại Điều 60 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Như vậy, Công ty HTH kháng cáo về hành vi tính toán xác định giá trị hàng hóa trái pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với kháng cáo về quyết định xử phạt vi phạm hành chính xử phạt 500 triệu đồng là ngoài phạm vi xét xử và đang được thụ lý bằng vụ án khác nên không xem xét và cũng không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là *“Tuyên hành vi tính toán giá trị hàng hóa của Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục QLTT thành phố Đà Nẵng đối với Công ty TNHH Sản xuất –Thương mại HTH với số tiền 500.000.000 đồng không đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ”*.

[2.4] Đối với hành vi làm thất thoát hàng hóa 04 bao bột ngọt mỗi bao cân nặng 25 kg. Xét thấy, ngày 24/6/2015 Đội Quản lý thị trường số XX đã tạm giữ hàng hóa với số lượng cụ thể được hai bên xác nhận tại biên bản lập cùng ngày. Sau đó, chuyển về kho số

0X đường TQ, TP. Đà Nẵng. Một thời gian sau xét thấy kho tạm giữ hàng hóa không đảm bảo an toàn nên ngày 11/8/2015, Đội Quản lý thị trường số XX đã chuyển toàn bộ hàng hóa tạm giữ về gửi lại tại xưởng đóng gói của Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH. Tại biên bản do chính Đội Quản lý thị trường số XX lập ngày 11 tháng 8 năm 2015 ghi rõ: "*Số tang vật, phương tiện tạm giữ tại xưởng sản xuất của Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH tại Đà Nẵng ở địa chỉ XXX NCT được niêm phong và trên giấy niêm phong có chữ ký của đại diện Đội Quản lý thị trường số XX và Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH, đại diện của Phòng Thanh tra - Pháp chế*". Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã tiến hành thẩm định tại chỗ, xác định thực tế có thất thoát 04 bao đúng như nội dung đơn khởi kiện của Công ty HTH. Tại phiên toà phúc thẩm, ông Nguyễn Thành Đ cho rằng từ lúc niêm phong hàng hoá đến lúc thẩm định tại chỗ, công ty không có can thiệp vào nên việc thất thoát 4 bao mỳ chính là thuộc trách nhiệm Đội QLTT. Tuy nhiên, tại các biên bản làm việc số 92309/BB- XMLV ngày 11/8/2015 và biên bản gửi kho hàng hóa tạm giữ thì ông Nguyễn Thành Đ - Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH đã ký nhận đủ theo đúng biên bản tạm giữ số 88000/BBTGTV ngày 24/6/2015 và ngày 23/8/2015 (BL-65, 66, 67) biên bản trả lại tang vật tạm giữ theo thủ tục hành chính và có chữ ký người nhận là Nguyễn Thành Đ. Do đó, không có căn cứ để chứng minh người bị kiện làm thất thoát hàng hóa nên không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại HTH phải chịu án phí hành chính phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015, Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại HTH, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm 02/2016/HC-ST ngày 04/5/2015, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH về việc yêu cầu tuyên bố một số hành vi hành chính trái pháp luật của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng.

2. Tuyên bố hành vi giữ hàng hóa (theo quyết định tạm giữ số 0073856 ngày 24/6/2015) của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH niêm phong tại kho Chi nhánh của Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại HTH (số XXX, đường NCT) từ ngày 23/8/2015 đến ngày 21/12/2015 của Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số XX thuộc Chi cục Quản lý thị trường thành phố Đà Nẵng là trái pháp luật.

3. Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại HTH phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số 0000850 ngày 19 tháng 5 năm 2016 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định còn lại của án sơ thẩm xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Cục THADS TP. Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Hoàng

FDVN LAW FIRM



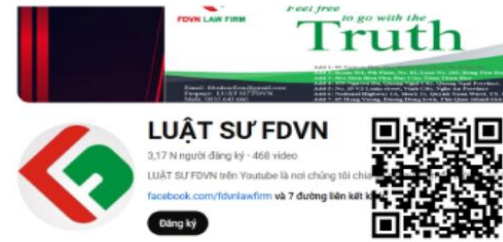
FDVN LAW FIRM



Facebook LUẬT SƯ FDVN



Facebook Lawyer for foreigners in Vietnam



Kênh Youtube FDVN Channel



Website LUẬT SƯ FDVN
fdvn.vn



Website FDVN LAW FIRM
fdvnlawfirm.vn



Website Diên đàn nghề luật
diendanngheluat.vn

Luật sư FDVN tại Đà Nẵng

Tầng 2, Tòa nhà Thư Dung Plaza, 87 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Luật sư FDVN tại TP. Hồ Chí Minh

Tầng 8, Tòa nhà Bluesea, số 205B Hoàng Hoa Thám, phường Bình Lợi Trung, thành phố Hồ Chí Minh.

Luật sư FDVN tại Hà Nội

Tầng 2, Chung cư Báo Công an nhân dân, 23 đường Nghiêm Xuân Yêm, xã Đại Thanh, thành phố Hà Nội.

Luật sư FDVN tại Huế

366 Phan Chu Trinh, phường An Cựu, thành phố Huế.

Luật sư FDVN tại Nghệ An

1421 Nguyễn Tất Thành, phường Quỳnh Mai, Nghệ An.

Tầng 2, tòa nhà Cửa Tiền Phố, đường Hồ Hữu Nhân, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An.

Luật sư FDVN tại Gia Lai

Số 61 Phạm Văn Đồng, phường Pleiku, tỉnh Gia Lai.